

Biểu mẫu 17

UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Phú Yên
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Xét tuyển; Xét tuyển điểm học tập toàn khóa chương trình trung cấp, cao đẳng đã tốt nghiệp	Xét tuyển; Xét tuyển điểm học tập toàn khóa của chương trình đại học đã tốt nghiệp.	Tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			Đính kèm thông tin bảng bên dưới				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			<ul style="list-style-type: none"> - Xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên hệ chính quy (Ban hành kèm theo quyết định số 612/QĐ-ĐHPY ngày 27/11/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên). - Xét, cấp học bổng “Hỗ trợ sinh viên” thông qua Điều lệ học bổng “Hỗ trợ sinh viên” (Ban hành kèm theo quyết định số 551/QĐ-ĐHPY ngày 05/10/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên). - Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ chính quy theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính v/v Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTG ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục (Thực hiện theo Quy định số 463/ĐHPY ngày 				

			<p>08/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên v/v thực hiện Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC đối với sinh viên người khuyết tật và sinh viên là người dân tộc thiểu số).</p> <p>- Chính sách miễn, giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.</p>	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		Đào tạo giáo viên và các ngành Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Việt Nam học	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường		Đính kèm thông tin bảng bên dưới	
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp		Đính kèm thông tin bảng bên dưới	

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022



TS. Trần Lăng

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Phú Yên - Năm học 2022 – 2023
(Đính kèm Biểu mẫu 17)

TT	Ngành đào tạo	Nội dung
	Chuẩn đầu ra chung về ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none">- Trình độ đại học:+ Đạt trình độ Ngoại ngữ bậc 3/6, theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014);+ Đạt trình độ Ngoại ngữ khác bậc 3/6 đối với sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh.- Trình độ cao đẳng: Đạt trình độ Ngoại ngữ bậc 2/6, theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014).
1	Ngôn ngữ Anh (7220201)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Hiểu có hệ thống về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận dụng kiến thức các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp phù hợp và sáng tạo.</p> <p>PLO2. Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, cơ sở văn hóa, công nghệ thông tin, lý luận chính trị và pháp luật trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức về hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Việt và văn hóa của các nước nói tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>PLO4. Phân tích và diễn đạt tốt ngôn ngữ tiếng Anh, có so sánh, đối chiếu với văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh.</p> <p>PLO5. Phát triển được kiến thức và kỹ năng biên phiên dịch để thực hiện tốt các hoạt động biên phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh trong nhiều tình huống khác nhau.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thành thạo các kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh bậc 5/6 và ngoại ngữ khác bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu (CEFR).</p> <p>PLO7. Thành thạo các hoạt động biên phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh để khởi nghiệp, tạo việc làm cho chính bản thân mình và người khác.</p> <p>PLO8. Đánh giá chính xác kết quả và chất lượng công việc trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>PLO9. Thực hiện tốt các kỹ năng ghi nhớ, ghi chép, soạn thảo văn bản, ứng dụng được các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>PLO10. Phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO11. Tuân thủ quy định đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công việc biên phiên dịch và các hoạt động xã hội.</p>

		<p>PLO12. Tôn trọng giá trị văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.</p> <p>PLO13. Tự định hướng, lựa chọn được loại hình ngôn ngữ phù hợp để thực hiện tốt công việc chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>PLO14. Hướng dẫn, giám sát công việc đội hoặc nhóm để hoàn thành tốt công việc chuyên môn có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm công tác biên phiên dịch trong các tổ chức, đơn vị có sử dụng tiếng Anh. - Tham gia giảng dạy nếu được bồi dưỡng NVSP theo quy định của Bộ GD-ĐT. - Tự tạo việc làm có liên quan đến việc sử dụng Tiếng Anh. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học tập, bồi dưỡng để phát triển kiến thức về kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác. - Học tập chuyên ngành Ngôn ngữ Anh ở trình độ cao hơn.
2	<p>Công nghệ thông tin (7480201)</p>	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) một cách khoa học, đảm bảo an toàn.</p> <p>PLO2. Ứng dụng các kiến thức toán học, thuật toán và lập trình để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực CNTT.</p> <p>PLO3. Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật về phát triển phần mềm để xây dựng các chương trình ứng dụng.</p> <p>PLO4. Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong các dự án phần mềm.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO5. Khảo sát, phân tích mục đích, phạm vi sử dụng, sự ảnh hưởng của các yếu tố chính trị, xã hội để đề xuất các giải pháp CNTT phù hợp.</p> <p>PLO6. Thực hiện tuân thủ quy trình phân tích và thiết kế hệ thống CNTT: xác định các chức năng, mô tả sự vận hành và thiết kế chi tiết các tính năng của hệ thống được đề xuất.</p> <p>PLO7. Lập trình và xây dựng hệ thống phần mềm theo quy trình chuyên nghiệp.</p> <p>PLO8. Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: biết cách lập kế hoạch và quản lý thời gian, phối hợp và ứng xử phù hợp với các bên liên quan, sử dụng tiếng Anh đạt tối thiểu trình độ B1 trở lên trong quá trình làm việc.</p> <p>PLO9. Thực hiện thuyết trình và viết báo cáo.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO10. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp; sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>PLO11. Thể hiện thái độ đúng đắn đối với các giải pháp công nghệ, hiểu rõ sự ảnh hưởng của các hệ thống ứng dụng đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội.</p> <p>PLO12. Tuân thủ kỷ luật lao động, hình thành ý thức và tác phong công nghiệp.</p> <p>PLO13. Nhận biết nhu cầu tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp liên tục của người làm trong lĩnh vực CNTT.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các công ty phần mềm ở các vị trí như lập trình, kiểm thử, phân tích và thiết kế hệ thống, quản trị cơ sở dữ liệu. - Công tác tại các công ty tư vấn các giải pháp CNTT, các cơ quan, đơn vị có ứng dụng và chuyển giao công

		<p>nghệ thuật lĩnh vực CNTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia giảng dạy nếu được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ khả năng tự học và nghiên cứu các công nghệ, kỹ thuật mới để nâng cao trình độ chuyên môn; - Đủ khả năng tiếp tục học sau đại học.
3	<p>3.1. Giáo dục Mầm non (7140201) - ĐH</p>	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Thực hiện nghiêm chỉnh đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; luôn ý thức tự rèn luyện đạo đức cách mạng và nâng cao bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước và của bản thân. Vận dụng những kiến thức lý luận chính trị đã học để giải quyết triệt để những vấn đề liên quan đến đời sống và hoạt động nghề nghiệp một cách đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>PLO2. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm – xã hội, thẩm mỹ, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.</p> <p>PLO4. Phân tích tổng hợp được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ một cách toàn diện.</p> <p>PLO5. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình, xã hội thực hiện chức năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</p> <p>PLO7. Vận dụng, các phương pháp, quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở các cơ sở giáo dục mầm non để kịp thời điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ cho phù hợp.</p> <p>PLO8. Thiết kế thành thạo kế hoạch giáo dục chăm sóc, chương trình giáo dục nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện cho trẻ.</p> <p>PLO9. Sáng tạo trong việc thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.</p> <p>PLO10. Quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO11. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp; sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>PLO12. Yêu nghề, có thái độ yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.</p> <p>PLO13. Phối hợp với đồng nghiệp quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá việc thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>PLO14. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý và cải thiện hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>PLO15. Thành thạo xử lý hợp lý các tình huống xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên dạy ở các cơ sở giáo dục mầm non. - Chuyên viên giáo dục mầm non ở các Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo, trung tâm phát triển Giáo dục. - Tổ chức, quản lý, điều hành phát triển các cơ sở giáo dục mầm non. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p>

		<p>- Tự học, bồi dưỡng và nghiên cứu cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển theo yêu cầu của vị trí công tác và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.</p> <p>- Tiếp tục học tập sau đại học chuyên ngành Giáo dục mầm non và các ngành gần</p>
<p>3.2. Giáo dục Mầm non (51140201) - CD</p>		<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có ý thức tự rèn luyện đạo đức, trách nhiệm công dân; nâng cao phẩm chất chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước và của bản thân.</p> <p>PLO2. Vận dụng kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên, xã hội vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm xã hội, thẩm mỹ, vui chơi, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.</p> <p>PLO4. Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>PLO5. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thực hiện đầy đủ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>PLO7. Quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>PLO8. Lập chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.</p> <p>PLO9. Thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.</p> <p>PLO10. Quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO11. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp; Yêu nghề, yêu trẻ, có đạo đức nhân cách lối sống tốt, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>PLO12. Giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>PLO13. Thực hiện, phối hợp với đồng nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>PLO14. Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>PLO15. Xử lý được các tình huống xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non. - Chuyên viên tại các tổ chức giáo dục mầm non. - Tổ chức, quản lý, điều hành phát triển các cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm giáo dục. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học liên thông lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và một số ngành liên quan. - Tự học để cập nhật các kiến thức hiện hành.

4	Giáo dục Tiểu học (7140202)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Giải thích đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Vận dụng những kiến thức lý luận chính trị để giải quyết những vấn đề của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp một cách phù hợp và sáng tạo.</p> <p>PLO2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào lập kế hoạch các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.</p> <p>PLO3. Tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.</p> <p>PLO4. Vận dụng các kiến thức về tâm sinh lí học sinh tiểu học vào tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.</p> <p>PLO5. Quản trị quá trình dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học.</p> <p>PLO6. Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tiểu học.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO7. Vận dụng linh hoạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào khai thác, tra cứu, quản lí và sử dụng các phần mềm, các nguồn tài nguyên phục vụ hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở tiểu học.</p> <p>PLO8. Sử dụng ngoại ngữ vào khai thác, tra cứu, sử dụng các tài liệu để nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học.</p> <p>PLO9. Tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh trong rèn luyện và học tập.</p> <p>PLO10. Xử lí linh hoạt, sáng tạo các tình huống sư phạm trong dạy học và giáo dục.</p> <p>PLO11. Phối hợp các lực lượng giáo dục để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực; Thực hiện các hoạt động giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong nhà trường tiểu học;</p> <p>PLO12. Thể hiện được tư duy phân biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO 13. Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo, tâm huyết và trách nhiệm với nghề nghiệp.</p> <p>PLO14. Tích cực tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.</p> <p>PLO15. Có năng lực tự học, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ; cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục đáp ứng các bối cảnh giáo dục khác nhau.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ở các trường Tiểu học trong cả nước. - Giáo viên ở các trung tâm phát triển giáo dục. - Chuyên viên giáo dục ở các Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tự học, tự nghiên cứu đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục. - Tiếp tục học tập ở các trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Giáo dục Tiểu học và các chuyên ngành gần.
5	Việt nam học (7310630)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Giải thích đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>PLO2. Vận dụng các kiến thức lý luận chính trị để giải quyết những vấn đề của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp một cách phù hợp và sáng tạo.</p>

		<p>PLO3. Vận dụng kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để thực hiện những công việc liên quan đến lĩnh vực du lịch.</p> <p>PLO4. Vận dụng kiến thức chuyên ngành để hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực dịch vụ du lịch: lữ hành - hướng dẫn, khách sạn - nhà hàng và quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>PLO5. Vận dụng kiến thức hỗ trợ để làm việc thuộc các lĩnh vực du lịch: tổ chức sự kiện văn hóa và du lịch, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thực hiện chính xác các kỹ năng nghề nghiệp thuộc các dịch vụ du lịch: lữ hành - hướng dẫn, khách sạn - nhà hàng và quản lý nhà nước về du lịch.</p> <p>PLO7. Sử dụng chuẩn tiếng Anh giao tiếp trong du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác tốt các phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc.</p> <p>PLO8. Giao tiếp tốt, xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.</p> <p>PLO9. Lập kế hoạch, xây dựng được các giải pháp và khuyến nghị để giải quyết những vấn đề của thực tiễn công việc.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO10. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp; sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>PLO11. Yêu nghề, tôn trọng các nguyên tắc, chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>PLO12. Chủ động làm việc độc lập và làm việc nhóm để thực hiện những công việc chuyên môn.</p> <p>PLO13. Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hiệu quả làm việc của cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>PLO14. Tổ chức, quản lý, hướng dẫn, giám sát và đánh giá kết quả công việc trong các lĩnh vực du lịch.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa - du lịch; các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành - hướng dẫn, khách sạn - nhà hàng; - Có khả năng khởi nghiệp, tự thành lập công ty, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực dịch vụ du lịch. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác; - Học tập tiếp ở trình độ sau đại học các ngành Văn hóa, Du lịch và các ngành gần.
6	Lịch sử (7140218)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Hiểu có hệ thống về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận dụng kiến thức các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp phù hợp và sáng tạo.</p> <p>PLO2. Diễn giải được kiến thức nền tảng về lịch sử và địa lí của Việt Nam và thế giới, lý luận phương pháp dạy học môn Lịch sử - Địa lí.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức về khoa học lịch sử, địa lí, lý luận phương pháp dạy học lịch sử và địa lí, tâm lí học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm để dạy học môn Lịch sử - Địa lí và các hoạt động giáo dục khác ở trường trung học phổ thông và trung học cơ sở.</p> <p>PLO4. Thực hiện được các nghiên cứu cơ bản về lịch sử, địa lí, khoa học giáo dục và các nghiên cứu khoa học ứng dụng.</p> <p>PLO5. Vận dụng được kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục học sinh.</p>

		<p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Sử dụng phù hợp các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Lịch sử - Địa lí ở trường trung học phổ thông và trung học cơ sở theo định hướng phát triển năng lực.</p> <p>PLO7. Thực hiện linh hoạt các kỹ năng cơ bản về nghiên cứu lịch sử, địa lí trong chương trình giáo dục trung học phổ thông và trung học cơ sở.</p> <p>PLO8. Thực hiện được việc lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động học tập, trải nghiệm, rèn luyện của học sinh.</p> <p>PLO9. Kết hợp được các kỹ năng trong dạy học môn Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông;</p> <p>PLO10. Xử lý phù hợp các tình huống sư phạm với học sinh, phụ huynh học sinh trong dạy học, giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường trung học phổ thông và trung học cơ sở;</p> <p>PLO11. Tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông và lựa chọn được sách giáo khoa phù hợp cho môn học.</p> <p>PLO12. Thực hiện được năng lực phản biện và khả năng sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO13. Có ý thức tự rèn luyện đạo đức và trách nhiệm công dân, nâng cao phẩm chất chính trị của bản thân đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.</p> <p>PLO14. Thực hiện đúng quy định về phẩm chất, đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường trung học phổ thông và trung học cơ sở.</p> <p>PLO15. Có khả năng hội nhập, làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy môn Lịch sử - Địa lí ở trường trung học phổ thông và trung học cơ sở. - Làm công tác chuyên môn ở các cơ sở quản lý giáo dục, bảo tàng, văn hóa – du lịch, văn phòng, cơ quan hành chính nhà nước. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sau đại học ngành Lịch sử, Địa lí và một số chuyên ngành gần như Khảo cổ học, Dân tộc học, Tài nguyên & môi trường, Địa chất.... - Có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo, chuyên đề về lịch sử, địa lí.
7	Ngữ văn (7140217)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Vận dụng những kiến thức lý luận chính trị để giải quyết những vấn đề của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp một cách phù hợp và sáng tạo.</p> <p>PLO2. Vận dụng kiến thức cơ bản của khoa học xã hội để nghiên cứu và dạy học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành văn học, ngôn ngữ học để nghiên cứu và dạy học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông; phân tích, đánh giá và phát triển chương trình môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO4. Vận dụng kiến thức khoa học sư phạm để dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh ở trường phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.</p> <p>PLO5. Vận dụng kiến thức khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh phổ thông.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thực hiện tốt các kỹ năng trong hoạt động nghiên cứu văn học, ngôn ngữ học và khoa học giáo dục.</p> <p>PLO7. Phối hợp nhiều kỹ năng trong dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cho học sinh</p>

		<p>phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.</p> <p>PLO8. Lập và thực hiện đầy đủ kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.</p> <p>PLO9. Xử lí linh hoạt các tình huống sư phạm trong dạy học, giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông.</p> <p>PLO10. Thực hiện hợp lý việc lựa chọn sách giáo khoa, thảo luận công tác dạy học, giáo dục học sinh với đồng nghiệp và các bên liên quan.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO11. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp; sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.</p> <p>PLO12. Tuân thủ các qui định theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.</p> <p>PLO13. Chủ động thích nghi với môi trường làm việc và chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao.</p> <p>PLO14. Đáp ứng các yêu cầu trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến hoạt động dạy học Ngữ văn và các công tác khác ở trường phổ thông.</p> <p>PLO15. Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên Ngữ văn ở các trường THCS và THPT. - Làm công tác chuyên môn tại các trung tâm, cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan báo chí – truyền thông. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học tập, nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác. - Học sau đại học ngành Văn học, Ngôn ngữ học và một số chuyên ngành gần.
8	<p>Sư phạm tiếng Anh (7140231)</p>	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Hiểu có hệ thống về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận dụng kiến thức các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp phù hợp và sáng tạo.</p> <p>PLO2. Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học xã hội, công nghệ thông tin, lý luận chính trị và pháp luật vào nghiên cứu và dạy học môn Tiếng Anh trong chương trình giáo dục phổ thông bậc phổ thông.</p> <p>PLO3. Vận dụng được kiến thức về hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh (bao gồm từ vựng, ngữ pháp và 4 kỹ năng giao tiếp tiếng Anh) và văn hóa của các nước nói tiếng Anh vào việc giảng dạy tiếng Anh bậc phổ thông.</p> <p>PLO4. Phân tích kiến thức khoa học sư phạm, ứng dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại để dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh ở bậc phổ thông theo hướng phát triển năng lực.</p> <p>PLO5. Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục và phối hợp với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh bậc phổ thông.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thành thạo các kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh bậc 5/6 và ngoại ngữ khác bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu (CEFR).</p> <p>PLO7. Phối hợp nhiều kỹ năng trong việc dạy học, quản lý lớp học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh ở bậc phổ thông một cách hiệu quả và đúng qui định.</p> <p>PLO8. Xây dựng môi trường học tập tiếng Anh và tổ chức các hoạt động với nhiều hình thức khác nhau để</p>

		<p>tăng cường giao tiếp bằng tiếng Anh phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện dạy học cụ thể.</p> <p>PLO9. Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh và phụ huynh học sinh trong dạy học, giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông.</p> <p>PLO10. Phối hợp kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác tài liệu số, các phương tiện dạy học, và làm đồ dùng dạy học để thực hiện các hoạt động chuyên môn.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO11. Thực hiện nghiêm túc các qui định về đạo đức nhà giáo, có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO12. Tôn trọng giá trị văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.</p> <p>PLO13. Chủ động, tự tin và sáng tạo trong dạy học tiếng Anh ở bậc phổ thông.</p> <p>PLO14. Áp dụng kiến thức tiếng Anh trong giảng dạy và tự học, tự bồi dưỡng.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên Tiếng Anh ở các trường phổ thông, các cơ quan quản lý giáo dục và trung tâm ngoại ngữ. - Làm việc ở các tổ chức có sử dụng Tiếng Anh. - Tự tạo việc làm có liên quan đến việc sử dụng Tiếng Anh. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác. - Học ở các trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và các chuyên ngành gần
9	<p>Sư phạm Tin học (7140210)</p>	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và phát triển phẩm chất của người giáo viên giảng dạy ở trường phổ thông.</p> <p>PLO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lý, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.</p> <p>PLO3. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, các kiến thức nền tảng của tin học và phương pháp dạy học vào giảng dạy môn Tin học ở trường phổ thông.</p> <p>PLO4. Vận dụng được kiến thức chuyên sâu một số lĩnh vực của công nghệ thông tin vào việc nghiên cứu phát triển năng lực dạy học môn Tin học.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO5. Tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá trong dạy học tin học ở trường phổ thông;</p> <p>PLO6. Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.</p> <p>PLO7. Tổ chức được các hoạt động liên quan đến công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoại khóa trong trường phổ thông.</p> <p>PLO8. Giao tiếp hiệu quả với học sinh, đồng nghiệp.</p> <p>PLO9. Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO10. Hình thành ý thức, đạo đức và tác phong của người giáo viên. Thực hiện đúng quy định về đạo đức, tác phong nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.</p> <p>PLO11. Thể hiện được sự độc lập trong tư duy và trong công việc, đưa ra được các ý kiến phân biện, thích ứng được với sự thay đổi của môi trường làm việc.</p>

		<p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy bộ môn Tin học ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục. - Đảm nhiệm công tác quản lý cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin ở trường phổ thông, huấn luyện các nghiệp vụ liên quan đến Công nghệ thông tin. - Tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục và các lĩnh vực có liên quan. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ khả năng tự học và nghiên cứu các công nghệ mới phục vụ công tác giảng dạy. - Đủ khả năng tiếp tục học sau đại học, tự học suốt đời
10	Sư phạm Toán (7140209)	<p>I. Về kiến thức</p> <p>PLO1. Vận dụng những kiến thức lý luận chính trị để giải quyết những vấn đề của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp một cách phù hợp.</p> <p>PLO2. Vận dụng kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo trong hoạt động giáo dục và dạy học toán.</p> <p>PLO3. Vận dụng kiến thức về toán cao cấp, toán sơ cấp và toán ứng dụng vào thực tiễn dạy học toán.</p> <p>PLO4. Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, nghiệp vụ sư phạm bộ môn để thực hiện tốt quy trình dạy học và kiểm tra đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.</p> <p>PLO5. Nắm vững cách thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục phục vụ cho việc dạy học toán.</p> <p>II. Về kỹ năng</p> <p>PLO6. Thực hiện chính xác nội dung dạy học toán ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, đảm bảo yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.</p> <p>PLO7. Thực hiện chính xác việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và hoạt động dạy học toán ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.</p> <p>PLO8. Sáng tạo trong xây dựng kế hoạch, lập và quản lý hồ sơ dạy học môn toán theo quy định và thành thạo trong việc triển khai, tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục.</p> <p>PLO9. Có kỹ năng tìm hiểu người học và môi trường giáo dục; phối hợp với đồng nghiệp, với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.</p> <p>PLO10. Vận dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ vào thực tiễn dạy học ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.</p> <p>PLO11. Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng Anh nhằm hỗ trợ việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu.</p> <p>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO12. Giải thích đúng và chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm quy định về đạo đức nhà giáo; yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc.</p> <p>PLO13. Có ý thức tự rèn luyện đạo đức và trách nhiệm công dân; rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước và của bản thân.</p> <p>PLO14. Chủ động học tập, rèn luyện nâng cao trình độ để phát triển nghề nghiệp, thích ứng với môi trường giáo dục năng động thời kì hội nhập; có thể tổ chức làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết các vấn đề phức tạp về chuyên môn và có khả năng tư duy phản biện.</p> <p>PLO15. Đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ dạy toán ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>IV. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:</p>

		<ul style="list-style-type: none">- Dạy toán ở các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.- Làm công tác chuyên môn ở các phòng, ban thuộc khối chuyên môn. <p>V. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có khả năng tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.- Có khả năng tiếp tục học sau đại học.
--	--	--

Phủ Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Lăng

Biểu mẫu 18**UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Phú Yên
Năm học 2022 - 2023****A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I			701	153 91				
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III					x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V			83		x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII			258		x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)* TN năm 2021
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I	315	14	95	195	83,94%
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V	4		1		100%

6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	152	1	32	99	96%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100.

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Tuy An – Miền di sản	23/11/2022	Huyện Tuy An (phối hợp tổ chức)	150
2	Chuyển đổi số trong nông nghiệp	3/2023	Trường ĐH Phú Yên	100
3	Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên Trường Đại học Phú Yên đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	3/2023	Trường ĐH Phú Yên	100
4	Dạy học STEM trong chương trình giáo dục phổ thông	6/2023	Trường ĐH Phú Yên	100

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Xây dựng ứng dụng tra cứu thông tin sinh viên Trường Đại học Phú Yên	ThS Trần Xuân Hiệp Đồng chủ nhiệm: ThS Nguyễn Quốc Dũng CTV: Vũ Văn Duy, Nguyễn Thanh Hưng		12 tháng	9,4 triệu	Xây dựng ứng dụng tra cứu thông tin sinh viên; Cập nhật, tìm kiếm, thống kê số liệu quản lý một cách nhanh chóng chính xác; hỗ trợ việc quản lý hệ thống văn bằng tốt nghiệp sinh viên trường Đại học Phú Yên cấp

2	Nghiên cứu một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn bóng chuyền cho sinh viên Trường Đại học Phú Yên	ThS Phạm Minh Quang CTV: ThS Lê Đức Hiếu		18 tháng	9,6 triệu	Hỗ trợ cho công tác giảng dạy, học tập môn bóng chuyền của sinh viên, giảng viên nhà trường
3	Văn học thiếu nhi Việt Nam từ 1995 đến 2022	ThS Võ Nguyễn Bích Duyên CTV: ThS Huỳnh Thị Diệu Duyên		24 tháng	13 triệu	Kết quả nghiên cứu có thể được in thành sách làm tài liệu tham khảo, tài liệu học tập.
4	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến dự định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Phú Yên	ThS Nguyễn Thị Nguyệt Thu CTV: ThS Đinh Thị Như Quỳnh, ThS Đỗ Thị Phương Uyên		18 tháng	10,5 triệu	Làm tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên trường ĐHPY, tỉnh Phú Yên; Làm cơ sở cho các cấp chính quyền hoạch định các chính sách kích thích khởi nghiệp trong sinh viên
5	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Trường Đại học Phú Yên	ThS Lương Thị Mai Loan CTV: TS. Đào Văn Phương, Ths.Võ Thị Thúy Hằng		18 tháng	10,4 triệu	Sản phẩm nghiên cứu là tài liệu phục vụ giảng dạy chuyên ngành quản trị kinh doanh, kế toán, là tài liệu giúp nhà trường nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo và duy trì phát triển bền vững trong bối cảnh thực hiện cơ chế tự chủ hiện nay
6	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động nuôi trồng thủy sản ở vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	ThS Nguyễn Thị Thảo Linh CTV: Nguyễn Hữu Nhật		18 tháng	16,2 triệu	Cung cấp cho nhà quản lý cơ sở để NTTS phù hợp bối cảnh BĐKH; là cơ sở để cấp chính quyền tỉnh Phú Yên quản lý, điều chỉnh quy hoạch ngành NTTS phù hợp BĐKH
7	Nghiên cứu quá trình nhân giống In Vitro cây linh sam (Desmodium unifoliatum (Merr.) Steen.) tại trường Đại học Phú Yên	ThS Nguyễn Thị Kim Triển CTV: TS Văn Thị Phương Như, ThS Đào Lệ Tuyền		24 tháng	19,6 triệu	Cung cấp quy trình nhân giống In vitro cây Linh Sam; cung cấp thị trường 300 cây Linh sam đủ điều kiện ra vườn ươm; Cung cấp dữ liệu về đặc điểm sinh học của cây linh sam cho các đối tượng có nhu cầu nghiên cứu thêm....
8	Xây dựng khung năng lực sư phạm cho sinh viên trường Đại học Phú Yên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong	ThS Châu Thị Hồng Như CTV: Nguyễn Trí, Phan Thị Thanh Thúy		18 tháng	11,5 triệu	Góp phần hoàn thiện lý luận dạy học ở trường đại học; Đề xuất khung năng lực cho SV trường ĐHPY đáp ứng yêu cầu chuyển

	giáo dục và đào tạo					đôi số
9	Phát triển du lịch cộng đồng tại làng nghề bánh tráng Hòa Đa (Phú Yên) theo hướng bền vững	ThS Phan Thị Thùy Linh CTV: TS Nguyễn Thùy Vân; TS Đoàn Thị Như Hoa		6 tháng	10 triệu	Bảo tồn các giá trị văn hóa của làng nghề bánh tráng Hòa Đa; Phát triển kinh tế làng nghề, tăng thêm thu nhập cho người dân địa phương

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Phú Yên	06/4/2022-12/4/2022	Công nhận	Số 41/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25/8/2022	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	26/9/2022	26/9/2027

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng

Biểu mẫu 18

**UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Phú Yên
Năm học 2022 - 2023

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Các môn học chung

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lênin	<p>Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.</p> <p>Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.</p>	3	HK1	Kiểm tra và thi tự luận
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.</p> <p>Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý</p>	2	HK2	Kiểm tra và thi tự luận

		<p>luyện về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Canh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.</p>			
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): Quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.</p>	2	HK3	Kiểm tra và thi tự luận
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.</p>	2	HK4	Kiểm tra và thi tự luận

5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.</p>	2	HK5	Kiểm tra và thi tự luận
6.	Pháp luật đại cương	<p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.</p>	2	HK3	Kiểm tra và thi tự luận
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học (NCKH); phương pháp NCKH; các thao tác NCKH; các giai đoạn tiến hành đề tài NCKH; hình thức và cấu trúc của luận văn khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng NCKH vào việc học tập và nghiên cứu chuyên ngành ngôn ngữ Anh, biên phiên dịch ở đại học</p>	2	HK5	Kiểm tra và thi tự luận
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	<p>Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.</p>	2	HK5	Tự luận
9.	Khởi nghiệp	<p>Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng vận dụng phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo. Về kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều</p>	2	HK4	Kiểm tra và thi tự luận

		chính cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra, học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp			
--	--	--	--	--	--

II. Các môn học theo chuyên ngành

1. Ngành Ngôn ngữ Anh (7220201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tiếng Việt thực hành	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	2	HK5	Kiểm tra và thi tự luận
2.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần này được thiết kế cho sinh viên (SV) ngành Ngôn ngữ Anh nhằm cung cấp những kiến thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa; không gian và chủ thể văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.	2	HK5	Kiểm tra và thi tự luận
3.	Tiếng Pháp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ	3	HK1	Trắc nghiệm và tự luận

		<p>ơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v. Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.</p>			
4.	Tiếng Pháp 2	<p>Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải trí, sở thích, những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,...). Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.</p>	3	HK2	Trắc nghiệm và tự luận
5.	Tiếng Pháp 3	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tiên trung cấp (A2). Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.</p>	2	HK3	Trắc nghiệm và tự luận
6.	Luyện âm	<p>Học phần cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc –ed endings, và –s /-es endings; trọng</p>	2	HK1	Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận.

		âm từ (word stress), trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.			
7.	Ngữ âm-Âm vị học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh, mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.	2	HK2	Trắc nghiệm và tự luận
8.	Ngữ pháp 1	Học phần tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ đề: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe để vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh.	2	HK1	Trắc nghiệm và tự luận
9.	Ngữ pháp 2	Học phần tiếp tục tích hợp các kiến thức về ngữ pháp với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ đề: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh Use of English.	2	HK2	Trắc nghiệm và tự luận
10.	Ngữ nghĩa học	Học phần làm rõ nét và phân biệt hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của	2	HK6	Trắc nghiệm và tự luận

		từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, hai phân ngành có sự liên hệ mật thiết với nhau thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh.			
11.	Ngôn ngữ và văn hóa	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và khái niệm cơ bản về văn hóa và ngôn ngữ và mối quan hệ giữa hai hệ thống này. Các khái niệm và kiến thức này nhằm để dẫn nhập các đặc trưng về các mối quan hệ cùng các yếu tố chi phối ý thức về bản sắc dân tộc và văn hóa, sự khác biệt trong ý thức nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các tiểu vùng văn hóa hay quốc gia.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể hiểu được các bình diện của văn hóa, ngôn ngữ như ý thức cộng đồng, tín hiệu với tư cách là một đơn vị ngôn ngữ và xã hội, các khác biệt về hành xử văn hóa và ngôn ngữ, cũng như cách nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các nhóm văn hóa.</p>	3	HK5	Trắc nghiệm và tự luận
12.	Từ vựng học	Học phần từ vựng học cung cấp kiến thức căn bản về từ vựng học tiếng Anh gồm: đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của môn học; Cấu trúc từ vựng và cách thành lập; Các loại nghĩa của từ; Nghĩa cú; Lịch sử hình thành và phát triển của từ vựng và tính đa dạng của chúng.	2	HK4	Trắc nghiệm và tự luận
13.	Cú pháp học	Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.	2	HK4	Trắc nghiệm và tự luận
14.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lí thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh đồng thời cung cấp các thủ pháp và nguyên tắc cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ để giúp sinh viên thuận lợi hơn trong việc phát âm, giảng dạy tiếng Anh và dịch thuật Anh-Việt hoặc Việt-Anh.	2	HK7	Tự luận
15.	Ngôn ngữ học xã hội	Học phần này giới thiệu mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và xã hội; giới tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội, sở thích,	2	HK7	Tự luận

		quan hệ xã hội, địa phương, tín ngưỡng, kiêng kỵ, chính trị, tập tục, truyền thống đối với việc sử dụng ngôn ngữ qua các biến thể ngôn ngữ, qua cách xưng hô, qua những tình huống nói năng hoặc im lặng, qua sự thay đổi ngôn ngữ.			
16.	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	<p>Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v.</p> <p>Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.</p>	2	HK6	Trắc nghiệm và tự luận
17.	Giao thoa văn hóa	Học phần Giao thoa Văn hóa giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.	2	HK6	Trắc nghiệm và tự luận
18.	Đất nước học Anh	Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.	2	HK6	Trắc nghiệm và tự luận
19.	Đất nước học Mỹ	Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức	2	HK6	Trắc nghiệm và tự luận

		bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v			
20.	Văn học Anh	Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.	2	HK7	Trắc nghiệm và tự luận
21.	Văn học Mỹ	Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết về văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học	2	HK7	Trắc nghiệm và tự luận
22.	Nghe 1	Học phần cung cấp những kỹ thuật nghe cơ bản để nhận diện và giải mã âm thông qua các hoạt động nghe trên lớp; cách nhận biết và vận dụng lượng từ vựng Tiếng Anh thông dụng hàng ngày và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; thông tin về những phong tục, tập quán và văn hóa của người Anh ở các vùng miền; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ở cấp độ cơ bản.	3	HK1	Trắc nghiệm và tự luận
23.	Nói 1	Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói ở mức độ phát triển kỹ năng nói bậc hai (2/6) như miêu tả tranh, thảo luận nhóm – cặp, chứng minh, diễn thuyết, phân tích. Sinh viên có thể tạo ra được những bài phát biểu mới với lượng từ vựng nhất định; có thể trao đổi và đưa ý kiến của mình về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.	3	HK2	Vấn đáp
24.	Đọc 1	Học phần nhằm xây dựng, phát triển vốn từ theo chủ đề, theo sự đa nghĩa của từ, theo các thành ngữ, thuật ngữ; giúp sinh viên nhận biết, hình thành và vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật đọc như: đoán nội dung bài khóa, đoán được từ mới dựa vào ngữ cảnh hoặc kiến thức nền, tìm được đại ý của bài khóa, nhận diện bố cục bài, nhận diện các luận chứng, chứng cứ trong bài; phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ cơ bản	3	HK1	Trắc nghiệm và tự luận

25.	Viết 1	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng viết tiếng Anh học thuật ở mức độ B1 theo khung năng lực 6 bậc ở cấp độ câu và đoạn văn, các kỹ thuật về viết tiếng Anh từ thể thức, định dạng văn bản, dấu câu, câu, cách viết câu chủ đề của một đoạn văn, kỹ thuật phát triển đoạn văn và các thể loại đoạn văn như miêu tả, ý kiến, giải thích, kể chuyện. Học phần là cơ sở nền tảng cho các học phần Viết 2 trong chương trình đào tạo	3	HK2	Tự luận
26.	Nghe 2	Học phần cung cấp kỹ thuật để nhận diện và giải mã âm; phát triển các kỹ năng nghe cơ bản: nghe sơ bộ, nghe để xử lý thông tin chi tiết; giúp sinh viên nhận biết và vận dụng ngôn ngữ (formal và informal) trong các chủ đề công việc và giải trí; cho SV tiếp cận đa dạng các giọng nói, các hoạt động nghe trên lớp; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp; trình độ tương đương cấp độ trung cấp B1	3	HK3	Trắc nghiệm và tự luận
27.	Nói 2	Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói; giúp sinh viên nắm bắt cách diễn đạt các chức năng ngôn ngữ cụ thể như cách trao đổi thông tin, đàm phán, ngắt lời một người khác đang nói, cách thuyết phục, thể hiện sự quan tâm; cách thể hiện sự tức giận, thể hiện sự hoài nghi, sự háo hức, sự tự tin và do dự ... Từ đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự nhiên, chuẩn xác và lưu loát. Đồng thời giúp sinh viên quan sát tranh, ảnh và tưởng tượng về các tình huống xảy ra trong cuộc sống xung quanh. Nêu những suy nghĩ và suy đoán của mình và cùng nhau thảo luận về các tình huống đó	3	HK3	Vấn đáp
28.	Đọc 2	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên cách thức và phương pháp đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc; giúp sinh viên hiểu các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó; vận dụng được một	3	HK3	Trắc nghiệm và tự luận

		lượng lớn từ vựng để phục vụ quá trình đọc, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ			
29.	Viết 2	Cung cấp kiến thức kỹ năng viết tiếng Anh học thuật ở mức độ B2-C1 theo khung năng lực 6 bậc với các thể loại bài luận như: miêu tả, so sánh, nguyên nhân – kết quả và ý kiến với các chủ đề quen thuộc (giáo dục, môi trường, y tế, du lịch,...). Có thể kiểm soát được các cấu trúc câu, hình thái và cú pháp. Ngoài ra phải thể hiện rõ khả năng tổ chức các ý tưởng, lối diễn đạt xác thực, khắc phục cách viết chuyển dịch từ tiếng mẹ đẻ	3	HK3	Tự luận
30.	Tiếng Anh Tổng hợp 1	Học phần Tiếng Anh Tổng hợp 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở đầu trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	3	HK4	Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
31.	Tiếng Anh Tổng hợp 2	Học phần Tiếng Anh Tổng hợp 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	3	HK4	Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
32.	Tiếng Anh Tổng hợp 3	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở trình độ C1. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.	3	HK5	Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận

33.	Tiếng Anh Tổng hợp 4	<p>Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở giữa trình độ C1. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.</p>	3	HK6	Trắc nghiệm và tự luận
34.	Tiếng Anh Tổng hợp 5	<p>Học phần Tiếng Anh Tổng hợp 5 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cuối học phần này, sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. - Diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ. - Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. - Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết. - Tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh Bậc 5 	3	HK7	Trắc nghiệm và tự luận
35.	Tiếng Anh Tổng hợp 6	<p>Học phần Tiếng Anh Tổng hợp 6 luyện tập cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết chuẩn bị cho kỳ thi lấy chứng chỉ IELTS; Cuối học phần này, sinh viên có đủ năng lực tham gia thi lấy chứng chỉ IELTS hoặc các kỳ thi lấy chứng chỉ trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 5.</p>	3	HK7	Trắc nghiệm và tự luận

36.	Lý thuyết dịch	Học phần chủ yếu hướng tới việc giúp sinh viên bước đầu làm quen với Lý thuyết biên phiên dịch, thông qua đó củng cố kỹ năng sử dụng đúng tiếng Anh có so sánh với tiếng Việt. Đồng thời giúp sinh viên làm quen với các thao tác dịch thuật, cách phân tích văn bản gốc và văn bản dịch, cách dịch thông báo và dịch ngữ nghĩa, tiến trình dịch thuật. Sinh viên ứng dụng được lý thuyết dịch thuật để dịch các văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	2	HK2	Tự luận
37.	Kỹ thuật dịch	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cần thiết để phục vụ cho công tác biên phiên dịch như: kỹ thuật dịch thoát ý, kỹ thuật dịch thành ngữ, kỹ thuật sử dụng ngữ điệu, ngôi và số, kỹ thuật dịch câu thiếu chủ ngữ, vv. Học phần còn giúp sinh viên phát hiện và sửa chữa các sai lệch về ngôn ngữ, phong cách và văn hóa trong khi biên phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại	3	HK4	Tự luận
38.	Kỹ năng biên dịch	Học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với quá trình dịch thuật, các kỹ thuật dịch văn bản đơn giản, đồng thời giúp sinh viên ý thức được tầm quan trọng của các khái niệm lý thuyết và nguyên lý cơ bản trong dịch thuật văn bản. Giúp sinh viên nhận biết và làm quen với các kỹ năng và chiến lược dịch thuật có liên quan đến giao thoa trong văn hoá giao tiếp và ngôn ngữ	3	HK5	Tự luận
39.	Kỹ năng biên phiên dịch	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ghi nhớ, tóm tắt, phân tích, diễn giải và trình bày thông tin ở mức độ lưu loát, trôi chảy và thái độ tự tin, thể hiện khả năng chuyển ngữ tốt trong các hội nghị, hội thảo từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích và ngược lại. Học phần này kế thừa các học phần thực hành ngôn ngữ cũng như các học phần liên quan đến phát triển kỹ năng biên phiên dịch.	3	HK7	Vấn đáp
40.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lễ hành	Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Dịch vụ du lịch và lễ hành. Học phần giới thiệu về ngành du	3	HK6	Trắc nghiệm và tự luận

		<p>lịch và các dịch vụ đại lý lữ hành, các kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý và điều hành các đại lý lữ hành trong và ngoài nước. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch về các nội dung như: hoạt động hướng dẫn du lịch, những yêu cầu cơ bản khi đi du lịch, những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch và xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch. Sinh viên được thực hành biên phiên dịch theo các chủ đề: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch các văn bản cũng như xử lý tương tác các tình huống nêu trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác</p>			
41.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Văn hóa-Du lịch	<p>Học phần khám phá bản chất của các di sản, văn hóa, du lịch và mối quan hệ của chúng với du lịch và sự phát triển của du lịch. Học phần cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản, văn hóa trong bối cảnh hiện tại ở các địa phương, từ đó rút ra các kinh nghiệm để phát triển bền vững và lưu giữ hoàn thiện các giá trị của văn hóa cho các thế hệ kế cận.</p> <p>Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực Văn hóa- Du lịch. Người học được thực hành biên phiên dịch thông qua các hoạt động giới thiệu các di sản, văn hóa, du lịch; tình huống giao tiếp tương tác giữa một hướng dẫn viên du lịch với đoàn khách du lịch trong nước và quốc tế về một nét văn hóa đặc trưng. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên phiên dịch về văn hóa-du lịch một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác.</p>	3	HK6	Tự luận – Vấn đáp
42.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thực phẩm	<p>Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực thực phẩm và chế biến thực phẩm. Các chủ đề chính của học phần hầu hết gắn với các quá trình bảo quản, chế biến, xử lý và vệ sinh an toàn thực phẩm. Sinh viên được trang bị đa dạng kiến thức và ngôn ngữ về các cách chế biến các loại thực phẩm cụ thể như sản xuất và chế biến sữa, bánh ngọt, các loại mứt, và các loại đồ uống như sản xuất bia, cà phê, ca cao... . Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có</p>	3	HK7	Trắc nghiệm và tự luận

		khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong nhiều tình huống liên quan đến các nội dung trên nhằm phục vụ và đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành thực phẩm và có thể làm việc trong các môi trường có liên quan đến chuyên ngành thực phẩm			
43.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Thương mại	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành về các hoạt động kinh doanh thương mại. Sinh viên được trang bị các kỹ thuật biên phiên dịch và thực hành biên phiên dịch các tài liệu, văn bản hợp đồng theo các chủ đề: quản lý nhân sự, kinh doanh qua mạng, tuyển dụng, thanh toán, thị trường và đối thủ cạnh tranh. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng biên phiên dịch các văn bản về các chủ đề trên một cách trôi chảy, tự nhiên, đúng phong cách và chính xác	3	HK7	Tự luận – Vấn đáp
44.	Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm Biên phiên dịch	<p>Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 nội dung rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm như sau:</p> <p><i>a. Tại Việt Nam</i></p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên các hoạt động như giao lưu học tập với các giảng viên, sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập, nghiên cứu; tổ chức cho sinh viên cơ hội tiếp cận các tổ chức, ngành nghề có liên quan đến nghiệp vụ biên phiên dịch trong các lĩnh vực như dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành, du lịch văn hóa, giao dịch thương mại, chăm sóc khách hàng,...</p> <p>Học phần cung cấp các hoạt động trải nghiệm và tìm hiểu các nét văn hóa, di tích, lịch sử, danh lam thắng cảnh,... ở địa phương và các tỉnh lân cận.</p> <p>Kết thúc học phần, sinh viên phát triển các kỹ năng mềm cơ bản như kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, sáng tạo và đổi mới,.... Sinh viên tích lũy kiến thức, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho việc sử dụng Tiếng Anh thành thạo, chuyên nghiệp khi ra trường.</p> <p><i>b. Tại một trường đại học ở nước ngoài</i></p> <p>Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài (có ký kết hợp tác</p>	2	HK6	Viết bài thu hoạch

		<p>tác đào tạo với Trường Đại học Phú Yên) với các nội dung: học tập các chuyên đề, tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và giao lưu văn hóa nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.</p> <p>Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc biên phiên dịch khi ra trường.</p>			
45.	Phân tích diễn ngôn	<p>Học phần giúp SV phân tích các yếu tố ngôn ngữ của diễn ngôn như cohesion, information structure, given/new information, theme & rheme, genre. PTDN còn giúp SV phân tích diễn ngôn qua mối quan hệ giữa người nói và người nghe, giữa người viết và người đọc trong quá trình họ xây dựng và diễn giải diễn ngôn của người kia, giải mã điều thực sự người nói muốn nói chứ không phải nghĩa đen của câu chữ người nói sử dụng (coherence), mối liên kết của tất cả các yếu tố trong một diễn ngôn qua cách dùng các đại từ, liên từ (cohesion), giải mã ý nghĩa lời nói qua mối quan hệ phức tạp giữa những người tham gia trong các ngữ cảnh khác nhau (speech events), qua các cách thức đối thoại như chờ đợi, cắt ngang (conversational interaction). SV sẽ được hiểu rõ hơn về nguyên tắc hợp tác, cách thức hình thành diễn ngôn (bottom-up or top-down processing, interactive processing) trong một đối thoại, sử dụng nền tảng kiến thức của mình để hiểu diễn ngôn của người kia. PTDN còn giúp SV miêu tả và giải thích quy trình tạo dựng và diễn giải các trao đổi trong một hội thoại (conversational analysis), quá trình thương thuyết giữa các người nói để hiểu rõ hơn diễn ngôn (negotiation of meaning), yếu tố văn hóa tác động đến diễn ngôn giữa 2 người đến từ hai nguồn văn hóa khác nhau.</p>	3	HK8	Trắc nghiệm và tự luận
46.	Ngữ dụng học	<p>Học phần ngữ dụng học cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho sinh viên, giúp họ hiểu rõ hơn lời nói trong giao tiếp để nâng cao kỹ năng giao tiếp của chính mình hoặc tiếp tục nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ. Ngữ dụng học nghiên cứu ý nghĩa của lời nói qua một tình huống</p>	3	HK8	Trắc nghiệm và tự luận

		giao tiếp, một ngữ cảnh cụ thể để hiểu thông điệp giao tiếp thực sự mà người nói muốn truyền tải đến người nghe.			
47.	Kỹ năng phỏng vấn cho các vị trí biên phiên dịch	Học phần nêu rõ vai trò, vị trí, tiêu chuẩn của Thông dịch viên và thị trường việc làm của Thông dịch viên trong thời kỳ hội nhập. Học phần cung cấp các loại câu hỏi phỏng vấn và các câu trả lời liên quan đến vị trí Thông dịch viên, bao gồm các câu hỏi phỏng vấn chung và câu hỏi phỏng vấn chuyên môn; các yêu cầu cho qui trình chuẩn bị phỏng vấn; các yêu cầu cho qui trình phỏng vấn. Sinh viên làm quen với các dạng đơn xin việc, biết lập profiles, blogs cá nhân trên mạng, biết tìm kiếm thông tin tuyển dụng việc làm phù hợp. Kết thúc học phần, sinh viên trở nên tự tin, sẵn sàng tham gia các cuộc phỏng vấn xin việc	2	HK8	Vấn đáp
48.	Kỹ năng thuyết trình	Học phần hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật cơ bản để chuẩn bị một bài thuyết trình trong các buổi họp, báo cáo và hội thảo. Nội dung bao gồm: Chuẩn bị các slide, handout và các công cụ hỗ trợ khi thuyết trình. Trình bày một bài thuyết trình: cách trình bày các phần khác nhau của một bài thuyết trình, các thuật ngữ và cấu trúc câu thường dùng, sử dụng ngôn ngữ hình thể trong thuyết trình, điều chỉnh ngữ điệu, cách vượt qua căng thẳng thường gặp khi thuyết trình, cách đưa ra các chỉ dẫn cho phần đặt câu hỏi của khán giả, phương pháp thu thập và phản hồi các ý kiến/câu hỏi của khán giả.	2	HK8	Vấn đáp
49.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Hội nghị	Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong hội thảo, hội nghị, trong các cuộc họp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và ngôn ngữ về cách thiết lập và điều hành hội nghị có yếu tố quốc tế như cách mở đầu cuộc họp bằng Tiếng Anh; cách xin phép đưa ra ý kiến, câu hỏi; cách đưa ra đề nghị, bình luận hay bày tỏ thái độ về ý kiến của người khác; cách làm rõ vấn đề; yêu cầu nhắc lại hay giải thích rõ hơn một thông tin; cách tham khảo ý kiến; cách kết thúc cuộc họp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong nhiều tình huống được nêu trên	2	HK8	Vấn đáp

50.	Biên phiên dịch Tiếng Anh Báo chí	Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ và kỹ năng biên phiên dịch dùng trong lĩnh vực báo chí. Nội dung học tập bao gồm: giới thiệu về lịch sử báo chí, các loại hình báo chí, hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin, biên tập, viết tin bài, phỏng vấn,... Sinh viên được thực hành kỹ năng phỏng vấn báo chí thông qua các hoạt động nhập vai một nhà báo thực hiện một cuộc phỏng vấn với nhân vật trong nhiều lĩnh vực như giải trí, du lịch, kinh doanh, quảng cáo, tiếp thị... Sinh viên cũng tham gia các hoạt động thảo luận, làm bài tập dự án, đánh giá và tạo ra một số sản phẩm báo chí cơ bản. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng cơ bản các loại hình ngôn ngữ trong các nội dung trên.	2	HK8	Vấn đáp
-----	-----------------------------------	---	---	-----	---------

2. Ngành Công nghệ thông tin (7480201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Soạn thảo văn bản	Cung cấp các kiến thức về Văn bản quản lý Nhà nước; kỹ thuật soạn thảo văn bản; soạn thảo văn bản thông dụng của các cơ quan Nhà nước.	2	HK4	Tự luận
2.	Kỹ năng giao tiếp	Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức chung về giao tiếp: khái niệm, phân loại, quá trình giao tiếp; chức năng và vai trò của giao tiếp; hình thức và phương tiện giao tiếp; các nguyên tắc và chuẩn mực giao tiếp. Một số các kỹ năng giao tiếp: kỹ năng định hướng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển điều chỉnh quá trình giao tiếp, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản hồi và kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.	2	HK4	Tự luận
3.	Đại số tuyến tính	Nội dung của học phần gồm: Ma trận và định thức; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương, phân loại đường và mặt bậc 2.	3	HK2	Tự luận
4.	Giải tích	Cung cấp những kiến thức cơ bản giới hạn của dãy số và của hàm một biến; hàm liên tục một biến và các	3	HK1	Tự luận

		tính chất của chúng; phép tính vi phân của hàm một biến; phép tính tích phân của hàm một biến và các ứng dụng; chuỗi số và các dấu hiệu hội tụ của chuỗi số; dãy và chuỗi hàm, dấu hiệu hội tụ đều của dãy và chuỗi hàm; các tính chất của tổng chuỗi hàm.			
5.	Vật lý đại cương	<p>Học phần bao gồm phần lý thuyết và thí nghiệm.</p> <p>Phần lý thuyết gồm hai nội dung lớn là cơ học và điện học. Phần cơ học gồm động học và động lực học. Trong đó có các kiến thức cơ bản về chuyển động của chất điểm và của vật rắn, các định luật bảo toàn, các định luật Niu-ton và nguyên lý tương đối, trường lực thế - trường hấp dẫn. Phần điện học gồm các khái niệm cơ bản về trường tĩnh điện, từ trường, và cảm ứng điện từ. Trong đó gồm có Định luật Coulomb, cường độ điện trường, định lí O-G, vật dẫn và điện môi, định lí O-G đối với từ trường, định lí về dòng điện toàn phần, tác dụng của từ trường lên dòng điện, hiện tượng cảm ứng điện từ.</p> <p>Phần thí nghiệm gồm các bài cơ bản về khảo sát chuyển động thẳng, nhiệt học, điện học, và quang học.</p>	3	HK1	Tự luận
6.	Kiểm thử phần mềm	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan và chi tiết các giai đoạn kiểm thử chất lượng phần mềm. Giúp sinh viên biết lựa chọn loại phương pháp tiếp cận phù hợp với từng giai đoạn kiểm thử chất lượng phần mềm, cách lên kế hoạch kiểm thử, cách đưa ra những tình huống, kịch bản, dữ liệu và kỹ thuật để tiến hành kiểm tra, cũng như cách làm báo cáo sau khi kết thúc giai đoạn kiểm tra và đánh giá chất lượng phần mềm trong suốt chu trình phát triển phần mềm.	3	HK8	Tự luận
7.	Xác suất thống kê	Học phần này cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; xác suất cổ điển; dãy phép thử; đại lượng ngẫu nhiên; hàm phân bố; các số đặc trưng; về thống kê: lý thuyết mẫu; ước lượng; bài toán kiểm định giả thuyết; hồi quy và tương quan.	3	HK6	Tự luận
8.	Kiến trúc máy tính	Giới thiệu một số khái niệm và nguyên lý cơ bản của kiến trúc máy tính; Kiến trúc chung của máy tính điện tử; Mức logic của máy tính điện tử; Mức vi chương trình và mức máy thông thường; Mức hợp ngữ của máy tính điện tử.	3	HK6	Trắc nghiệm và tự luận

9.	Nguyên lý Hệ điều hành	Học phần này cung cấp các kiến thức về cấu trúc và các dịch vụ trên hệ điều hành, cách quản lý tiến trình và định thời CPU, các phương pháp giải quyết deadlock, cơ chế quản lý bộ nhớ của hệ điều hành, quản lý file và I/O.	3	HK7	Trắc nghiệm
10.	Toán rời rạc	Học phần Toán rời rạc cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết tổ hợp, lý thuyết đồ thị và đại số Boole. Lý thuyết tổ hợp bao gồm các kiến thức cơ bản về logic, các bài toán đếm, tồn tại, liệt kê và tối ưu tổ hợp. Lý thuyết đồ thị bao gồm các khái niệm cơ bản về của lý thuyết đồ thị, biểu diễn đồ thị trên máy tính, tìm kiếm trên đồ thị, các bài toán tối ưu trên đồ thị. Kiến thức về Đại số Boole bao gồm các khái niệm cơ bản, biểu diễn hàm Boole và chuẩn hóa mạch logic.	4	HK5	Tự luận hoặc tiểu luận
11.	Automat và Ngôn ngữ hình thức	Giới thiệu về ngôn ngữ hình thức, ôôtômát, và các vấn đề liên quan. Trong phần mở đầu bảng chữ, câu, ngôn ngữ; các phép toán trên ngôn ngữ, biểu thức chính quy, các ngôn ngữ phi chính quy vấn đề biểu diễn ngôn ngữ sẽ được trình bày. Tiếp theo, lớp ôôtômát hữu hạn và lớp ngôn ngữ chính qui được giới thiệu. Sau đó, là sự giới thiệu về lớp ôôtômát đẩy xuống và lớp ngôn ngữ phi ngữ cảnh cũng như mối quan hệ giữa chúng. Các khái niệm và phương pháp phân tích cú pháp cũng được trình bày cùng với lớp ngôn ngữ phi ngữ cảnh. Máy Turing, khả năng của nó và các khái niệm liên quan được trình bày ở chương cuối.	2	HK6	Tự luận
12.	Kỹ thuật lập trình	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, hệ thống số, hệ đếm với các phép toán số học, logic và kỹ thuật lập trình cấu trúc thông qua ngôn ngữ lập trình C bao gồm: Các khái niệm, nguyên lý cơ bản của lập trình cấu trúc; Các thành phần chung trong các ngôn ngữ lập trình; Các thành phần cơ bản trong ngôn ngữ C; Hệ lệnh vào ra và lệnh điều khiển; Tổ chức các hàm, chương trình; Mảng. Sau khi học xong, học phần này sinh viên có thể lập trình giải các bài toán bằng ngôn ngữ C và có khả năng tự học các ngôn ngữ lập trình cấu trúc khác.	3	HK1	Trắc nghiệm, thực hành, tự luận
13.	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Học phần này được thiết kế sau khi sinh viên đã học kỹ thuật lập trình cơ bản. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kiểu dữ liệu phức tạp như kiểu struct; kiểu con	3	HK2	Tự luận

		trò, cách cấp phát và thu hồi bộ nhớ; xử lý danh sách liên kết; xử lý tập tin văn bản, tập tin nhị phân. Hệ thống các thao tác tổ chức lưu trữ, xử lý dữ liệu và quản lý bộ nhớ trong một chương trình.			
14.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần bao gồm các phần: Những hiểu biết cơ bản về thuật toán, cấu trúc dữ liệu, các kỹ thuật lập trình với các cấu trúc dữ liệu. Phần thuật toán: trình bày những vấn đề cơ bản về thuật toán. Từ khái niệm, phương pháp biểu diễn, phân tích đánh giá thuật toán; các kiến thức chung về dữ liệu, mối liên hệ giữa thuật toán với cấu trúc dữ liệu; đặc biệt là kiến thức về thuật toán và ý nghĩa chương trình = cấu trúc dữ liệu + thuật toán. Phần cấu trúc dữ liệu: giới thiệu tổng quan về lập trình nâng cao; kiểu dữ liệu trừu tượng; thiết kế và phân tích, giải thuật đệ quy; mảng và danh sách; danh sách móc nối, cấu trúc cây; đồ thị; sắp xếp, tìm kiếm; tính độ phức tạp của thuật toán.	3	HK3	Tự luận
15.	Cơ sở dữ liệu	Đại cương về các hệ cơ sở dữ liệu, các mô hình dữ liệu. Ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu đối với mô hình quan hệ. Lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, tổ chức dữ liệu vật lý, tối ưu hóa câu hỏi, an toàn và toàn vẹn dữ liệu.	3	HK2	Tự luận
16.	Mạng máy tính	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về mạng máy tính: các yếu tố của mạng máy tính, phân loại mạng, hệ điều hành mạng và kết nối liên mạng; chức năng, cơ chế hoạt động và giao thức ở các tầng của mô hình OSI. Đồng thời, trang bị kiến thức về mạng cục bộ - LAN: đồ hình mạng và đường truyền vật lý, các phương pháp truy nhập đường truyền vật lý, hoạt động của các thiết bị mạng, các chuẩn LAN. Học phần còn giới thiệu về TCP/IP và Internet: nguyên tắc hoạt động của giao thức TCP, UDP của mạng Internet; bộ giao thức IP, thiết lập sơ đồ đánh địa chỉ IP cho mạng; chia mạng con (subnet); Một số dịch vụ mạng: Email, HTTP, DNS, FTP.	3	HK2	Trắc nghiệm
17.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Giới thiệu các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin, kỹ thuật phân tích thiết kế hệ thống thông tin theo hướng cấu trúc và hướng đối tượng. Cung cấp các kiến thức về chu trình phát triển phần mềm, các bước trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng ngôn ngữ mô	4	HK4	Tự luận

		hình hóa UML (Unified Modeling Language) thực hiện trên công cụ làm tài liệu Rational Rose.			
18.	Kỹ thuật điện tử	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về điện tử nhằm hỗ trợ cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin trong quá trình học tập và làm việc sau khi ra trường. Học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các thông số đặc trưng của các loại linh kiện điện tử thụ động, linh kiện bán dẫn điển hình như: điện trở, tụ điện, cuộn dây, diode, transistor và các loại IC số. Giới thiệu một số ứng dụng cơ bản của những linh kiện điện tử trên. Giới thiệu phần mềm mô phỏng mạch điện Electronics Workbench. Sử dụng phần mềm để mô phỏng hoạt động, đo đạc, kiểm chứng các thông số của những linh kiện trên.	3	HK1	Tự luận
19.	Tiếng Anh 4 (Tiếng Anh chuyên ngành CNTT)	Học phần này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, thuật ngữ và các cấu trúc ngữ pháp sử dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT). Nội dung bao gồm các chủ đề về phần cứng máy tính, mạng máy tính, ngôn ngữ lập trình và nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT. Hướng dẫn phương pháp đọc hiểu tài liệu, giao tiếp và viết các văn bản liên quan đến nghề IT.	3	HK5	Nghe + Tự luận
20.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông qua ngôn ngữ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Nội dung bao gồm: tổng quan về các Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu; giới thiệu về hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server; sử dụng các công cụ để xây dựng cơ sở dữ liệu quan hệ trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server; xây dựng và thao tác cơ sở dữ liệu với câu lệnh có cấu trúc T-SQL; lập trình quản trị cơ sở dữ liệu thông qua các công cụ Rule, Constraint, Trigger, Store Procedure trên SQL Server; cài đặt các ràng buộc toàn vẹn, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu.	4	HK4	Thực hành
21.	Lập trình hướng đối tượng	Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm và kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng (OOP) thông qua ngôn ngữ lập trình Java. Nội dung bao gồm: khái quát về công nghệ Java; Các thành phần cơ bản trong ngôn ngữ lập trình Java; Cung cấp chi tiết từ khái niệm, kỹ thuật phân tích đến cách sử dụng các phương pháp trong OOP như classes, objects, inheritance,	4	HK3	Tự luận

		encapsulation và polymorphism để hiện thực các bài toán thành chương trình; Các kỹ thuật xử lý lỗi và ngoại lệ, quản lý tập tin, truy xuất cơ sở dữ liệu; Kỹ thuật lập trình giao diện đồ họa: viết các chương trình sử dụng các thành phần GUI và Event Handling Model. Sau khi học xong môn này, sinh viên biết cách phân tích bài toán thực tế dựa trên ý tưởng triển khai thành các đối tượng và viết chương trình thể hiện được bản chất của OOP trong Java.			
22.	Phân tích và thiết kế yêu cầu	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin về yêu cầu hệ thống phần mềm, từ đó mô hình hóa tài liệu đặc tả yêu cầu ở mức độ chuyên nghiệp bằng kỹ thuật RE-Requirements Engineering. Nội dung học phần bao gồm các nội dung chính: xác định vai trò của RE trong công nghệ phần mềm và trong hệ thống; các kỹ thuật, ký pháp, phương pháp, tiến trình và các công cụ dùng trong RE.	3	HK3	Tự luận
23.	Thiết kế Web	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thiết kế Website. Nội dung bao gồm: Giới thiệu về thiết kế web; Phát thảo giao diện Website; Thiết kế web bằng ngôn ngữ HTML và CSS; Cơ bản về Javascript; Quản trị Website. Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được cách phát thảo, thiết kế trang web bằng ngôn ngữ HTML và CSS, lập trình tương tác người bằng ngôn ngữ lập trình Javascript và biết cách quản trị web.	3	HK2	Thực hành
24.	Lập trình Web	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển ứng dụng web động thông qua ngôn ngữ lập trình web. Nội dung học phần bao gồm: giới thiệu về công nghệ web động; kỹ thuật lập trình; kỹ thuật lập trình ứng dụng web bằng các ngôn ngữ lập trình web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có đủ kỹ năng thiết kế và xây dựng một website bằng ngôn ngữ lập trình web và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, sinh viên biết cách nghiên cứu, khai thác các framework để hỗ trợ xây dựng các ứng dụng web một cách dễ dàng và nhanh chóng.	3	HK3	Thực hành
25.	Đồ án môn học	Học phần trang bị kiến thức cho sinh viên nắm được quy trình phát triển phần mềm từ đặc tả yêu cầu phần mềm cho trước qua các bước phân tích chức năng, thiết kế giao diện, phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu và	3	HK4	Tiểu luận

		<p>thiết kế kiến trúc phần mềm.</p> <p>Sinh viên có khả năng vận dụng ngôn ngữ lập trình Web, lập trình Window để xây dựng ứng dụng quản lý theo đặc tả phần mềm cho trước thoả các bước phát triển phần mềm.</p>			
26.	Khai phá dữ liệu	<p>Học phần giới thiệu tổng quan về kho dữ liệu và các kỹ thuật khai phá dữ liệu; cung cấp cho người học các kiến thức và quy trình khai phá dữ liệu, chuẩn bị dữ liệu, các kỹ thuật phân lớp, các kỹ thuật gom cụm dữ liệu và đánh giá thông tin trong quá trình hỗ trợ ra quyết định. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn người học sử dụng các công cụ mã nguồn mở, các kho dữ liệu có sẵn, để hỗ trợ trong quá trình cài đặt và thử nghiệm hệ thống khai phá dữ liệu.</p>	3	HK7	Trắc nghiệm
27.	Lập trình di động	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, quy trình và kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng di động trên nền tảng hệ điều hành Android. Nội dung bao gồm: tổng quan về nền tảng di động, giới thiệu về lập trình Android, xây dựng ứng dụng Android đầu tiên với Android Studio, thiết kế giao diện ứng dụng Android, View và xử lý sự kiện trên View, Activity và quản lý dữ liệu.</p>	3	HK7	Tiểu luận
28.	Trí tuệ nhân tạo	<p>Học phần này cung cấp một số khái niệm về trí tuệ nhân tạo, các phương pháp tìm kiếm, phương pháp biểu diễn và xử lý tri thức, hướng dẫn lập trình logic; giới thiệu một số kiến thức căn bản về học máy và học sâu.</p>	3	HK7	Tự luận
29.	Kiến tập thực tế	<p>Sinh viên được tham quan thực tế tại một số công ty chuyên về sản xuất và gia công phần mềm. Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên có kiến thức thực tế về tổ chức, quản lý và hoạt động của một công ty công nghệ thông tin; có kiến thức thực tế về quy trình làm một phần mềm tại một công ty chuyên về phần mềm. Nắm bắt các công nghệ lập trình đang được sử dụng trên thực tế.</p>	1	HK3	Tiểu luận
30.	Lập trình Python	<p>Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng lập trình bằng ngôn ngữ Python. Nội dung gồm: Cài đặt môi trường, biến, kiểu dữ liệu, phép toán, cấu trúc rẽ nhánh, vòng lặp, hàm, các kiểu dữ liệu phức tạp, lập trình hướng đối tượng, xử lý cơ sở dữ liệu và xử lý dữ liệu khoa học bằng python.</p>	4	HK6	Thực hành

31.	Lập trình mạng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thư viện Socket API trên Windows, về các lớp đối tượng trong thư viện java.net để có thể xây dựng các loại ứng dụng truyền dữ liệu ở tầng Network với giao thức UDP, TCP; lập trình xây dựng ứng dụng phân tán bằng RMI. Kiến thức của môn học có thể ứng dụng trong lập trình quản lý mạng, giám sát mạng, điều khiển qua mạng.	3	HK6	Thực hành
32.	Xử lý ảnh	Học phần cung cấp cho Sinh viên các kiến thức cơ bản về ảnh số, quá trình thu nhận và chuyển đổi từ ảnh tương tự sang ảnh số, các kỹ thuật biến đổi trong xử lý ảnh số nhằm biến đổi và nâng cao chất lượng ảnh, các kỹ thuật dùng để nén dữ liệu ảnh trong quá trình lưu trữ và truyền tải.	3	HK6	Tự luận
33.	Lập trình VB.Net	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình DotNET. Hướng dẫn sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình VB.Net, kỹ thuật ADO.Net để xây dựng chương trình giải quyết các bài toán lập trình quản lý.	3	HK5	Tự luận + Thực hành
34.	Lập trình C#	Học phần này cung cấp các kiến thức về kiến trúc .NET Framework, nền tảng ngôn ngữ C#, cách khai báo và sử dụng các kiểu dữ liệu cơ bản, cách xây dựng lớp – đối tượng, lập trình hướng đối tượng với C#, mô tả một số lớp cơ sở của framework.	3	HK5	Thực hành
35.	Điện toán đám mây	Cung cấp các khái niệm cơ bản về Điện toán đám mây (ĐTĐM); các mô hình dịch vụ của ĐTĐM; các mô hình cung cấp dịch vụ đám mây; giới thiệu một số nền tảng phát triển ứng dụng tính toán đám mây. Nội dung học phần sẽ được minh họa thông qua nền tảng đám mây của IBM, bao gồm: thiết lập cấu hình và lập trình phát triển ứng dụng trên IBM Cloud; xây dựng ứng dụng Java RMI, MobiFirst.	3	HK7	Tiểu luận
36.	Lập trình IoT	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Internet of Things (IoT), kiến trúc và các thành phần của một hệ thống IoT. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan IoT; Các thành phần của hệ thống IoT; Giới thiệu về Node-RED; Lập trình Arduino với iNut; Phát triển ứng dụng IoT.	3	HK7	Tiểu luận
37.	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những hiểu biết toàn diện về hệ thống thông tin quản lý, một trong những nguồn lực quan trọng,	2	HK8	Trắc nghiệm

		<p>quyết định tính sống còn và ưu thế cạnh tranh của một tổ chức; cung cấp những hiểu biết về vai trò chiến lược của các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh; kiến thức về những thành phần cơ bản cấu thành hệ thống thông tin quản lý và những loại hình hệ thống thông tin quản lý có trong thực tiễn.</p> <p>Học phần này cũng trang bị cho sinh viên khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý dựa trên cơ sở công nghệ thông tin một cách có hệ thống và có tính quy trình.</p>			
38.	Chuyên đề chuyên ngành	<p>Mục tiêu của học phần là cung cấp cho sinh viên các kiến thức mới, hiện đại đáp ứng nhu cầu công việc, học tập và nghiên cứu sau khi ra trường. Vì vậy, nội dung chi tiết học phần sẽ được đề xuất xây dựng dựa theo nhu cầu thực tế của xã hội và xu hướng phát triển công nghệ của năm.</p>	2	HK8	Tiểu luận
39.	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	<p>Cung cấp các kiến thức cơ bản về phần mềm mã nguồn mở; phương pháp luận lập trình và các kỹ thuật xây dựng phần mềm mã nguồn mở. Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm, lịch sử phát triển, giấy phép phần mềm tự do nguồn mở; quy trình từ phát triển đến phân phối phần mềm tự do nguồn mở; giới thiệu lập trình C trên nền tảng nguồn mở (Ubuntu); giới thiệu các công cụ phát triển phần mềm tự do nguồn mở: quốc tế hóa và bản địa hóa; hệ thống quản lý phiên bản (CVS – Control Version System).</p>	3	HK8	Thực hành

3. Ngành Giáo dục Mầm non (7140201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hóa Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....</p> <p>Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận</p>	2	HK2	Tự luận

		tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.			
2.	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về mỹ học nói chung và mỹ học Mác - Lênin nói riêng. Giúp người học hiểu một cách sâu sắc về các phạm trù của khách thể thẩm mỹ đặc biệt là phạm trù cái đẹp; góp phần hình thành năng lực và giáo dục thẩm mỹ cá nhân.	2	HK2	Tự luận
3.	Đạo đức học	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.	2	HK2	Tự luận
4.	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và đặc điểm tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp qua bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng. Từ đó, giúp người học phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp cũng như trong hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.	2	HK2	Tự luận
5.	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.	2	HK1	Tự luận
6.	Tiếng Việt	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; Từ vựng tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.	2	HK1	Tự luận
7.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lý luận giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, bao gồm: khái niệm, quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm, vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non; Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sử dụng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm trong các hình thức hoạt động, với các lứa tuổi và các loại hình trường mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học theo các lĩnh vực, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu) theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	2	HK4	Tự luận

8.	Sự phát triển thể chất trẻ em	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.	2	HK1	Tự luận
9.	Môi trường và con người	Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn...), vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề dân số, lương thực – thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường mầm non: phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	HK1	Tự luận
10.	Văn học trẻ em	Học phần giúp người học tiếp cận các tác giả lớn, có những đóng góp nhất định cho văn học trẻ em trong và ngoài nước thông qua việc tìm hiểu tiểu sử tác giả, nội dung các tác phẩm, các tập thơ, tập truyện tiêu biểu. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học rèn những kỹ năng phân tích, cảm nhận về một vấn đề, một nhân vật văn học hay một tác phẩm văn học dành cho lứa tuổi mầm non.	2	HK1	Tự luận
11.	Làm đồ chơi cho trẻ	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.	2	HK3	Thực hành
12.	Âm nhạc	Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hiểu biết về nhạc lý cơ bản : độ dài, độ cao của nốt nhạc một số ký hiệu thường gặp trong âm nhạc, phách nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung quãng, điệu thức gam giọng, dịch giọng, hợp âm, các ký hiệu. Kỹ thuật ca hát cơ bản: Giới thiệu bộ máy phát âm, hơi thở, tư thế ca hát, các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh, Các kỹ năng hát, một số kỹ thuật hát, luyện tập các kỹ thuật hát và thể hiện bài hát.	2	HK1	Tự luận
13.	Mỹ thuật	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về Nghệ thuật tạo hình: Những vấn đề chung về Mỹ thuật; Luật xa gần; Vẽ theo mẫu; Trang trí và màu sắc; Tỷ lệ về cơ thể	2	HK2	Thực hành

		người; Vẽ tranh đề tài; Phóng tranh và vẽ minh họa; Nặn tạo dáng sản phẩm mỹ thuật.			
14.	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.	2	HK2	Tự luận
15.	Vệ sinh – chăm sóc trẻ	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).	3	HK6	Tự luận
16.	Dinh dưỡng trẻ em	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng và đặc điểm các nhóm thực phẩm; các kiến thức về xây dựng thực đơn, tính toán khẩu phần ăn cho trẻ; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như những phương pháp giáo dục dinh dưỡng trẻ em ở trường mầm non; các bài tập thực hành về chế biến các món ăn cho trẻ mầm non.	2	HK4	Tự luận
17.	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Nội dung học phần: Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động trong nghề nghiệp của GVMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).	2	HK7	Tự luận
18.	Giao tiếp với trẻ	Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.	2	HK3	Tự luận
19.	Giáo dục giới tính cho trẻ	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục giới tính cho trẻ em : Mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với trẻ ngay từ độ tuổi mẫu giáo, giúp trẻ sớm tiếp thu những kiến thức về giới, từ đó có những hành vi, thái độ phù hợp, góp phần hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, giúp trẻ biết nuôi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và với người xung quanh.	2	HK3	Tự luận
20.	Giáo dục hòa nhập	Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế	2	HK3	Tự luận

		giới và ở Việt Nam. Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.			
21.	Văn học dân gian	Học phần giới thiệu khái quát những kiến thức cơ bản về văn học dân gian, đặc biệt đi sâu tìm hiểu các thể loại vốn cần thiết và gắn liền với đời sống tinh thần của trẻ em như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, ca dao – dân ca, câu đố... Qua đó, giúp người học hiểu, cảm nhận, phân tích và diễn giải được một số tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu cho từng thể loại. Học phần này cũng có vai trò mở đầu giúp người học tiếp cận với các học phần văn học khác.	2	HK3	Tự luận
22.	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non những kiến thức cơ bản về: Khái quát về tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non; các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non; phòng ngừa và điều trị rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non.	2	HK3	Tự luận
23.	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hệ thống tri thức khoa học, cơ bản về tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non. Hiểu biết về đặc điểm, mục đích, ý nghĩa và phương pháp hướng dẫn các trò chơi, tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường Mầm non. Có khả năng nghiên cứu tiếp cận các lĩnh vực khác của giáo dục học mầm non cụ thể là tổ chức hoạt động vui chơi.	3	HK6	Tự luận
24.	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp với những nội dung sau: - Cơ sở lý luận về vai trò của giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non. - Các phương pháp cơ bản, hình thức tổ chức hoạt động âm cho trẻ Mầm non. - Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức để biên soạn và thiết kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở Mầm non.	2	HK5	Tự luận

		- Viết kịch ngày lễ và dàn dựng chương trình lễ hội ở trường mầm non.			
25.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:</p> <p>Đặc điểm hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch; xây dựng, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá khả năng hoạt động tạo hình của trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp và quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.</p>	3	HK7	Tự luận
26.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	<p>Học phần này trang bị cho sinh viên 2 nội dung:</p> <p>Những vấn đề lý luận giáo dục thể chất, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất; mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác; sơ lược lịch sử giáo dục thể chất trên thế giới và ở Việt Nam; cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất.</p> <p>Quá trình giáo dục thể chất cho trẻ em, bao gồm: Mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất của trẻ ở trường mầm non. Quá trình này luôn được cập nhật với xu thế đổi mới của ngành học như: “tiếp cận tích hợp”, “dạy học hướng vào người học”.</p>	2	HK5	Thực hành
27.	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên:</p> <p>Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.</p>	3	HK4	Tự luận
28.	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	<p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.</p>	3	HK6	Tự luận

29.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học (có đối tượng và phương pháp nghiên cứu); cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc và lời nói nghệ thuật qua thơ, truyện dành cho trẻ nhỏ, chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.	3	HK4	Tự luận
30.	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức lý luận cơ bản như: một số khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức và đánh giá quá trình tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh, qua đó hình thành và rèn luyện cho SV kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá hoạt động dưới các hình thức khác nhau một cách độc lập, sáng tạo và hiệu quả theo tinh thần của chương trình GDMN hiện hành.	3	HK7	Tự luận
31.	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản, cốt yếu về tiền đọc viết, các thành tố của khả năng tiền đọc, viết; ý nghĩa, cơ sở khoa học của việc hình thành và phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non; nội dung, phương pháp, biện pháp giáo dục nhằm hình thành và phát triển hệ thống năng lực tiền đọc, viết làm tiền đề cho việc thủ đắc ngôn ngữ cho trẻ; giới thiệu một số khuynh hướng triết lý giáo dục mới gắn với loại công cụ chữ viết giúp người học vận dụng vào hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non.	2	HK7	Tự luận
32.	Múa và biên soạn động tác múa	Nội dung học phần bao gồm: Một số kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật múa, nhập môn các động tác tay không, giới thiệu một số chất liệu múa cơ bản: Các động tác múa mĩ, Dân tộc H.Mông, Dân tộc Thái, Dân tộc Tây Nguyên, Dân tộc Tày; một số kỹ năng múa, các động tác trong chất liệu múa dân gian Việt Nam; các tổ hợp múa dân gian Việt Nam; một số vũ điệu quốc tế. Biên soạn và biên đạo các tiết mục múa độc lập, múa minh họa cho ca khúc ở trường Mầm non.	2	HK5	Thực hành
33.	Dạy học theo phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non theo mô hình giáo dục	2	HK5	Tự luận

		Montessori và Stem. Kỹ năng xây dựng môi trường tổ chức một số hoạt động theo Montessori và Stem.			
34.	Can thiệp sớm cho trẻ rối loạn ngôn ngữ	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm của trẻ rối loạn ngôn ngữ; ý nghĩa của việc can thiệp ngôn ngữ sớm cho trẻ rối loạn ngôn ngữ; thiết lập chương trình ngôn ngữ dành cho trẻ rối loạn ngôn ngữ; biện pháp và hình thức tổ chức hoạt động can thiệp sớm giúp phát triển ngôn ngữ cho trẻ rối loạn ngôn ngữ.	2	HK7	Tự luận
35.	Trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non	Học phần này giới thiệu những nội dung liên quan về trò chơi, trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; các nguyên tắc và cách sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non; thiết kế và tổ chức trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.	2	HK8	Tự luận
36.	Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non phù hợp theo từng lứa tuổi. Qua đó, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non, đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục Mầm non.	2	HK6	Tự luận
37.	Tổ chức hoạt động trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận về hoạt động trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trò chơi nhằm phát triển ngôn ngữ theo từng giai đoạn cho trẻ mầm non. Rèn luyện cho người học kỹ năng tổ chức và thiết kế hoạt động trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	3	HK5	Tự luận
38.	Tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non	Các đặc điểm phát triển sinh lý vận động của trẻ mầm non; các điều kiện về cơ sở vật chất để giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; đánh giá các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; dựng môi trường và thiết kế các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.	2	HK6	Tự luận
39.	Trải nghiệm thực tế (1 tuần)	Tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, những nét văn hóa ở một số vùng miền... nhằm giúp sinh viên có được	1	HK5	Bài thu hoạch

		những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và làm giàu vốn kiến thức, vốn sống ... phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non (lĩnh vực thẩm mỹ: Mỹ thuật, Âm nhạc; lĩnh vực nhận thức: môi trường xung quanh, văn hóa địa phương; Lĩnh vực ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ, Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường Mầm non). Đồng thời rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên: kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và lưu trữ thông tin, kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.			
40.	Nghệ thuật tạo hình	Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.	2	HK7	Thực hành
41.	Thể dục nghệ thuật	Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.	2	HK7	Thực hành
42.	Đàn phím điện tử	Nội dung học phần: Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ. Nắm được một số kỹ thuật luyện ngón cơ bản ở tay phải và tay trái. Ứng dụng đàn một số bài hát phục vụ dạy học Mầm non.	2	HK7	Thực hành
43.	Phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Các phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ. Rèn cho sinh viên kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường phù hợp với trẻ mầm non.	2	HK7	Tự luận
44.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
45.	Tâm lý học trẻ em	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học trẻ em, Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em, Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu (từ 2 đến 15 tháng tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng tuổi), Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý	2	HK2	Tự luận

		của trẻ mẫu giáo bé (từ 3 đến 4 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4 đến 5 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5 đến 6 tuổi).			
46.	Giáo dục học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp của GDMN; Giáo dục và sự phát triển nhân cách; Một số tư tưởng giáo dục trong lịch sử giáo dục thế giới; Mục đích, mục tiêu GDMN, Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.	2	HK3	Tự luận
47.	Giáo dục học mầm non	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 3 tuổi, Nguyên tắc chỉ đạo công tác chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm đầu, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ hai, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ ba, Giáo dục cho trẻ mẫu giáo, Hoạt động dạy học ở trường mẫu giáo, Hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mẫu giáo, Tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mẫu giáo, Chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào lớp một tiểu học.	3	HK4	Tự luận
48.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng thực hành cơ bản của chuyên ngành đào tạo: - Tìm hiểu, nghiên cứu Bộ quy tắc ứng xử của giáo viên mầm non; Chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên mầm non; Chương trình giáo dục mầm non hiện hành; giải quyết các tình huống sư phạm liên quan đến trẻ em; - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết chữ, kỹ năng đọc, kỹ năng kể chuyện	1	HK3	Thực hành
49.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Sinh viên phát triển nâng cao những kỹ năng đã được rèn luyện ở học phần NVSPTX1. Đồng thời, sinh viên hình thành được kỹ năng mới: kỹ năng xây dựng kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non phù hợp theo từng lứa tuổi. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được quy định và những nội dung cơ bản về thực tập sư phạm để có kế hoạch rèn luyện, nâng cao phẩm chất, năng lực cá nhân nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của công tác thực tập sư phạm trong tương lai.	1	HK4	Thực hành
50.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi nhà trẻ: - Dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầmnon. - Rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ) và giáo dục trẻ khỏi nhà trẻ (Làm quen TPVH, phát triển vốn từ cho trẻ, hình thành biểu tượng Toán...)	1	HK5	Thực hành

		-Tập giảng, rút kinh nghiệm.			
51.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khối mẫu giáo: -Dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non. -Rèn kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ) và giáo dục trẻ khối mẫu giáo (Làm quen TPVH, phát triển vốn từ cho trẻ, hình thành biểu tượng Toán...), hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung. -Tập giảng, rút kinh nghiệm.	1	HK6	Thực hành
52.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục mầm non; cách lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, công tác tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề; xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục trong nhà trường mầm non.	2	HK7	Tự luận
53.	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Giáo dục tích hợp; Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non và sự cần thiết phải tiến hành giáo dục tích hợp ở bậc học này. Hình thành cho người học kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường Mầm non.	2	HK8	Tự luận
54.	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình GDMN.	3	HK8	Vấn đáp
55.	Chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non	Học phần cung cấp cho người học những nhóm kiến thức, kỹ năng thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Những đổi mới trong hoạt động chuyên môn của trường mầm non hiện nay. Vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến. Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ phối hợp với gia đình và cộng đồng.	2	HK8	Tự luận

4. Ngành Giáo dục Tiểu học (7140202)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần này được thiết kế cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa; không gian và chủ thể văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.	2	HK1	Tự luận
2.	Phát triển năng lực dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề lý luận chung về năng lực tổ chức dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học; sử dụng phương pháp tổ chức dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá trong bối cảnh công nghệ thông tin; thiết kế bài học và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực học sinh trong các môn học về tự nhiên và xã hội ở Tiểu học.	2	HK8	Tự luận
3.	Số học	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về số nguyên tố, phép chia hết, phép chia có dư, đồng dư thức, phương trình đồng dư, một số hàm số học; đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng giải các bài toán về phép chia hết, phép chia có dư, các bài toán về phương trình đồng dư thường gặp trong toán học ở phổ thông và thực tế đời sống.	2	HK1	Tự luận
4.	Ứng dụng Công nghệ trong giáo dục và dạy học ở Tiểu học	Học phần bao gồm các phần: <ul style="list-style-type: none"> - Biết phân loại, sử dụng một số công nghệ thường dùng trong dạy học và nắm được các nguyên tắc cơ bản khi sử dụng các công nghệ đó ứng dụng vào tiết giảng và chuẩn bị bài giảng (trực tiếp hoặc trực tuyến) - Những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng các công nghệ trong dạy học, tìm hiểu một số phần mềm ứng dụng trong dạy học Tiểu học. - Tìm hiểu về một số ứng dụng trong dạy học trực tuyến 	2	HK7	Thực hành/Báo cáo

		- Tìm hiểu về một số ứng dụng trong việc quản lý học tập, quản lý hồ sơ giáo dục, kiểm tra, đánh giá (trực tiếp hoặc trực tuyến).			
5.	Môi trường và con người	Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về khoa học môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ozon, ...), hiện trạng về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề về dân số, lương thực - thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường, chương trình hành động về bảo vệ môi trường của Việt Nam. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường tiểu học như phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức giáo dục môi trường...	2	HK2	Tự luận
6.	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về mỹ học nói chung và mỹ học Mác - Lênin nói riêng. Giúp người học hiểu một cách sâu sắc về các phạm trù của khách thể thẩm mỹ đặc biệt là phạm trù cái đẹp; góp phần hình thành năng lực và giáo dục thẩm mỹ cá nhân.	2	HK3	Tự luận
7.	Văn học thiếu nhi	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về lịch sử hình thành, phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam và diện mạo văn học thiếu nhi ở một số nền văn học lớn trên thế giới. Từ đó, học phần định hướng sinh viên đi sâu tiếp cận các tác giả và tác phẩm tiêu biểu được giảng dạy trong chương trình tiểu học. Ngoài ra, học phần còn giúp người học nắm vững với những kỹ năng phân tích, cảm nhận về một vấn đề, một nhân vật văn học hay một tác phẩm văn học.	2	HK3	Tự luận
8.	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán	Học phần trang bị cho sinh viên - Các khái niệm cơ bản về xác suất: các mô hình xác suất; tính chất của xác suất; xác suất có điều kiện; công thức nhân; công thức xác suất đầy đủ. - Biến ngẫu nhiên: Khái niệm biến ngẫu nhiên, phân phối và hàm phân phối của biến ngẫu nhiên rời rạc, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. -Đại cương về thống kê toán học: Các khái niệm cơ bản của thống kê Toán, các giá trị đặc trưng của mẫu quan sát (phương sai, độ lệch chuẩn, trung vị), ước lượng điểm và ước lượng	2	HK3	Tự luận

		khoảng, kiểm định giả thiết thống kê, nội dung dạy yếu tố thống kê trong môn Toán ở trường Tiểu học.			
9.	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ, cơ sở logic toán, suy luận và các phép chứng minh; đồng thời giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng các phép suy luận và chứng minh vào dạy và học toán ở trường Tiểu học.	2	HK2	Tự luận
10.	Cơ sở toán học của chương trình Toán Tiểu học	Học phần bao gồm: Cơ sở của mạch kiến thức các yếu tố hình học ở tiểu học; Cơ sở Toán học của ba tập hợp số cốt lõi của chương trình Toán Tiểu học (số tự nhiên, phân số và số thập phân); Cơ sở Toán học của một số phương pháp giải toán ở Tiểu học, qua đó giúp sinh viên tự tin và tìm ra cách hướng dẫn học sinh đi tới lời giải của các bài toán.	2	HK4	Tự luận
11.	Sinh lý học trẻ em ở lứa tuổi Tiểu học	Học phần Sinh lý học trẻ em lứa tuổi tiểu học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em. Đó là các quá trình sinh lý, trao đổi chất, quá trình sinh trưởng, phát triển của cơ thể trẻ em làm cơ sở để sinh viên tiếp thu các kiến thức, các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó nhận thức và phân tích được các hiện tượng tâm lý học, giáo dục học, dinh dưỡng học, phương pháp, biện pháp và chăm sóc trẻ.	2	HK1	Tự luận
12.	Tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về tiếng Việt: khái niệm, đặc điểm, phân loại các đơn vị ở bình diện ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp và những kỹ năng nhận diện, sửa lỗi phát âm, dùng từ, đặt câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt. Trên cơ sở đó, giúp người học hình thành kỹ năng giảng dạy phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu trong chương trình tiểu học.	3	HK2	Tự luận
13.	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1	Nội dung của học phần bao gồm: - Các kiến thức cơ bản về vật lý: Thiên văn, nhiệt, âm thanh, ánh sáng và năng lượng. - Kiến thức cơ bản nhất về hóa học theo các quan niệm hiện đại bao gồm các khái niệm và định luật cơ bản về hóa học, các tính chất đặc trưng của các loại hợp chất hóa học vô	3	HK1	Tự luận

		<p>ơ và hữu cơ quan trọng nhất.</p> <p>- Các kiến thức cơ bản về sinh học: Con người và chăm sóc sức khỏe, thực vật và động vật;</p> <p>Đây là những kiến thức làm cơ sở để giảng dạy các môn Tự nhiên và xã hội Khoa học ở tiểu học và nghiên cứu các bộ môn khác được tốt hơn.</p>			
14.	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2	<p>Nội dung của học phần bao gồm:</p> <p>- Các kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam: các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước qua các thời kì (thời kì Bắc thuộc, các triều đại phong kiến độc lập, cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thời kì đổi mới); một số nền văn minh tiêu biểu trên thế giới;</p> <p>- Các kiến thức cơ bản của địa lý đại cương (hệ Mặt Trời, Trái Đất); địa lý các Châu; địa lý Việt Nam phân khái quát (vị trí địa lý, lãnh thổ, thiên nhiên, biển - đảo, dân cư); địa lý Việt Nam phân khu vực (thiên nhiên, dân cư, hoạt động sản xuất của một số vùng, miền); một số kiến thức về bản đồ và sử dụng bản đồ trong dạy học.</p> <p>Các nội dung này làm cơ sở để dạy môn Tự nhiên và Xã hội; Lịch sử và Địa lý ở trường tiểu học.</p>	3	HK2	Tự luận
15.	Nhạc lý cơ bản - Tập đọc nhạc	<p>Giới thiệu một số kiến thức sơ giản về nhạc lý phổ thông, cao độ, trường độ, nhịp phách, cung quãng, dấu hóa, điệu thức. Rèn luyện đọc các bản nhạc và ứng dụng đọc nhạc các bài hát ở trường tiểu học.</p>	2	HK1	Tự luận
16.	Mỹ thuật cơ bản	<p>Học phần cung cấp những kiến thức chung và phương pháp Vẽ theo mẫu, Vẽ trang trí, Vẽ tranh theo đề tài, Nặn tạo dáng. Vận dụng kiến thức về cấu trúc hình thể, bố cục, đậm nhạt, màu sắc... vào các bài thực hành trong chương trình. Luyện tập kĩ năng vẽ một số bài: Vẽ theo mẫu, Vẽ các bài trang trí cơ bản, Vẽ tranh theo đề tài, Nặn và tạo dáng.</p>	2	HK2	Thực hành
17.	Văn học	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn học nói chung bao gồm: lý luận văn học, văn học dân gian và văn học viết. Từ đó, học phần giúp người học có đủ điều kiện tiếp cận với các chương trình văn học chuyên ngành cũng như giảng dạy chương trình Văn ở cấp Tiểu học.</p>	2	HK3	Tự luận

18.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục và công tác Đội ở Tiểu học	Học phần gồm những nội dung cơ bản về kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học (chào cờ, sinh hoạt lớp chủ nhiệm, hoạt động ngoại khóa,...); Giới thiệu mục đích, tính chất, vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; một số nội dung, nguyên tắc, hình thức và phương pháp công tác Đội TNTP HCM và Sao nhi đồng ở trường tiểu học; tổ chức một số hoạt động nghiệp vụ Đội.	2	HK4	Tự luận
19.	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự phát triển thể chất, sinh lý, quá trình phát triển tâm lý giới tính, nội dung giáo dục giới tính, giáo dục cho trẻ phòng chống xâm hại và phương pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó sinh viên thiết kế được một số nội dung giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học thông qua các bài lên lớp và trong các buổi ngoại khóa.	2	HK6	Tự luận
20.	Phương pháp luyện câu cho học sinh tiểu học	Trang bị cho sinh viên chuẩn kiến thức về câu trong chương trình tiểu học, phân môn luyện từ và câu; hình thức về phương pháp dạy câu cho học sinh Tiểu học theo quan điểm giao tiếp, phát triển năng lực người học.	2	HK6	Tự luận
21.	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	Học phần giới thiệu một số vấn đề chung về kỹ năng sống cho học sinh tiểu học; một số kỹ năng sống cơ bản cần giáo dục cho học sinh; tổ chức cho sinh viên thực hành thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.	2	HK6	Tự luận
22.	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ở Tiểu học	Nội dung học phần gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về dạy và học tích cực; Một số kỹ thuật, phương pháp dạy và học tích cực và việc vận dụng chúng trong dạy học ở tiểu học; Lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ở tiểu học.	2	HK4	Tự luận
23.	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học	Môn Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quá trình giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học. Học phần sẽ bổ sung các kiến thức mới về mục tiêu giáo dục đạo đức, hệ thống giá trị cần thiết hình thành con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	2	HK7	Tự luận

24.	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	<p>Nội dung học phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ của Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; các cơ sở khoa học; những đặc điểm của học sinh tiểu học trong quá trình chiếm lĩnh tiếng Việt; mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. - Những kiến thức về vị trí, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, nguyên tắc dạy học, nội dung và quy trình tổ chức dạy học Học vắn, dạy viết (Tập viết, Chính tả) ở Tiểu học; từ đó có kỹ năng tổ chức dạy học các nội dung này một cách khoa học và có hiệu quả. 	3	HK5	Tự luận
25.	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	<p>Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức về vị trí, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, nguyên tắc dạy học, nội dung và quy trình tổ chức dạy học đọc hiểu, dạy nghe-nói, dạy kiến thức tiếng Việt, dạy viết (Tập làm văn), dạy học một số nội dung khác (Tự đọc sách báo, Góc sáng tạo, Tự đánh giá) ở Tiểu học; từ đó có kỹ năng tổ chức dạy học các nội dung này một cách khoa học và có hiệu quả.</p>	3	HK6	Tự luận
26.	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	<p>Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Tổng quan về bộ môn Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học, một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn toán ở Tiểu học, một số hình thức và phương pháp đánh giá trong dạy học môn toán ở Tiểu học, sử dụng trang thiết bị trong dạy học toán ở Tiểu học.</p>	3	HK5	Tự luận
27.	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	<p>Học phần bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch dạy học môn Toán ở Tiểu học, các vấn đề về phương pháp dạy học các nội dung Toán học cụ thể ở Tiểu học như dạy học số và phép tính, dạy học các yếu tố hình học, dạy học đại lượng và đo lường, dạy học yếu tố đại số và thống kê, dạy học giải toán có lời văn ở Tiểu học.</p>	3	HK6	Tự luận
28.	Phương pháp rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học	<p>Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và các kỹ năng về sử dụng tiếng Việt: nghe, nói, đọc, viết. Thông qua hệ thống bài tập, tổ chức cho sinh viên thực hành rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt, và thực hành tổ chức các hoạt động rèn kỹ</p>	2	HK7	Tự luận

		năng sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học.			
29.	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	Học phần bao gồm các kiến thức về: Giới thiệu và thực hành một số kiến thức về công nghệ, kĩ thuật tạo hình bằng giấy, bìa, lắp ghép kĩ thuật (cơ khí – điện), trồng trọt ở tiểu học; mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, công cụ đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ; thực hành thiết kế tiến trình dạy học bài học, tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực công nghệ cho học sinh tiểu học.	2	HK7	Tự luận
30.	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học 1	Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về: Vị trí, mục tiêu, cấu trúc và nội dung chương trình, các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.	2	HK5	Tự luận
31.	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học 2	Học phần bao gồm các nội dung về hướng dẫn dạy học các chủ đề, dạng bài của phân môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.	2	HK6	Tự luận
32.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học	Nội dung học phần bao gồm: khái quát về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, những điểm mới của chương trình môn Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học; nguyên tắc, cấu trúc chương trình, sách giáo khoa; Tìm hiểu các loại hình hoạt động trải nghiệm, các phương pháp và hình thức tổ chức; Tìm hiểu quy trình thiết kế và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; Đánh giá người học sau các hoạt động trải nghiệm.	2	HK6	Tự luận
33.	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về chương trình, các dạng chương trình, nguyên tắc, yêu cầu khi xây dựng chương trình môn học ở tiểu học, phân tích các chương trình môn học, thiết kế các nhiệm vụ học tập dựa trên các tiêu chí của chương trình, thiết kế nội dung học tập theo các chủ đề cụ	2	HK7	Tự luận

		thể, phân tích sách giáo khoa, đánh giá một chương trình dạy học ở tiểu học.			
34.	Dạy học tích hợp ở tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học, trong đó bao gồm: những khái niệm có liên quan tới dạy học tích hợp, xu thế dạy học tích hợp trên thế giới, các dạng tích hợp ở tiểu học, cách thiết kế bài học tích hợp, cách thức tổ chức dạy học tích hợp.	2	HK8	Tự luận
35.	Dạy học Stem	Học phần bao gồm các kiến thức về: quan điểm giáo dục Stem, phương pháp, hình thức dạy học Stem ở tiểu học, quy trình triển khai tổ chức các chủ đề dạy học Stem ở tiểu học. Thực hiện kết nối hoạt động giáo dục STEM với các hoạt động dạy học, giáo dục ở trường tiểu học.	2	HK8	Tự luận
36.	Giáo dục địa phương	Nội dung học phần gồm: Những kiến thức khái quát cũng như các đặc trưng tiêu biểu về tiếng Việt địa phương (trên bình diện ngữ âm và từ vựng) và văn học địa phương (văn học dân gian và văn học viết). Các di tích lịch sử, văn hóa địa phương và những nhân vật nổi tiếng làm rạng danh địa phương trên các lĩnh vực; Các nội dung cơ bản của địa lý địa phương (tự nhiên, dân cư và kinh tế - xã hội). Các cảnh sắc tiêu biểu của địa phương (tên gọi, mô tả, vai trò và việc nhận dạng chúng ngoài thực tế). Các nội dung này làm cơ sở để dạy tích hợp các kiến về địa phương và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong chương trình tiểu học.	2	HK6	Tự luận
37.	Thực tế bộ môn	Tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoài tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, những nét văn hóa ở một số vùng miền...nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và làm giàu vốn kiến thức, vốn sống... phục vụ cho việc giảng dạy các phân môn Tiếng Việt, dạy học Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Nghệ thuật... ở trường tiểu học. Đồng thời, rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên: kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và lưu trữ thông tin, kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.	1	HK5	Bài thu hoạch

38.	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	Học phần những kiến thức cơ bản, tổng quan về năng lực giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học; các phương pháp để phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học và các ứng dụng để sinh viên thực hành phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh Tiểu học.	2	HK7	Tự luận
39.	Thực hành các phương pháp giải Toán ở Tiểu học	Học phần Những vấn đề chung về hệ thống bài tập dạy học toán ở Tiểu học; 16 phương pháp giải toán như phương pháp sơ đồ đoạn thẳng, phương pháp rút về đơn vị-phương pháp tỉ số, phương pháp chia tỷ lệ, phương pháp thử chọn, Nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giải toán là nhận dạng bài toán và lựa chọn phương pháp giải góp phần nâng cao chất lượng dạy học toán ở tiểu học.	2	HK7	Tự luận
40.	Thực hành các phương pháp giải bài tập Tiếng Việt ở Tiểu học	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về hệ thống bài tập dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Phương pháp tổ chức hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở các nội dung dạy đọc hiểu (Tập đọc), dạy kiến thức tiếng Việt (Luyện từ và câu), dạy viết (Chính tả, Tập làm văn), dạy nói và nghe (Kể chuyện).	2	HK7	Tự luận
41.	Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	Nội dung gồm có: Một số phương pháp chung dạy học sinh dân tộc học tiếng Việt; phương pháp dạy học sinh dân tộc thiểu số phát âm đúng; phương pháp dạy học sinh dân tộc thiểu số nghe nói đọc viết được tiếng Việt.	2	HK7	Tự luận
42.	Dạy hội thoại cho học sinh tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hội thoại: khái niệm, cấu trúc hội thoại và các quy tắc hội thoại; Nội dung và phương pháp dạy hội thoại trong chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt ở Tiểu học; xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy hội thoại trong các phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học.	2	HK7	Tự luận
43.	Thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học ở tiểu học	Học phần giới thiệu chung một số loại đồ dùng thường được sử dụng trong dạy học ở tiểu học; cấu tạo và chức năng của một số đồ dùng dạy học ở tiểu học; Thiết kế và sử dụng hiệu quả được đồ dùng dạy học ở tiểu học và thực hành sử dụng đồ dùng dạy học vừa thiết kế vào tổ chức các hoạt động dạy học.	2	HK4	Tự luận
44.	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở Tiểu học	Học phần nhằm giới thiệu chung cho người học về vai trò của âm nhạc, đặc điểm khả năng tiếp thu âm nhạc của học sinh Tiểu học, chương trình sách giáo khoa âm nhạc Tiểu học,	2	HK4	Tự luận

		phương pháp dạy học hát, nghe nhạc, tập đọc nhạc, cách xây dựng kế hoạch bài học âm nhạc Tiểu học và vận dụng vào việc dạy học âm nhạc theo chương trình sách giáo khoa âm nhạc Tiểu học mới.			
45.	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	<p>Giới thiệu nội dung chương trình; chuẩn kiến thức, kỹ năng; sách giáo khoa, sách giáo viên môn Mỹ thuật ở tiểu học. Nghiên cứu những vấn đề chung về lý luận dạy học Mỹ thuật, phương pháp dạy học Mỹ thuật ở trường tiểu học;</p> <p>Tiếp cận, vận dụng các Phương pháp dạy học Mỹ thuật mới của Đan Mạch (SAEPS) để tổ chức dạy – học tích hợp theo chủ đề dựa trên nội dung chương trình môn Mỹ thuật tiểu học hiện hành;</p> <p>Lập Kế hoạch dạy học, làm đồ dùng dạy học; thực hiện các quy trình dạy học Mỹ thuật ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Tổ chức thực hành sự phạm Mỹ thuật trên lớp.</p>	2	HK4	Tự luận
46.	Phương pháp dạy học Giáo dục Thể chất ở Tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về chương trình Giáo dục thể chất ở bậc Tiểu học; những nguyên tắc, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, các hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, lập kế hoạch bài học, thực hành tổ chức dạy học các chủ đề trong môn Giáo dục Thể chất ở tiểu học.	2	HK4	Tự luận
47.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
48.	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm Tiểu học	Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; Đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học; Các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học; Bản chất tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục học sinh; Tâm lý học nhân cách người giáo viên tiểu học.	3	HK3	Tự luận
49.	Giáo dục học đại cương	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về giáo dục học: Giáo dục học là một hiện tượng xã hội đặc biệt; Giáo dục là một khoa học; Giáo dục và sự hình thành phát triển nhân cách;	2	HK3	Tự luận

		Mục đích giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân; Giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục tiểu học; Người giáo viên tiểu học.			
50.	Lý luận giáo dục tiểu học và lý luận dạy học Tiểu học	Nội dung học phần bao gồm: Quá trình dạy học tiểu học; Nguyên tắc dạy học tiểu học; Nội dung dạy học tiểu học, Phương pháp dạy học tiểu học, Các hình thức tổ chức dạy học tiểu học; Quá trình giáo dục tiểu học, Nguyên tắc giáo dục tiểu học, Nhiệm vụ và nội dung giáo dục tiểu học, Phương pháp giáo dục tiểu học, Người giáo viên chủ nhiệm lớp và công tác xây dựng tập thể học sinh ở trường tiểu học.	3	HK4	Tự luận
51.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản.	1	HK3	Thực hành
52.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Học phần bao gồm những nội dung: 1. Học tập và rèn luyện một số kỹ năng dạy học cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo (15 tiết): - Luyện chữa lỗi phát âm, đọc diễn cảm. - Tập viết chữ, trình bày bảng. - Luyện kỹ năng nghe – nói. 2. Học tập và rèn luyện một số kỹ năng (8 tiết): - Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần cụ thể ở tiểu học. - Thiết kế và tổ chức công tác chủ nhiệm. 3. Rèn luyện tại Trường Tiểu học (7 tiết): - Tìm hiểu, quan sát và học tập về công tác chủ nhiệm lớp tại trường tiểu học.	1	HK4	Thực hành
53.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Học phần bao gồm những nội dung: Thực hành rèn luyện kỹ năng dạy học các môn ở Tiểu học 1 1. Thực hành tại trường Đại học Phú Yên (15 tiết) - Rèn luyện phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học ở Tiểu học. - Ứng dụng CNTT vào thiết kế trò chơi trong dạy học các môn học ở tiểu học. 2. Dự giờ ở trường tiểu học: Dự giờ:10 tiết – rút kinh nghiệm: 05 tiết Dự giờ các môn học ở khối 1, 2, 3: Toán, Tiếng Việt, Hoạt	1	HK5	Thực hành

		động trải nghiệm, Tự nhiên và xã hội, ... Thực hành quan sát các hoạt động của giáo viên, học sinh trong giờ học; học tập và rút kinh nghiệm giờ dạy.			
54.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	<p>Học phần bao gồm những nội dung: Thực hành Rèn luyện kỹ năng dạy học các môn học ở Tiểu học 2</p> <p>1. Thực hành tại trường Đại học Phú Yên (15 tiết) - Rèn kỹ năng phân tích chương trình, sách giáo khoa. - Rèn kỹ năng thiết kế kế hoạch bài học, quan sát các hoạt động của GV, HS trong giờ học - Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục.</p> <p>2. Dự giờ ở trường tiểu học: Dự giờ:10 tiết – rút kinh nghiệm: 05 tiết Dự giờ các môn học ở khối 4,5: Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Tin học và Công nghệ, Mĩ thuật, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm,... Thực hành quan sát các hoạt động của giáo viên, học sinh trong giờ học; học tập và rút kinh nghiệm giờ dạy.</p>	1	HK6	Thực hành
55.	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phần này bao gồm những nội dung chính: Những vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục; Một số quy định về đánh giá trong giáo dục tiểu học ở Việt Nam; Quy trình đánh giá trong dạy học; Vấn đề đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và Thực hành một số bài trắc nghiệm.</p> <p>Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; nắm rõ những quy định hiện hành về đánh giá ở bậc giáo dục tiểu học; xây dựng quy trình đánh giá để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học ở cấp tiểu học.</p>	2	HK7	Tự luận
56.	Nhập môn nghề giáo viên	<p>Học phần bao gồm các phần: - Hiểu về triết học, các nhánh cơ bản của triết học; từ đó, điều chỉnh, chọn lọc triết lý giáo dục nền tảng cho chính</p>	2	HK6	Tự luận

		<p>bản thân mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được các lý thuyết tâm lý học dựa trên bốn cách tiếp cận: nhân văn, hành vi, xử lý thông tin và kiến tạo. - Nhận diện được đặc điểm, nhiệm vụ và sứ mệnh của nghề giáo viên, từ đó xây dựng được đặc điểm của một người giáo viên giỏi theo quan điểm của bản thân. - Mô tả, nhận ra được động lực trở thành giáo viên của chính bản thân, hoặc của người khác. - Giải thích được tầm quan trọng của việc học tập, tầm quan trọng của nghề giáo. 			
57.	Giao tiếp sư phạm	<p>Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (khái niệm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm và năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên), Thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.</p>	2	HK3	Tự luận
58.	Thiết kế sư phạm căn bản	<p>Học phần bao gồm các phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và trình bày được một số khái niệm, nguyên lý cơ bản của Thiết kế Sư phạm. - Trình bày và giải thích quá trình thực hiện Thiết kế Sư phạm và các mô hình thiết kế. - Trình bày và giải thích một số hoạt động phân tích phục vụ cho Thiết kế Sư phạm. - Giải thích được tầm quan trọng của “Thiết kế Sư phạm” với nhóm đối tượng giáo viên. 	2	HK5	Tự luận
59.	Tư vấn tâm lý học đường ở trường Tiểu học	<p>Nội dung học phần: Tư vấn tâm lý học đường ở tiểu học bao gồm kiến thức cơ bản về tư vấn tâm lý: khái niệm tư vấn tâm lý, các hình thức tư vấn tâm lý giáo dục; các lĩnh vực cơ bản trong tư vấn tâm lý giáo dục; các nguyên tắc của tư vấn tâm lý; các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà tư vấn tâm lý học đường. Trên cơ sở đó, người học thực hành các kỹ năng tư vấn cơ bản nhằm hỗ trợ công tác giáo dục học sinh trong nhà trường tiểu học.</p>	2	HK5	Tự luận
60.	Giáo dục hoà nhập	<p>Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm và các dạng khuyết tật; Một số khái niệm về giáo dục hòa nhập, quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập trong nhà trường, lớp học Tiểu học cho trẻ ở các dạng khuyết tật khác nhau theo phương thức giáo dục hòa nhập.</p>	2	HK5	Tự luận

61.	Giáo dục thời đại 4.0	Nội dung học phần bao gồm: Trình bày về sự thay đổi của các thời kỳ cách mạng công nghiệp, sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến đời sống xã hội và những thách thức của giáo dục thời đại 4.0. Từ đó mô tả một số vấn đề lý luận về nội dung, phương tiện, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trong thời đại 4.0.	2	HK5	Tự luận
62.	Phát triển năng lực dạy học Toán ở tiểu học	Học phần trang bị cho người học: - Một số vấn đề lý luận chung về năng lực, dạy học phát triển năng lực, năng lực sư phạm và năng lực dạy học; dạy học môn Toán theo tiếp cận năng lực: Dạy học theo tiếp cận và phát triển năng lực; Đặc điểm và yêu cầu dạy học môn Toán theo cách tiếp cận và phát triển năng lực. - Phương pháp dạy học môn Toán theo cách tiếp cận phát triển năng lực: Một số vấn đề về phương pháp, phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán theo cách tiếp cận, phát triển năng lực; Cách thức tổ chức dạy học Toán cho học sinh tiểu học theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực - Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Toán theo tiếp cận phát triển năng lực.	2	HK8	Tự luận
63.	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	Học phần bao gồm: Những vấn đề chung về dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực; phát triển năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học; đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tiếng Việt của học sinh ở Tiểu học.	3	HK8	Tự luận

5. Ngành Việt Nam học (7310630)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử văn minh thế giới: sự hình thành, phát triển và những thành tựu của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại từ cổ đại đến hiện đại	2	HK1	Tự luận
2.	Nhập môn Xã hội học	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về những vấn đề	2	HK2	Tự luận

		<p>ơ bản của Xã hội học: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học; đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; một số khái niệm cơ bản của Xã hội học: cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, vị thế - vai trò xã hội, xã hội hóa, hành động xã hội...; Một số lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học chuyên biệt: đô thị, nông thôn, gia đình, dư luận xã hội...; Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học.</p>			
3.	Tăng trưởng xanh và du lịch bền vững	<p>Học phần đề cập đến: Một số vấn đề lý luận về tăng trưởng xanh trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu; Bối cảnh, chủ trương, định hướng và các mô hình Tăng trưởng xanh; Nội dung liên quan đến du lịch bền vững; Du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm; Công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững.</p>	2	HK8	Tự luận
4.	Lịch sử Việt Nam	<p>Học phần bao gồm những kiến thức về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến nay, cụ thể: sự phát triển của dân tộc Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X, từ thế kỷ X đến 1858, từ 1858 đến 1919, từ 1919 đến 1945, từ 1945 đến 1975 và từ 1975 đến nay.</p>	3	HK1	Tự luận
5.	Đại cương các dân tộc Việt Nam	<p>Học phần cung cấp những thông tin về bản đồ phân vùng các tộc người ở Việt Nam; đặc trưng văn hóa và lịch sử của từng dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam; những thay đổi của cộng đồng các dân tộc hiện nay; vai trò của các dân tộc trong lịch sử và văn hóa dân tộc.</p>	2	HK1	Tự luận
6.	Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại	<p>Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về sự hình thành làng xã Việt Nam trong xã hội truyền thống; tính cộng đồng và tự trị của làng xã Việt Nam; tính bền vững/cố kết cộng đồng trong làng xã Bắc Bộ; tính “mở” của làng xã Nam Bộ; thuận lợi và khó khăn của văn hóa làng xã đem đến cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Cung cấp cho người học kiến thức về sự thay đổi làng xã trong bối cảnh hiện đại, quá trình thay đổi xã hội với xây dựng nông thôn mới hiện nay.</p>	3	HK2	Tự luận
7.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về văn hóa và những đặc điểm của các thành tố cơ bản trong Văn hóa Việt Nam, các kỹ năng làm việc nhóm, tham gia và đánh giá các sự kiện văn hóa.</p>	2	HK1	Tự luận
8.	Văn học dân gian	<p>Giúp người học hiểu, cảm nhận và phân tích được các tác phẩm văn học dân gian. Giúp người học nắm được các giá trị của văn học dân</p>	2	HK2	Tự luận

		gian và vai trò của văn học dân gian trong đời sống tinh thần của dân tộc. Nâng cao năng lực và nhu cầu lĩnh hội, thưởng thức văn học dân gian cũng như những đặc trưng văn hóa dân tộc.			
9.	Tiếng Việt thực hành	Học phân hệ thống những yêu cầu chung về văn bản, đoạn văn, câu, từ, chính tả tiếng Việt và luyện kỹ năng chính tả, dùng từ, đặt câu và kỹ năng viết đoạn (trong văn bản nghị luận xã hội), văn bản tiếng Việt (văn bản hành chính thông thường).	2	HK3	Tự luận
10.	Ngữ văn địa phương	Học phân cung cấp những tri thức cơ bản về đặc điểm tiếng Việt theo đặc trưng phương ngữ và văn học địa phương Phú Yên. Đồng thời, bước đầu tiếp cận những nội dung ngữ văn địa phương cần thiết cho người học.	2	HK2	Tự luận
11.	Lịch sử địa phương	Học phân này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản: khái luận về lịch sử địa phương, phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, thực hành sưu tầm và biên soạn công trình lịch sử địa phương.	2	HK2	Tự luận
12.	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội	Học phân trang bị kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo; những loại/dạng tín ngưỡng dân gian của Việt Nam: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người; bản sắc văn hóa dân tộc biểu hiện qua tín ngưỡng; vai trò của tín ngưỡng trong xã hội hiện đại; những vấn đề cơ bản về lễ hội và lễ hội Việt Nam.	2	HK2	Tự luận
13.	Nhân danh và địa danh Việt Nam	Học phân cung cấp những kiến thức đối tượng nghiên cứu, các khái niệm và tổng quan về địa danh và nhân danh Việt Nam. Tìm hiểu họ, tên, danh hiệu của người Việt Nam và cách gọi địa danh và nhân danh học, lịch sử nghiên cứu nhân danh học, tổng quan về nhân danh Việt Nam. Ý nghĩa nghiên cứu địa danh và danh nhân học. Phương pháp nghiên cứu địa danh và nhân danh học.	2	HK3	Tự luận
14.	Lược sử mỹ thuật Việt Nam	Học phân khái quát một số công trình Kiến trúc, tác phẩm Hội họa, Điêu khắc của Việt Nam, thời Phong kiến, thời Cận hiện đại. Học phân giới thiệu nguồn gốc và vẻ đẹp của các dòng tranh Dân gian Việt Nam như: tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), tranh Kim Hoàng (Hà Tây), tranh Làng Sình (Huế).	2	HK3	Tự luận
15.	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	Học phân trang bị những kiến thức tổng quát, sơ giản về hệ thống nhạc khí các dân tộc Việt Nam, các thể loại ca nhạc cổ truyền Việt Nam, đặc điểm cơ bản của các vùng dân ca Việt	2	HK3	Tự luận

		Nam.			
16.	Kinh tế du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về kinh tế du lịch như các khái niệm về kinh tế du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch, thời vụ du lịch và các nhân tố khác như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người; đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp du lịch.	2	HK2	Tự luận
17.	Marketing du lịch	Học phần bao gồm những kiến thức tổng quát về marketing và marketing du lịch nhằm giúp sinh viên làm quen với các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu được một số nội dung cơ bản của các chiến lược marketing-mix (chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến hỗn hợp) và ứng dụng vào bối cảnh du lịch.	2	HK3	Tự luận
18.	Tiền tệ và thanh toán quốc tế	Học phần bao gồm các nội dung về tiền tệ, tín dụng trong nền kinh tế thị trường, lãi suất tín dụng và việc thanh toán trong nền kinh tế thị trường, tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.	2	HK7	Tự luận
19.	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống các thủ tục liên quan đến việc xuất cảnh, nhập cảnh dành cho khách du lịch; các quy tắc về bảo hiểm du lịch nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của người học.	2	HK7	Tự luận
20.	Tổng quan du lịch	Học phần khái quát các nội dung: khái niệm cơ bản về du lịch; quá trình hình thành và phát triển du lịch; nhu cầu, động cơ và điều kiện phát triển du lịch; loại hình và sản phẩm du lịch; tính thời vụ du lịch; công nghiệp du lịch và các yếu tố cấu thành; lao động du lịch; tác động của du lịch đến lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Những kiến thức tổng quan về du lịch là cơ sở tiếp thu những học phần du lịch chuyên ngành.	2	HK1	Tự luận
21.	Địa lý du lịch	Học phần làm rõ cơ sở lý luận về địa lý du lịch và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam; từ đó người học có thể vận dụng vào sự phát triển du lịch ở địa phương.	2	HK2	Tự luận
22.	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Học phần bao gồm các kiến thức về tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, tác động của các hoạt động du lịch ở Việt Nam đến tài nguyên và môi trường, phát triển du lịch Việt Nam bền vững trong mối quan hệ với tài nguyên và môi	2	HK3	Tự luận

		trường.			
23.	Loại hình và sản phẩm du lịch	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên, loại hình và sản phẩm du lịch; khái quát những loại hình và sản phẩm du lịch chủ yếu ở Việt Nam; tổng quan một số mô hình sản phẩm du lịch trên thế giới và việc ứng dụng tại địa phương.	2	HK4	Tự luận
24.	Tuyến điểm du lịch	- Phân lý thuyết: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điểm, tuyến du lịch tại Việt Nam. Học phần đề cập đến những điểm du lịch đặc trưng, điều kiện về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch trên các tuyến chính xuất phát từ trung tâm du lịch Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; giúp sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan nhất về các điểm du lịch và những tuyến du lịch đặc trưng nhằm vận dụng vào các môn học kế tiếp của ngành học. - Phân thực hành: Xây dựng tuyến chuyên đề và thuyết minh tuyến điểm.	2	HK4	Tự luận
25.	Quy hoạch du lịch	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận quy hoạch du lịch, hệ thống quan điểm và nguyên tắc quy hoạch du lịch, quy trình quy hoạch du lịch, đánh giá tác động phát triển du lịch đến môi trường tự nhiên và văn hóa, hướng dẫn thiết lập sơ đồ quy hoạch điểm du lịch và vùng du lịch, thực trạng công tác quy hoạch du lịch ở Việt Nam và địa phương.	2	HK6	Tự luận
26.	Du lịch và môi trường	Nội dung học phần đề cập đến: Nhập môn khoa học môi trường; Các nguyên lý sinh thái ứng dụng trong khoa học môi trường; Tài nguyên thiên nhiên; Ô nhiễm môi trường; Tác động của du lịch đến môi trường; Vai trò và ảnh hưởng của môi trường đến các hoạt động du lịch; Các giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.	2	HK1	Tự luận
27.	Tâm lý du khách	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý du khách; các phương pháp tâm lý và tâm lý xã hội để tìm hiểu tâm lý xã hội của con người trong du lịch; kỹ năng giao tiếp và ứng xử đối với khách du lịch; kỹ năng nhận biết và giải thích được một số hành vi trong ứng xử với khách du lịch.	2	HK6	Tự luận
28.	Du lịch Việt Nam	Học phần làm rõ một số thuật ngữ du lịch học cơ bản, những vấn đề về du lịch học Việt Nam và các lĩnh vực du lịch ở Việt Nam.	2	HK4	Tự luận
29.	Du lịch sinh thái	Nội dung học phần đề cập đến: Đại cương về du lịch sinh thái; Ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch sinh thái;	2	HK4	Tự luận

		Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; Hoạt động du lịch sinh thái và những vấn đề liên quan; Du lịch sinh thái ở Việt Nam.			
30.	Du lịch cộng đồng	Nội dung của học phần giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản như: khái niệm du lịch cộng đồng, nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng, các tác động của phát triển du lịch cộng đồng, quy trình phát triển du lịch cộng đồng và những bước triển khai mô hình du lịch cộng đồng. Từ đó sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng được vào các mô hình phát triển du lịch cộng đồng trong thực tiễn hoạt động du lịch.	2	HK4	Tự luận
31.	Văn hóa Đông Nam Á	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đông Nam Á: một số vấn đề tổng quan: vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, nguồn gốc tộc người, sơ lược lịch sử phát triển; các thành tố cấu thành văn hóa khu vực; một số đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á.	2	HK4	Tự luận
32.	Nhiếp ảnh	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo máy ảnh, cách sử dụng máy ảnh; kỹ thuật chụp ảnh căn bản, kỹ thuật chụp ảnh trong phòng, ngoài trời, kỹ thuật chụp ảnh cho mục đích công việc khác nhau như: lấy tư liệu, phục vụ cho việc nghiên cứu...; các kỹ thuật căn bản về tráng phim, xử lý phim.	3	HK5	Tự luận
33.	Kỹ thuật quay video	Học phần cung cấp kiến thức căn bản có liên quan để sử dụng máy quay camera như sơ đồ hình và chức năng hoạt động của một số camera thông thường; kỹ thuật vận hành máy video; kỹ thuật sử dụng ống kính máy quay; kỹ thuật chọn góc độ thu hình...; giúp sinh viên có thể sử dụng máy camera để phục vụ công việc thực hành, nghiên cứu, quảng bá du lịch...	3	HK5	Tự luận
34.	Khiêu vũ giao tiếp	Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về khiêu vũ cô điển, các loại hình khiêu vũ nghệ thuật; phối hợp những động tác và bước đi theo điệu nhạc một cách nhịp nhàng và uyển chuyển; giúp người học rèn luyện cơ thể dẻo dai, khỏe mạnh và có kỹ năng giao lưu nghệ thuật khiêu vũ trong những hoạt động văn hóa văn nghệ; thực hành luyện tập một số điệu nhảy phổ thông: rumba, cha cha cha, basodoble, tango, samba, bebop và slow waltz.	3	HK5	Thực hành
35.	Quản trị khách sạn - nhà hàng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong công tác quản trị khách sạn - nhà hàng: tổ chức bộ máy, quản trị nguồn nhân lực của khách sạn - nhà hàng; cách thức tổ chức kinh doanh lưu trú, ăn uống. Đồng thời, sinh viên sẽ biết cách tổ chức, điều hành, kiểm tra các bộ phận cũng như hoạt động cơ bản của khách sạn - nhà hàng, biết cách vận dụng các chiến	3	HK5	Tự luận

		lược vào việc kinh doanh khách sạn - nhà hàng nhằm tạo hiệu quả cao nhất, giải quyết các vấn đề về con người và các dịch vụ trong kinh doanh khách sạn - nhà hàng.			
36.	Nghiệp vụ khách sạn - nhà hàng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về các nghiệp vụ như: nghiệp vụ lễ tân khách sạn, nghiệp vụ phục vụ buồng phòng, nghiệp vụ phục vụ ăn uống và một số nghiệp vụ khác liên quan trong lĩnh vực khách sạn - nhà hàng.	3	HK6	Tự luận
37.	Thực hành nghiệp vụ khách sạn - nhà hàng	Học phần thực hành các nghiệp vụ khách sạn - nhà hàng như: Nghiệp vụ lễ tân khách sạn, nghiệp vụ buồng phòng khách sạn và nghiệp vụ phục vụ ăn uống tại các cơ sở khách sạn - nhà hàng ở địa phương. Sinh viên thực hành các công việc của một nhân viên khách sạn tại những khách sạn uy tín ở địa phương dưới sự hướng dẫn của nhân viên khách sạn và giảng viên bộ môn.	3	HK7	Thực hành
38.	Nghiệp vụ lữ hành	Học phần trang bị những kiến thức về xây dựng các chương trình du lịch trọn gói, quảng cáo và bán các chương trình du lịch trọn gói, xây dựng hồ sơ đoàn, bàn giao hồ sơ đoàn, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch trọn gói.	3	HK5	Tự luận
39.	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	- Phần lý thuyết: Học phần giới thiệu tổng quan về nghề hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch tại điểm; quy trình hướng dẫn tour; chuẩn bị và hoàn thiện bài giới thiệu cho du khách; kỹ năng và phương pháp thuyết trình; tổ chức loại hình du lịch chuyên đề và trải nghiệm; xử lý các vấn đề và tình huống trong tour; áp dụng các nguyên tắc du lịch có trách nhiệm. - Phần thực hành: Sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch và tại các điểm du lịch địa phương để nắm vững các hoạt động tổ chức và thực hiện du lịch dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn.	3	HK6	Tự luận
40.	Thực hành nghiệp vụ lữ hành - hướng dẫn du lịch	Học phần thực hành các nghiệp vụ lữ hành như: xây dựng các chương trình du lịch trọn gói, quảng cáo và bán các chương trình du lịch trọn gói, xây dựng hồ sơ đoàn, bàn giao hồ sơ đoàn, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch trọn gói; Các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Tiếp nhận hồ sơ đoàn, kiểm tra dịch vụ, đón khách tại điểm hẹn, tổ chức tham quan trên phương tiện vận chuyển và tại các khu điểm du lịch, tiễn khách, tổng kết và quyết toán hồ sơ đoàn. Sinh viên thực hành nghiệp vụ lữ hành và hướng dẫn du lịch tại các doanh nghiệp lữ hành uy tín ở địa phương để nắm bắt các	3	HK7	Thực hành

		hoạt động quản lý và điều hành du lịch dưới sự hướng dẫn của doanh nghiệp lữ hành và giảng viên bộ môn.			
41.	Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch	Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch; giúp sinh viên hiểu và phát triển năng lực thiết kế, tổ chức các sự kiện văn hóa - du lịch hướng đến hình thành nhà tổ chức sự kiện chuyên nghiệp trên lĩnh vực văn hóa và du lịch với tính sáng tạo, chuyên nghiệp được phát huy tối đa.	3	HK6	Tự luận
42.	Tiếng Anh Chuyên ngành Du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm thuật ngữ và các bài đọc, bài dịch tiếng Anh du lịch. Kết thúc học phần, sinh viên tích lũy được vốn từ vựng tiếng Anh ở các lĩnh vực khách sạn - nhà hàng, lữ hành - hướng dẫn du lịch đồng thời có thể hiểu và đọc, dịch các văn bản, tài liệu chuyên ngành, giúp giao tiếp tự tin với du khách.	3	HK4	Trắc nghiệm + Tự luận
43.	Thực tế bộ môn	Tham quan, trải nghiệm thực tế và nắm bắt thực tiễn hoạt động du lịch tại một số tỉnh, thành của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; qua đó phân tích, đánh giá và so sánh tình hình phát triển du lịch các địa phương; đồng thời thể hiện trách nhiệm của bản thân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các tài nguyên du lịch quốc gia.	2	HK3	Tiểu luận
44.	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Nội dung học phần bao gồm: khái quát chung về ẩm thực và văn hóa ẩm thực của Việt Nam; những đặc điểm chủ yếu trong ẩm thực Việt Nam; ẩm thực Việt Nam theo vùng miền; văn hóa ẩm thực với hoạt động du lịch.	2	HK6	Tự luận
45.	Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về quản lý và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới; đồng thời giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về văn hóa, di sản văn hóa và thực trạng công tác quản lý văn hóa trên địa bàn Phú Yên; từ đó giúp sinh viên vận dụng có hiệu quả trong hoạt động văn hóa và quản lý văn hóa thực tiễn ở địa phương.	2	HK6	Tự luận
46.	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	Học phần bao gồm kiến thức về các hoạt động giao tiếp của con người: bản chất giao tiếp, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giao tiếp và phương pháp khắc phục; đặc điểm tâm lý du khách trong giao tiếp và các phương pháp ứng xử; khái quát một số nghi thức và kỹ năng giao tiếp tiêu biểu.	2	HK7	Thực hành
47.	Kỹ năng thuyết trình trong du lịch	Học phần có các nội dung rèn luyện kỹ năng thuyết trình như kỹ năng phát âm, nói nhanh, nói chậm, chuẩn bị nội dung thuyết trình; cách lập luận, cách thể hiện, cách tạo sự quan tâm, thu	2	HK7	Thực hành

		hút du khách. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình thông qua các chương trình và mục đích khác nhau như dẫn chương trình, thuyết minh du lịch, hướng dẫn du lịch...			
48.	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể	- Phần lý thuyết: Kỹ năng tổ chức sinh hoạt tập thể cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt náo, trò chơi; quy trình tổ chức trò chơi và các dạng trò chơi phổ biến trong hoạt động du lịch. - Phần thực hành: Thực hành các trò chơi tập thể trong hoạt động du lịch.	2	HK7	Sinh viên làm bài thi tại bãi biển, sân trường, trên phương tiện vận chuyển hoặc tại lớp học
49.	Di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng Việt Nam	Học phần trang bị các khái niệm cơ bản về di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng; hệ thống di tích, danh thắng tiêu biểu của Việt Nam; tiêu chí, giá trị, đặc điểm và vai trò của hệ thống di tích, danh thắng; những biểu tượng trong hệ thống di tích, danh thắng Việt Nam.	3	HK8	Tự luận
50.	Quản lý nhà nước về du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về du lịch bao gồm các vấn đề: Cơ chế luật pháp quản lý nhà nước về du lịch; Sự phối hợp của các cơ quan chức năng quản lý về du lịch; các vấn đề: Quản lý tài nguyên du lịch, quản lý môi trường du lịch, quản lý nguồn nhân lực du lịch, thu hút các dự án đầu tư về du lịch, quản lý các nhà đầu tư về du lịch và quản lý các vấn đề xã hội khác phát sinh từ hoạt động du lịch.	2	HK8	Tự luận

6. Ngành Lịch sử (7140218)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần này được thiết kế cho sinh viên (SV) ngành sư phạm Lịch sử - Địa lý nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và Văn hóa Việt Nam.	2	HK2	Tự luận
2.	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng	2	HK3	Tự luận

		đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; các phương thức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 12.			
3.	Nhập môn Xã hội học	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về những vấn đề cơ bản của Xã hội học: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học; đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; một số khái niệm cơ bản của Xã hội học: cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, vị thế - vai trò xã hội, xã hội hóa, hành động xã hội; một số lĩnh vực nghiên cứu Xã hội học chuyên biệt: đô thị, nông thôn, gia đình, dư luận xã hội; phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học	2	HK4	Tự luận
4.	Lôgic học đại cương	Học phần Logic học đại cương cung cấp kiến thức cơ bản về các quy luật và các hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận, các quy luật cơ bản của logic hình thức, chứng minh, bác bỏ, ngụ biện, góp phần hình thành phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ, khoa học, phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan.	2	HK4	Tự luận
5.	Di sản văn hóa Hán Nôm	Học phần cung cấp kiến thức sơ lược về chữ Hán, chữ Nôm và hệ thống cho sinh viên các loại hình di sản văn hóa Hán Nôm, gồm sắc phong, bằng cấp, gia phả, văn bia, văn tế, câu đối để người học có thể nhận diện loại hình và nắm sơ lược nội dung của các di sản Hán Nôm đó.	2	HK4	Tự luận
6.	Tài nguyên và phát triển bền vững	Học xong học phần này, người học có được kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Từ đó xây dựng được giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.	2	HK4	Tự luận
7.	Nhập môn sử học và khảo cổ học	Nội dung học phần bao gồm: - Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, khái niệm lịch sử, lịch sử thế giới và Việt Nam. - Những hiểu biết cơ bản về khoa học khảo cổ; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; các thời đại Khảo cổ học thế giới và Việt Nam.	3	HK1	Tự luận
8.	Đại cương dân tộc học	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về Dân tộc học như đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của Dân tộc học thế giới và Dân tộc học Việt Nam, mối quan hệ giữa Dân tộc học với các ngành khoa học khác; những đặc trưng và những hình thái của tộc người trong quá	2	HK1	Tự luận

		trình lịch sử; khái quát về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam: đặc điểm, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người Việt Nam			
9.	Phương pháp luận sử học	Học phần cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản của nền sử học Mác-xít như đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các nguyên tắc chủ đạo (tính Đảng, tính khoa học). Bước đầu làm quen với phương pháp nghiên cứu lịch sử, phân tích, phê phán các tác phẩm sử học. Trang bị những kiến thức, rèn luyện khả năng tư duy của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực sử học.	2	HK2	Tự luận
10.	Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo; những loại/dạng tín ngưỡng dân gian của Việt Nam: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người; bản sắc văn hóa dân tộc biểu hiện qua tín ngưỡng; vai trò của tín ngưỡng trong xã hội hiện đại; những vấn đề cơ bản về lễ hội và lễ hội Việt Nam.	2	HK5	Tự luận
11.	Địa lý tự nhiên đại cương	Nội dung của học phần gồm những kiến thức cơ bản về Trái Đất: Cấu tạo, hình dạng, kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; Vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lí; Những kiến thức cơ bản về địa hình bề mặt Trái Đất (địa hình lục địa; địa hình dưới đáy biển và đại dương); Khái niệm về khí quyển; Bức xạ Mặt Trời và chế độ nhiệt; Khí áp và hoàn lưu khí quyển; Thời tiết và khí hậu. Thủy quyển (khái niệm, Biển và đại dương, nước trên lục địa); Thổ nhưỡng (khái niệm, quá trình phong hóa và sự hình thành đất, thành phần của đất, vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất); Sinh quyển (khái niệm, phạm vi, thành phần vật chất, đặc tính, vai trò, các nhân tố sinh thái và tính thích nghi, quần xã sinh vật và hệ sinh thái, các quy luật và sự phân bố sinh vật trên trái đất).	2	HK1	Tự luận
12.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Học phần đề cập đến những kiến thức chung về địa lý kinh tế - xã hội nhằm vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	3	HK1	Tự luận
13.	Địa chất học	Học phần bao gồm các kiến thức về địa chất đại cương: Cấu tạo và các tính chất vật lí, hóa học của Trái đất; Đại cương về khoáng vật và đá; Khái niệm cơ bản về địa chất cấu trúc; các quá trình địa chất. Các kiến thức cơ bản về địa chất lịch sử: Địa niên biểu và đại cương cổ sinh vật; các giai đoạn phát triển địa chất của vỏ Trái đất.	2	HK2	Tự luận

14.	Bản đồ học	Học phần đề cập đến: Bản đồ học và bản đồ địa lý; Cơ sở toán học của bản đồ địa lý; Ngôn ngữ bản đồ; Tổng quát hóa bản đồ địa lý; Phân loại, quy trình thành lập và phương pháp sử dụng bản đồ địa lý dùng trong nhà trường.	2	HK2	Tự luận
15.	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	Học phần bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới giai đoạn cổ-trung đại, trong đó tập trung vào những vấn đề chính của lịch sử xã hội nguyên thủy với những đặc trưng cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần; sự hình thành và phát triển của xã hội cổ đại thông qua hai mô hình chủ yếu (xã hội cổ đại phương Đông: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa và xã hội cổ đại phương Tây: Hi Lạp-Rôma); quá trình hình thành, phát triển và suy tàn của xã hội phong kiến; những nét chính về lịch sử một số quốc gia phong kiến ở châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Đông Nam Á.	3	HK1	Tự luận
16.	Lịch sử thế giới cận đại	Học phần bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản của Lịch sử Thế giới thời cận đại, tập trung vào những vấn đề chính như: lịch sử ra đời, phát triển của chủ nghĩa tư bản và quá trình xác lập hệ thống tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới; phong trào công nhân, phong trào cộng sản và quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học; quá trình chủ nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc địa, phong trào đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc của các nước Á - Phi - Mĩ Latinh thời cận đại.	2	HK2	Tự luận
17.	Lịch sử thế giới hiện đại	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại sau: 1- Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 đến nay; 2- Các nước tư bản từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; 3- Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.	2	HK3	Tự luận
18.	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Học phần bao gồm tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỉ XIX, tập trung vào các vấn đề: thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam (dấu vết và các giai đoạn phát triển); thời kỳ Bắc thuộc và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam giành độc lập và bảo vệ đất nước, phát huy nền văn hoá dân tộc, xây dựng quyền tự chủ; Việt Nam độc lập tự chủ trong các thế kỉ X - XV; Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII; Việt Nam trong nửa đầu thế kỉ XIX. Tạo tiền đề lịch sử cho giai đoạn cận đại.	3	HK1	Tự luận
19.	Lịch sử Việt Nam cận đại	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ giữa thế kỉ XIX (khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta đến Cách mạng tháng Tám 1945), cụ thể gồm: Việt Nam trước cuộc chiến	3	HK2	Tự luận

		tranh xâm lược của thực dân Pháp (1858 - 1884); tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX; hoàn cảnh, điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX; các khuynh hướng và đảng phái chính trị ở Việt Nam trước năm 1945; phong trào cách mạng Việt Nam theo khuynh hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi.			
20.	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Cung cấp kiến thức lịch sử đất nước qua các cuộc đấu tranh giai đoạn 1945 - 1954; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 - 1975); xây dựng và bảo vệ, đổi mới đất nước từ sau 1975 đến nay.	3	HK4	Tự luận
21.	Lịch sử Đông Nam Á	Học phần giới thiệu khái quát về các nước Đông Nam Á từ cổ đại đến hiện đại: - Các quốc gia cổ Đông Nam Á: sự hình thành, đặc điểm và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ đối với các quốc gia cổ; - Thời kì quốc gia phong kiến dân tộc: quá trình hình thành và phát triển; tác động sự xâm lược của quân Nguyên – Mông; nguyên nhân sự suy thoái; - Thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc: sự xâm lược của thực dân phương Tây và quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á. - Quá trình tái thiết quốc gia và liên kết khu vực sau khi giành độc lập.	3	HK6	Tự luận
22.	Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung chủ yếu của quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đến nay với các nội dung chính là: cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường và hai hệ thống thế giới (Liên Xô và hệ thống Xã hội chủ nghĩa với Mỹ và hệ thống tư bản chủ nghĩa); quan hệ quốc tế từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay.	2	HK7	Tự luận
23.	Lịch sử Văn minh thế giới (chuyên ngành Lịch sử)	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử văn minh thế giới: sự hình thành, phát triển và những thành tựu của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại từ cổ đại đến hiện đại.	3	HK5	Tự luận
24.	Lịch sử sử học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử sử học (là một khoa học, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp học tập môn	2	HK6	Tự luận

		<p>lịch sử sử học); sự hình thành nhận thức lịch sử, sự ra đời và phát triển của sử học thế giới; tiến trình lịch sử sử học Việt Nam; những tác phẩm lịch sử và nhà sử học tiêu biểu trong sự phát triển sử học; phương pháp đánh giá, nghiên cứu lịch sử sử học qua các thời đại. Từ đó, xác lập, định hướng thái độ học tập đối với sinh viên chuyên ngành sử.</p>			
25.	Thực tế bộ môn	<p>Học phần cung cấp các kiến thức về cách thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu thực tế lịch sử và địa lý địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lịch sử: tìm hiểu về các di tích và chứng nhân lịch sử thông qua việc tham quan, nghe báo cáo từ các chứng nhân lịch sử hoặc địa phương, sưu tầm và ghi chép tài liệu; - Phần địa lý: <ul style="list-style-type: none"> + Địa lý tự nhiên: Nhận diện phân hóa lãnh thổ tự nhiên; Tìm hiểu về vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu. + Địa lý kinh tế - xã hội: sự phân bố các cơ sở kinh tế dọc theo tuyến thực địa; mối quan hệ giữa sản xuất và không gian của các cơ sở kinh tế; sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Khảo sát một số cơ sở kinh tế, xã hội điển hình của địa bàn nghiên cứu. 	2	HK6	Bài thu hoạch cá nhân
26.	Địa lý tự nhiên Việt Nam	<p>Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên Việt Nam, đặc điểm các hợp phần của tự nhiên, mối quan hệ giữa các hợp phần và mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên; những kiến thức về địa lý tự nhiên ở mỗi miền tự nhiên của đất nước.</p>	3	HK2	Tự luận
27.	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	<p>Học phần khái quát thiên nhiên và con người Việt Nam; vấn đề tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế chủ yếu ở Việt Nam và việc tổ chức lãnh thổ các vùng ở Việt Nam.</p>	3	HK3	Tự luận
28.	Địa lý các châu lục	<p>Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về địa lý tự nhiên, địa lý dân cư và các vấn đề xã hội, địa lý các khu vực của các châu lục trên thế giới: Phi, Âu, Mỹ, Á, Đại dương và các đặc điểm tự nhiên của lục địa Nam cực.</p>	2	HK4	Tự luận
29.	Nhân danh và địa danh Việt Nam	<p>Học phần cung cấp những kiến thức đối tượng nghiên cứu, các khái niệm và tổng quan về địa danh và nhân danh Việt Nam. Tìm hiểu họ, tên, danh hiệu của người Việt Nam và cách gọi. địa danh và nhân danh học, lịch sử nghiên cứu nhân danh học, tổng quan về nhân danh Việt Nam. Ý nghĩa nghiên cứu địa danh và danh nhân học. Phương pháp nghiên cứu địa danh và nhân danh học.</p>	2	HK7	Tự luận

30.	Lịch sử địa phương	Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản: khái luận về lịch sử địa phương, phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, thực hành sưu tầm và biên soạn công trình lịch sử địa phương.	2	HK7	Tự luận
31.	Địa lí địa phương	Nội dung học phần bao gồm các nội dung về nghiên cứu địa lý địa phương (nội dung, quan điểm và phương pháp nghiên cứu; Thực hành làm báo cáo nghiên cứu khoa học về địa lý địa phương); Khảo sát, tìm hiểu địa lý địa phương; Giảng dạy địa lý địa phương (các nội dung địa lý địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học địa lý địa phương; tổ chức dạy học địa ý địa phương)	2	HK7	Tự luận
32.	Làng xã Việt Nam: truyền thống và hiện đại	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về sự hình thành làng xã Việt Nam trong xã hội truyền thống; tính cộng đồng và tự trị của làng xã Việt Nam; tính bền vững/cố kết cộng đồng trong làng xã Bắc Bộ; tính “mở” của làng xã Nam Bộ; thuận lợi và khó khăn của văn hóa làng xã đem đến cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Cung cấp cho người học kiến thức về sự thay đổi làng xã trong bối cảnh hiện đại, quá trình thay đổi xã hội với xây dựng nông thôn mới hiện nay.	2	HK6	Tự luận
33.	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX	Đây là học phần trang bị cho người học những nội dung: về sự hình thành nhà nước đầu tiên đến thế kỷ XX, tổ chức chính quyền tự chủ, phong kiến và tình hình pháp luật Việt Nam từ khi có Nhà Nước. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và các hình thức pháp luật.	2	HK6	Tự luận
34.	Các cuộc cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Chuyên đề cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các cuộc cải cách lớn trong lịch sử trung đại Việt Nam; những tư tưởng cải cách cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và công cuộc đổi mới đất nước toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ 1986 đến nay.	2	HK7	Tự luận
35.	Một số vấn đề triều Nguyễn ở thế kỉ XIX	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam thế kỉ XIX, gắn với vai trò lịch sử của vương triều Nguyễn (1802 – 1884). Những vấn đề cụ thể, gồm: sự thành lập vương triều Nguyễn, chính sách đối nội, đối ngoại, vai trò và trách nhiệm của vương triều Nguyễn đối với lịch sử dân tộc; những cách tiếp cận khác nhau về vương triều Nguyễn; những vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu và đánh giá về vương triều Nguyễn.	2	HK7	Tự luận
36.	Biển và đảo Việt Nam	Nội dung học phần đề cập đến: Vai trò của biển và đại dương trong đời sống con người; Khái quát về Biển Đông, các đảo,	2	HK7	Tự luận

		quần đảo, huyện đảo của nước ta; Các vùng biển và thềm lục địa; căn cứ khẳng định quyền trên biển, đảo; một số vấn đề nóng trên biển, đảo hiện nay ở nước ta; Giáo dục về biển và đảo trong nhà trường.			
37.	Hệ thống thông tin địa lí – GIS	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin Địa lí (GIS): GIS là gì, lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới và Việt Nam, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu GIS, các đặc điểm của GIS, yêu cầu đối với một hệ GIS, vai trò và ứng dụng của GIS trong đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực Quản lí đất đai. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến hệ thống tham chiếu không gian: Khái niệm về bản đồ, các đặc tính của bản đồ, hệ thống tọa độ, phép chiếu bản đồ, hệ quy chiếu VN - 2000. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên biết cách thức sử dụng một số phần mềm GIS phổ biến hiện nay.	2	HK7	Tự luận
38.	Những vấn đề cơ bản của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại	Chuyên đề cung cấp cho người học nội dung về các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại: từ khái niệm, những tiền đề dẫn đến cách mạng; các loại hình cách mạng; ý nghĩa và hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại.	2	HK5	Tự luận
39.	Các con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á	Học phần cung cấp cho người học các nội dung cơ bản về phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước châu Á từ thời cận đại đến thời hiện đại và quá trình xây dựng đất nước độc lập, tự chủ.	2	HK5	Tự luận
40.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
41.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học dạy học trung học phổ thông; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học nhân cách người giáo viên trung học phổ thông.	2	HK3	Tự luận
42.	Giáo dục học đại cương	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển xã hội, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và	2	HK3	Tự luận

		giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.			
43.	Giáo dục học phổ thông	Học phần gồm hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học...; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như: Khái niệm, bản chất quá trình giáo dục, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục...; người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK4	Tự luận
44.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản.	1	HK3	Thực hành
45.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Nội dung học phần bao gồm: - Trang bị cấu trúc và nội dung chương trình phổ thông mới năm 2018 của phân môn Lịch sử, Địa lý THCS và THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức và xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề, bài học môn Lịch sử - Địa lí theo kế hoạch dạy học phân môn Lịch sử - Địa lý ở trường THCS và THPT.	1	HK4	Thực hành
46.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Nội dung học phần bao gồm: Rèn luyện các kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng trên lớp học trong dạy học Lịch sử - Địa lí cho sinh viên: hoạt động tạo hứng thú, liên kết với kiến thức đã biết, tiếp nhận vấn đề học tập; hoạt động hình thành kiến thức mới.	1	HK5	Thực hành
47.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	Nội dung học phần tiếp tục rèn luyện các kỹ năng: - Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng trên lớp học trong dạy học Lịch sử - Địa lí cho sinh viên: hoạt động luyện tập củng cố; hoạt động vận dụng, mở rộng; hoạt động đánh giá, phản hồi; - Thực hành soạn kế hoạch bài học và tổ chức tập giảng bài học theo chủ đề.	1	HK6	Thực hành
48.	Giao tiếp sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (khái niệm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm và năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên), Thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.	2	HK4	Tự luận

49.	Phát triển chương trình dạy học môn Lịch sử - Địa lí ở trường Phổ thông	Học phần Phát triển chương trình môn Lịch sử - Địa lí hệ thống hoá, củng cố kiến thức hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các kế hoạch, nội dung của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn giảng dạy sau này.	2	HK6	Tự luận
50.	Đánh giá trong giáo dục	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phần này bao gồm những nội dung chính: Lập kế hoạch đánh giá và tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá; Thiết kế, cải tiến, hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá và Cải tiến chất lượng dạy và học dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá. Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường phổ thông.	2	HK6	Tự luận
51.	Lí luận và phương pháp dạy học địa lí	Học phần đề cập đến: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu; Hệ thống tri thức địa lý và quá trình nắm tri thức của học sinh; Vận dụng các nguyên tắc dạy học vào dạy học Địa lý; Phương tiện, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học Địa lý ở THPT; Quá trình dạy học phổ thông và các phương pháp dạy học Địa lý; Việc giảng dạy và chỉ đạo học sinh học tập của giáo viên địa lý; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học Địa lý.	3	HK5	Tự luận
52.	Phương pháp dạy học lịch sử	Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử. Cụ thể: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của phần Lịch sử trong chương trình giáo dục THCS và THPT; bản chất của quá trình dạy học phần Lịch sử và con đường hình thành kiến thức cho học sinh trong dạy học Lịch sử; các nguyên tắc dạy học và hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử.	2	HK6	Tự luận

53.	Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Học phần bao gồm: một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực; phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử ở trường trung học; kiểm tra, đánh giá năng lực môn Lịch sử ở trường trung học.	2	HK8	Tự luận
54.	Dạy học địa lí theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm về năng lực; Các năng lực Địa lý; Nội dung dạy học môn Địa lý ở trường trung học; Các phương pháp và kỹ thuật dạy học Địa lý ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực; Xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức dạy học môn Địa lý ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.	2	HK8	Tự luận
55.	Việt Nam trong sự phát triển của lịch sử thế giới từ cuối thế kỉ XIX đến nay	Học phần cung cấp cho sinh viên những sự kiện về sự chuyển biến của tình hình thế giới vào những thời điểm bước ngoặt từ cuối thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX; những sự kiện về sự biến chuyển của cách mạng Việt Nam dưới ảnh hưởng của tình hình thế giới và tác động của những biến chuyển đó đến tình hình thế giới, trước hết là đến khu vực.	2	HK8	Tự luận
56.	Cách mạng tháng Tám 1945 – đặc điểm, giá trị lịch sử	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống của lịch sử cách mạng tháng Tám 1945, cụ thể gồm: quá trình chuẩn bị chống xâm lược của thực dân Pháp, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam sau năm 1939; hoàn cảnh, điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam những năm chiến tranh chiến tranh thứ hai; cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 đến cách mạng tháng Tám thắng lợi. Những đặc điểm và giá trị lịch sử cách mạng Việt Nam.	2	HK8	Tự luận
57.	ASEAN: những chặng đường lịch sử	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN; Cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN; Cộng đồng ASEAN từ ý tưởng đến hiện thực; và vai trò của ASEAN đối với sự phát triển của các quốc gia thành viên.	2	HK8	Tự luận
58.	Quan hệ Mỹ và Đông Á trong lịch sử	Nội dung chuyên đề: - Giới thiệu khái quát về Mỹ và Đông Á. - Quan hệ giữa Mỹ với Đông Á thời cận đại. - Quan hệ giữa Mỹ và Đông Á từ 1914 đến 1991. - Quan hệ giữa Mỹ và Đông Á thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. - Xu thế của quan hệ Mỹ và Đông Á ngày nay.	2	HK8	Tự luận
59.	Giáo dục môi trường trong dạy học Địa lí	Học phần đề cập đến kiến thức đại cương về khoa học môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường; Mối quan hệ giữa con người và môi trường, giữa sự phát triển kinh tế - xã hội với môi trường; Vấn đề giáo	3	HK8	Tự luận

		đục môi trường qua môn Địa lý ở trường trung học.			
60.	Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Học phần đề cập đến kiến thức cơ bản về tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu và vấn đề phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	3	HK8	Tự luận

7. Ngành Ngữ văn (7140217)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa; không gian và chủ thể văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.	2	HK1	Tự luận
2.	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; các phương thức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 12.	2	HK3	Tự luận
3.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử dân tộc từ 1858 đến nay, sẽ đi sâu vào các nội dung: Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam từ đầu đến cuối thế kỷ XIX; hoàn cảnh, điều kiện mới của phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX; phong cách mạng theo khuynh hướng vô sản khi Đảng cộng sản ra đến đến cách mạng tháng Tám; đường lối và những chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp. Thành tựu của miền Bắc trong xđCNXH (1954-1975) và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thống nhất đất nước. Sự đổi	2	HK2	Tự luận

		mới đất nước từ 1986 - nay ở Việt Nam.			
4.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử văn minh thế giới: sự hình thành, phát triển và những thành tựu của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại từ cổ đại đến hiện đại.	2	HK2	Tự luận
5.	Nguyên lý lý luận văn học	- Học phần cung cấp kiến thức về những nguyên lý tổng quát và các khái niệm của lý luận văn học. Học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản và hệ thống về văn học như các mối quan hệ, đặc trưng văn học, các chức năng và tính khuynh hướng, quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học; - Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm.	3	HK1	Tự luận
6.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần bao gồm các lý thuyết chung về phong cách học (đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học; một số khái niệm cơ bản của ngành học; vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ, chuẩn mực phong cách...); cách phân loại và đặc trưng cơ bản của các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt; các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ trong tiếng Việt. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp phân tích văn bản thuộc một phong cách chức năng nhất định.	2	HK1	Tự luận
7.	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như: chủ đề, đề tài, nhân vật... - chìa khóa để sinh viên khám phá, giải mã, phân tích, đánh giá tác phẩm văn học. Cung cấp kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học: tự sự, trữ tình, kịch (nguồn gốc, quá trình hình thành các loại thể văn học, quan niệm về thể loại qua các thời đại lịch sử). Giới thiệu tiến trình văn học và sự vận động, biến đổi của văn học trong quá trình phát triển.	3	HK1	Tự luận
8.	Hán Nôm cơ sở	Học phần Hán Nôm cơ sở cung cấp kiến thức cơ bản về chữ Hán như quá trình hình thành, các phép cấu tạo, quy tắc viết chữ, ngữ pháp Hán cổ. Hình thành kỹ năng nhận diện bộ thủ và kỹ năng viết chữ Hán, dịch văn bản chữ Hán. Cung cấp kiến thức cơ bản về chữ Nôm như quá trình hình thành, phép cấu tạo chữ Nôm và kỹ năng phiên âm chữ	3	HK4	Tự luận

		Nôm.			
9.	Văn học dân gian Việt Nam	Học phân cung cấp những kiến thức chung về văn học dân gian Việt Nam: khái niệm, đặc trưng, phân loại, đặc biệt là đặc điểm của từng thể loại cụ thể như tục sự (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười), trữ tình (ca dao – dân ca, vè trữ tình), sân khấu dân gian (chèo sân đình), lời ăn tiếng nói hằng ngày (tục ngữ, câu đố) và tiếp cận một số thể loại tiêu biểu của văn học dân gian các dân tộc ít người như sử thi, truyện thơ. Trên cơ sở đó, giúp người học hình thành các kỹ năng kể, cảm thụ, phân tích và truyền giảng các tác phẩm văn học dân gian. Học phân cũng góp phần giúp người hiểu được chỗ đứng của văn học dân gian trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc.	3	HK1	Tự luận
10.	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức hệ thống và căn bản về tiến trình văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỷ XVII; Đặc điểm mỗi giai đoạn văn học trong tiến trình văn học trung đại và các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu.	3	HK2	Tự luận
11.	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức về tiến trình văn học Việt Nam thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX. Đây là thời kỳ trào lưu nhân đạo chủ nghĩa phát triển và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Thông qua việc giới thiệu, phân tích một số tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn văn học, hướng đến việc rèn kỹ năng phân tích và cảm thụ văn chương cho sinh viên.	3	HK3	Tự luận
12.	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	Học phân Văn học Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỉ XX - 1945 cung cấp cho người học những kiến thức hệ thống và căn bản về tiến trình văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945. Thông qua việc giới thiệu, phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn, đặc biệt là các tác giả, tác phẩm có trong chương trình Ngữ văn THPT, hướng đến việc rèn kỹ năng phân tích và nâng cao khả năng cảm thụ văn chương cho sinh viên.	3	HK4	Tự luận
13.	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	Học phân Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 bao gồm những kiến thức cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975: quá trình phát triển, đặc điểm, những thành tựu và hạn chế, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Khi phân tích, bình giảng tác phẩm văn học, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá tác phẩm văn học hiện đại; phát triển khả năng cảm thụ, bình giảng và	3	HK5	Tự luận

		<p>ngiên cứu văn chương.</p>			
14.	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	<p>- Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay, như: bối cảnh lịch sử, tình hình sáng tác, đội ngũ sáng tác, quá trình vận động đổi mới văn học, sự thay đổi trong quan niệm sáng tác, những thành tựu đạt được;</p> <p>- Đi sâu tìm hiểu sự phát triển và những thành tựu của thể loại thơ và văn xuôi Việt Nam sau 1975.</p>	3	HK6	Tự luận
15.	Văn học phương Tây từ Cổ đại đến Phục hưng	<p>- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn học phương Tây từ cổ đại đến thời kì Phục Hưng. Học phần này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những đặc điểm và thành tựu của văn học Hy Lạp cổ đại (như thần thoại Hy Lạp, anh hùng ca Homère, một số tác phẩm bi kịch Hy Lạp của Eschyle, Sophocle, Euripide...) và văn học phương Tây thời Phục Hưng (như Dante (Italia), Francois Rabelais (Pháp), Miguel de Cervantes (Tây Ban Nha), William Shakespeare (Anh)...);</p> <p>- Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm.</p>	2	HK2	Tự luận
16.	Văn học phương Tây từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX	<p>- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn học phương Tây từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XX. Học phần này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những đặc điểm và thành tựu của một số nền văn học tiêu biểu trong giai đoạn này như Văn học Pháp (với Pierre Corneille, Jean Racine, Molière,... của thế kỉ XVII; Voltaire của thế kỉ XVIII; Victor Hugo, Stendhal, Honoré de Balzac của thế kỉ XIX, Louis Aragon, Jean P.Sartre, Albert Camus của thế kỷ XX...), Văn học Anh (với Daniel Defoe của thế kỉ XVIII; Geogre Byron, Charles Dickens, Wiliam Thackeray của thế kỉ XIX; Bernard Shaw của thế kỉ XX), Văn học Đức (với Johann Wolfgang Goethe của thế kỉ XVIII; Henrich Heine của thế kỉ XIX, Bertolt Brecht, Franz Kafka của thế kỷ XX...), Văn học Mỹ (với Mark Twain của thế kỉ XIX, Ernest Hemingway, J.London, O'Henry của thế kỷ XX...);</p> <p>- Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm.</p>	3	HK4	Tự luận
17.	Văn học Trung Quốc	<p>- Học phần này cung cấp những kiến thức căn bản và hệ</p>	3	HK7	Tự luận

		<p>thông về văn học sử và các giá trị lớn của văn học Trung Quốc từ thời Tiên Tần đến nay, những đặc trưng thể loại, motif nhân vật, các giai đoạn và các tác gia tiêu biểu. Đặc biệt học phần này đi sâu vào tìm hiểu, phân tích một số tác phẩm Kinh thi, thơ Đường và tiểu thuyết thời Minh Thanh... Học phần giúp cho sinh viên nhận thức, đánh giá được cơ bản về thành tựu của văn học Trung Quốc và hiểu được những tác động, ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam và các nước đồng văn khác như Nhật Bản, Hàn Quốc;</p> <p>- Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm.</p>			
18.	Thi pháp thơ Đường	<p>- Học phần này cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về thi pháp và thi pháp thơ Đường như: con người trong thơ Đường, không gian và thời gian nghệ thuật trong thơ Đường, thể loại và kết cấu, ngôn ngữ trong thơ Đường;</p> <p>- Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành, đặc biệt là học phần Thi pháp học và Văn học Trung Quốc, và các học phần nghiệp vụ sư phạm.</p>	2	HK8	Tự luận
19.	Văn học Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	<p>- Học phần này cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về diện mạo và những đặc điểm chính của nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản và của một số nước ở Đông Nam Á. Học phần sẽ đi sâu vào phân tích một số thành tựu tiêu biểu của Văn học Ấn Độ (như sử thi <i>Ramayana</i>, sử thi <i>Mahabharata</i>, tác giả Rabindranath Tagore,...), Văn học Nhật Bản (như <i>Truyện Genji</i>, thơ Haiku, tác giả Kawabata Yasunary,...) và một số nền văn học của một số nước Đông Nam Á như Văn học Thái Lan, Văn học Campuchia,... Học phần cũng tìm hiểu thêm mối liên hệ, một số nét tương đồng, dị biệt giữa văn học Việt Nam và văn học các nước trong khu vực;</p> <p>- Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm.</p>	2	HK2	Tự luận
20.	Văn học Nga	<p>- Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và hệ thống về văn học Nga, chủ yếu trong hai thế kỉ XIX và thế kỉ XX. Học phần này sẽ tập trung giới thiệu và phân tích những đặc điểm và thành tựu của Văn học Nga trong thế kỉ XIX (với các tác giả A.X.Puskin, N.V.Gogol, V.G.Bielinsky, F.M.Dostoyevsky, L.Tolstoy, A.Shekhov,...) và Văn học Nga trong thế kỉ XX (với các tác giả như A.M.Gorki,</p>	2	HK6	Tự luận

		V.V.Maikovsky, M.A.Solokhov,...); - Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm.			
21.	Lịch sử tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc tiếng Việt; khái quát lịch sử phát triển của tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ viết) qua các giai đoạn; cung cấp kiến thức về ngữ âm học tiếng Việt như âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt, vấn đề chính âm, chính tả trong nhà trường và kỹ năng sửa lỗi phát âm trong tiếng Việt.	2	HK2	Tự luận
22.	Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về từ: khái niệm từ, các phương thức cấu tạo từ. Giúp người học thấy được các đặc trưng của từ, ranh giới từ trong tiếng Việt; nắm vững các kiểu từ có trong tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy, cũng như những đơn vị tương đương với từ; phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Việt thành các lớp theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng.	2	HK4	Tự luận
23.	Ngữ pháp tiếng Việt	Nội dung học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt: đặc điểm, phân loại từ loại; các kiểu cụm từ (theo quan hệ ngữ pháp), các thành phần câu, kiểu câu; các thành phần đoạn, kết cấu các đoạn, liên kết trong văn bản.	3	HK5	Tự luận
24.	Ngữ dụng học	Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về ngữ dụng học tiếng Việt: vấn đề chỉ xuất, lý thuyết về hành động ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lý thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn (các loại nghĩa hàm ẩn và cơ chế hình thành ý nghĩa hàm ẩn). Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và thao tác phân tích những hiện tượng ngữ dụng học tiếng Việt.	2	HK7	Tự luận
25.	Phong cách học tiếng Việt	Học phần bao gồm các lý thuyết chung về phong cách học (đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học; một số khái niệm cơ bản của ngành học; vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ, chuẩn mực phong cách...); cách phân loại và đặc trưng cơ bản của các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt; các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ trong tiếng Việt. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp phân tích văn bản thuộc một phong cách chức năng nhất định.	2	HK6	Tự luận
26.	Truyện ngắn Việt Nam - đặc điểm và thành tựu	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp cho người học hệ thống tri thức khái quát về quá trình hình thành, phát triển, những đặc điểm và thành tựu tiêu biểu của truyện ngắn Việt Nam từ khi thể loại ra đời cho đến nay. Ngoài ra,	2	HK8	Tự luận

		học phần còn giúp người học định hướng cách thức tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn theo đặc trưng thể loại trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.			
27.	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về tiến trình vận động của văn xuôi Việt Nam hiện đại qua các giai đoạn văn học. Từ đó, sinh viên tiếp cận với hệ thống các khái niệm, những đặc trưng cơ bản của thể loại tiểu thuyết. Thông qua các tác phẩm tiểu thuyết tiêu biểu từ đầu thế kỷ XX đến nay, học phần sẽ phân tích và đánh giá những thành tựu của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Qua đó, học phần giúp người học xác định được vai trò và vị trí của thể loại tiểu thuyết trong dòng chảy phát triển của văn học Việt Nam.	2	HK8	Tự luận
28.	Nghiên cứu, phê bình văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống phương pháp luận nghiên cứu văn học, các phương pháp và thao tác được sử dụng trong nghiên cứu văn học, phê bình văn học, đặc điểm của phê bình văn học và cách đánh giá, thực hành viết phê bình văn học; - Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm. 	3	HK6	Tiểu luận
29.	Tiếp nhận văn học và dạy học văn bản văn học	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống các giới thuyết, trường phái và trào lưu tiếp nhận văn học trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Qua đó, sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức vào việc thực hành tiếp nhận các tác phẩm văn học có trong chương trình giảng dạy ở phổ thông và biết đánh giá, nhìn nhận, định hướng, thể hiện cách tiếp nhận của riêng mình trước sự đa dạng của thực tiễn sáng tạo. Học phần này cũng góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong việc tìm tòi, đào sâu nghiên cứu văn học.	3	HK6	Tự luận
30.	Thi pháp học	<p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về thi pháp học – một lĩnh vực nghiên cứu có ảnh hưởng lớn đến ngành nghiên cứu văn học thế kỷ XX; - Những kiểu thi pháp cơ bản trong tác phẩm văn học như: thi pháp nhân vật, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, chi tiết nghệ thuật, ngôn ngữ, thể loại... 	2	HK2	Tự luận
31.	Văn học và sân khấu, điện ảnh	Học phần có nội dung là những kiến thức cơ bản về bản chất và nguồn gốc của nghệ thuật. Trên cơ sở đó, học phần sẽ đi sâu phân tích các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật tổng hợp; mối quan hệ giữa văn	2	HK2	Tự luận

		học và sân khấu, điện ảnh.			
32.	Văn học dân gian các dân tộc ít người	<p>- Cung cấp cho người học những kiến thức về đời sống xã hội và đời sống văn hóa của các dân tộc ít người ở Việt Nam.</p> <p>- Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thể loại của văn học dân gian các dân tộc thiểu số, từ đó đi sâu tìm hiểu các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các thể loại tiêu biểu.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu và đi sâu phân tích các tác phẩm văn học dân gian của các dân tộc. Qua đó, sinh viên có sự đối sánh với văn học dân gian người Kinh để nhận thấy sự phong phú, đa dạng và đặc sắc của nền văn học dân gian Việt Nam.</p>	2	HK3	Tự luận
33.	Ngữ văn địa phương	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về đặc điểm tiếng Việt theo đặc trưng phương ngữ và văn học địa phương Phú Yên. Đồng thời, bước đầu định hướng những nội dung ngữ văn địa phương cần thiết dạy học trong nhà trường phổ thông.	2	HK3	Tự luận
34.	Tiếng Việt thực hành	Học phần hệ thống những yêu cầu chung về văn bản, đoạn văn, câu, từ, chính tả tiếng Việt và luyện kỹ năng chính tả, dùng từ, đặt câu và kỹ năng viết đoạn (trong văn bản nghị luận xã hội), văn bản tiếng Việt (văn bản hành chính thông thường).	2	HK3	Tự luận
35.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
36.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học dạy học trung học phổ thông; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học nhân cách người giáo viên trung học phổ thông.	2	HK3	Tự luận
37.	Giáo dục học đại cương	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển xã hội, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và	2	HK3	Tự luận

		giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.			
38.	Giáo dục học phổ thông	Học phần gồm hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như : Khái niệm, bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục...; người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK4	Tự luận
39.	Giao tiếp sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (khái niệm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm và năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên), Thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.	2	HK4	Tự luận
40.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản.	1	HK3	Thực hành
41.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Giúp người học hiểu vai trò của người giáo viên dạy học Ngữ văn trong nhà trường THPT; rèn luyện kỹ năng cơ bản về dạy học Ngữ văn, kỹ năng phân tích chương trình và sách giáo khoa, dự giờ ở trường THPT; nắm vững hồ sơ chuyên môn liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp và dạy học môn Ngữ văn ở cấp THPT.	1	HK4	Thực hành
42.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Học phần rèn luyện các kỹ năng sư phạm liên quan đến hoạt động dạy học phân môn Văn học trong chương trình Ngữ văn THPT: soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học đối với từng kiểu bài (Độc văn, văn học sử); thực hành và rèn luyện các phương pháp dạy học Văn theo định hướng đổi mới. Ngoài ra, học phần tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm, kỹ năng đánh giá và đo lường kết quả dạy học đã được rèn luyện ở các học phần <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, 2</i> .	1	HK5	Thực hành
43.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần rèn luyện các kỹ năng sư phạm liên quan đến hoạt động dạy học phân môn Tiếng Việt, Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT: soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học; thực hành	1	HK6	Thực hành

		và rèn luyện các phương pháp dạy học Tiếng Việt, Làm văn theo định hướng đổi mới. Bên cạnh đó, học phân tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm, kỹ năng đánh giá và đo lường kết quả dạy học đã được rèn luyện ở các học phần <i>Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1, 2</i> .			
44.	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 1	Học phân trang bị kiến thức cơ bản về cách thức xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực sáng tạo, chủ động của học sinh trên cơ sở chương trình giáo dục bộ môn Ngữ văn ở cấp học phổ thông hiện hành.	3	HK5	Tự luận
45.	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 2	Học phân thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, trang bị cho người học hệ thống các tri thức lí luận cơ bản về phương pháp dạy học phân Tiếng Việt và Làm văn trong chương trình Ngữ văn ở trường THPT theo định hướng đổi mới của chương trình dạy học Ngữ văn hiện hành; trang bị những kiến thức về hoạt động ngoại khóa văn học ở cấp THPT.	3	HK6	Tự luận
46.	Phát triển chương trình Ngữ Văn	- Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình môn học và phát triển chương trình môn học. Trên cơ sở đó, học phân hỗ trợ người học cách tiếp cận, thực hiện và đánh giá chương trình môn Ngữ Văn trong trường phổ thông năm 2018 để có thể phát triển chương trình môn học trong thực tế giảng dạy ở trường phổ thông cụ thể. - Học phân quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là các học phần về phương pháp dạy học môn Ngữ Văn.	2	HK7	Tự luận
47.	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học môn Ngữ văn	Học phân trang bị kiến thức cơ bản về cách thức xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực sáng tạo, chủ động của học sinh trên cơ sở chương trình giáo dục bộ môn Ngữ văn ở cấp học phổ thông hiện hành.	3	HK7	Tự luận
48.	Đánh giá trong giáo dục	Học phân này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phân này bao gồm những nội dung chính: Lập kế hoạch đánh giá và tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá; Thiết kế, cải tiến, hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá và Cải tiến chất lượng dạy và học dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá.	2	HK7	Tự luận

		Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường phổ thông.			
49.	Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường	Nội dung học phần cung cấp cho người học đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp và giá trị phong cách của từ Hán Việt; giúp người học có thể vận dụng để dạy cách dùng từ Hán Việt, cách phân tích giá trị nghệ thuật của từ Hán Việt trong tác phẩm văn học trong nhà trường.	2	HK7	Tự luận
50.	Dạy tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm thể loại và ngôn ngữ của tác phẩm thơ văn chữ Hán. Đối chiếu giữa nguyên tác và bản dịch, phân tích thể loại, kết cấu, giải nghĩa từ ngữ trong một số văn bản văn học chữ Hán Việt Nam và nước ngoài có trong chương trình Ngữ văn THCS, THPT nhằm giúp người học nâng cao kỹ năng giảng dạy các tác phẩm văn học chữ Hán trong nhà trường.	3	HK5	Tự luận
51.	Dạy học tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề dạy học văn học nước ngoài và những nguyên tắc chung về việc chọn lựa, nghiên cứu và dạy học văn học nước ngoài trong trường phổ thông; - Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp nghiên cứu và tiếp nhận văn học nước ngoài trong trường phổ thông, có kỹ năng dạy học tác phẩm văn học nước ngoài trong trường phổ thông, đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và dạy học theo hướng phát triển năng lực người học; - Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là các học phần về phương pháp dạy học môn Ngữ Văn. 	2	HK6	Tự luận
52.	Dạy học tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	Học phần cung cấp cho sinh viên những phương pháp cơ bản trong việc tiếp cận, nghiên cứu và giảng dạy các thể loại văn học dân gian tiêu biểu như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, truyện cười, ca dao – dân ca,... Từ đó người học có thể vận dụng để thực hành giảng dạy các tác phẩm dân gian trong nhà trường ở các cấp THCS và THPT.	2	HK6	Tự luận

53.	Phương pháp dạy đọc văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản và hoạt động đọc văn bản, về dạy đọc văn bản trong nhà trường phổ thông và một số biện pháp hướng dẫn học sinh đọc văn bản; - Học phần giúp sinh viên hình thành được kỹ năng dạy đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông, đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và dạy học theo hướng phát triển năng lực người học; - Học phần quan hệ chặt chẽ với các học phần chuyên ngành và các học phần nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là các học phần về phương pháp dạy học môn Ngữ Văn. 	3	HK7	Tự luận
54.	Dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường theo đặc trưng thi pháp thể loại	Học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại. Cụ thể gồm: dạy học văn bản truyện, dạy học văn bản thơ, dạy học văn bản kịch và dạy học văn bản ký. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng, phương pháp dạy học tác phẩm văn học trong nhà trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	3	HK7	Tự luận
55.	Tiến trình văn học Việt Nam	<p>Học phần Tiến trình văn học Việt Nam cung cấp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức hệ thống và căn bản về diễn trình phát triển của văn học Việt Nam; - Đánh giá các trào lưu văn học, các khuynh hướng vận động của văn học, những tác động và ảnh hưởng từ bên ngoài đến sự phát triển của văn học. - Giải thích các khái niệm và biểu hiện cụ thể về sự phát triển, thay đổi của văn học dân tộc qua tác phẩm. 	3	HK8	Tự luận
56.	Tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	Học phần cung cấp cho người học những đặc điểm bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ và câu tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp để giúp người học vận dụng có hiệu quả và hoạt động giao tiếp và giảng dạy.	2	HK8	Tự luận
57.	Ngôn ngữ văn chương	Học phần trình bày những vấn đề về đặc trưng ngôn ngữ văn chương (ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi) trên cơ sở những thành tựu văn học của Việt Nam và nước ngoài.	2	HK8	Tự luận
58.	Thơ Nôm trung đại	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thơ Nôm trung đại bao gồm: khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển; Tìm hiểu các tác giả, tác phẩm tiêu	2	HK8	Tự luận

		biểu. Từ đó, học phần giúp người học có đủ điều kiện tiếp cận, nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm thơ Nôm trung đại.			
--	--	--	--	--	--

8. Ngành Sư phạm tiếng Anh (7140231)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	Nội dung học phần bao gồm: Lý luận chung về hoạt động trải nghiệm: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trung học phổ thông liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học phổ thông	2	HK3	Tự luận
2.	Tiếng Việt thực hành	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận ...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	2	HK6	Tự luận
3.	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh	Học phần cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về cách làm đồ dùng dạy học và đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ dùng dạy học, làm một số mẫu đồ chơi, mô hình, bưu thiếp, tặng vật thủ công... phục vụ cho việc dạy học và đánh giá bộ môn Tiếng Anh ở bậc THCS và tiểu học.	2	HK6	Thực hành
4.	Tiếng Pháp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao	3	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận

		tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v. Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.			
5.	Tiếng Pháp 2	Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải trí, sở thích, những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,...). Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.	3	HK2	Trắc nghiệm + Tự luận
6.	Tiếng Pháp 3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tiên trung cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.	2	HK3	Trắc nghiệm + Tự luận
7.	Luyện âm	Học phần cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc – ed endings, và –s /-es endings; trọng âm từ (word stress), trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có	2	HK1	Vấn đáp + Trắc nghiệm + Tự luận

		chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.			
8.	Ngữ pháp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức nền về Ngữ pháp và Từ vựng tiếng Anh ở trình độ tiên trung cấp, góp phần rèn luyện kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng theo các chủ điểm: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe,...; giúp sinh viên có thể sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tiếp tục học học phần Ngữ pháp 2.	2	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận
9.	Ngữ pháp 2	Học phần tiếp tục tích hợp kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp nâng cao với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh Use of English.	2	HK2	Trắc nghiệm + Tự luận
10.	Ngữ âm-Âm vị học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh; Mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm (stress), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation) và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.	2	HK4	Trắc nghiệm + Tự luận
11.	Ngữ nghĩa học	Học phần làm rõ nét và phân biệt hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, hai phân ngành có sự liên hệ mật thiết với nhau thuộc ngôn ngữ học	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận

		tiếng Anh.			
12.	Ngôn ngữ và văn hóa	<p>- Vai trò của học phần: cung cấp các kiến thức và hiểu biết về mối liên hệ tích hợp giữa ngôn ngữ và văn hóa trong các hoạt động dạy và học tiếng Anh, giúp sinh viên nhận thức, so sánh và đối chiếu kiến thức về sự tồn tại của văn hóa trong ngôn ngữ, trên cơ sở đó, phát triển kỹ năng khai thác và tích hợp các chủ điểm văn hóa vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ.</p> <p>- Vị trí học phần: là một học phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh, góp phần nâng cao nhận thức và hiểu biết mối liên hệ ràng buộc và không thể tách rời giữa ngôn ngữ và văn hóa.</p>	2	HK4	Trắc nghiệm + Tự luận
13.	Cú pháp học	Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.	2	HK5	Trắc nghiệm + Tự luận
14.	Từ vựng học	Học phần từ vựng học cung cấp kiến thức căn bản về từ vựng học tiếng Anh gồm: đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của môn học; Cấu trúc từ vựng và cách thành lập; Các loại nghĩa của từ; Nghĩa cú; Lịch sử hình thành và phát triển của từ vựng và tính đa dạng của chúng.	2	HK5	Trắc nghiệm + Tự luận
15.	Đất nước học Anh	Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.	2	HK6	Trắc nghiệm + Tự luận
16.	Đất nước học Mỹ	Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v	2	HK6	Trắc nghiệm + Tự luận
17.	Văn học Anh	Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận

		điểm văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.			
18.	Văn học Mỹ	Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận
19.	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v. Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận
20.	Giao thoa văn hóa	Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận
21.	Nghe 1	Học phần cung cấp những kỹ thuật nghe cơ bản để nhận diện và giải mã âm thông qua các hoạt động nghe trên lớp; cách nhận biết và vận dụng lượng từ vựng Tiếng Anh thông dụng hàng ngày và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; thông tin về những phong tục, tập quán và văn hóa của người Anh ở các vùng miền; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ở cấp độ cơ bản.	3	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận
22.	Nói 1	Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua	3	HK2	Vấn đáp

		hình thức diễn đạt nói ở mức độ phát triển kỹ năng nói bậc hai (2/6) như miêu tả tranh, thảo luận nhóm – cặp, chứng minh, diễn thuyết, phân tích. Sinh viên có thể tạo ra được những bài phát biểu mới với lượng từ vựng nhất định; có thể trao đổi và đưa ý kiến của mình về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.			
23.	Đọc 1	Học phần nhằm xây dựng, phát triển vốn từ theo chủ điểm, theo sự đa nghĩa của từ, theo các thành ngữ, thuật ngữ; giúp sinh viên nhận biết, hình thành và vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật đọc như: đoán nội dung bài khóa, đoán được từ mới dựa vào ngữ cảnh hoặc kiến thức nền, tìm được đại ý của bài khóa, nhận diện bố cục bài, nhận diện các luận chứng, chứng cứ trong bài; phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ cơ bản.	3	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận
24.	Viết 1	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng viết ở các thể loại mang tính thực tiễn như Email to friends, Invitations and RSVPs, Thank- you Letters, Postcards...; hướng dẫn người học cách thức trao đổi thông tin phục vụ cho cuộc sống thường nhật: Making Polite Enquiries, Giving Instructions, Writing to Confirm Arrangements,... hay cách sử dụng linh hoạt văn phong trang trọng đáp ứng yêu cầu các công việc mang tính hành chính như Writing an Article or Essay, Writing Formal Notes and Notices, Applying for a Job: Your CV.	3	HK2	Tự luận
25.	Nghe 2	Học phần cung cấp kỹ thuật để nhận diện và giải mã âm; phát triển các kỹ năng nghe cơ bản: nghe sơ bộ, nghe để xử lý thông tin chi tiết; giúp sinh viên nhận biết và vận dụng ngôn ngữ (formal và informal) trong các chủ đề công việc và giải trí; cho SV tiếp cận đa dạng các giọng nói, các hoạt động nghe trên lớp; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp; trình độ tương đương cấp độ trung cấp B1.	3	HK3	Trắc nghiệm + Tự luận
26.	Nói 2	Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói; giúp sinh viên nắm bắt cách diễn đạt các chức năng ngôn ngữ cụ thể như cách trao đổi thông tin, đàm phán, ngắt lời một người khác đang nói, cách thuyết phục, thể hiện sự quan tâm; cách thể hiện sự tức giận, thể hiện sự hoài nghi, sự háo hức, sự tự tin và do dự ... Từ đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự nhiên, chuẩn xác và lưu loát. Đồng thời giúp sinh viên quan sát tranh, ảnh và tưởng tượng về các tình huống xảy ra trong cuộc sống xung quanh.	3	HK3	Vấn đáp

		Nêu những suy nghĩ và suy đoán của mình và cùng nhau thảo luận về các tình huống đó.			
27.	Đọc 2	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên cách thức và phương pháp đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc; giúp sinh viên hiểu các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó; vận dụng được một lượng lớn từ vựng để phục vụ quá trình đọc, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ.	3	HK4	Trắc nghiệm + Tự luận
28.	Viết 2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kỹ năng viết ở các chủ đề mang tính thực tiễn trong cuộc sống, rèn luyện cho người học các loại văn phong ở các thể loại khác nhau gồm: cách giao tiếp qua các dạng thư tín (formal, semi-formal and informal), cách sử dụng linh hoạt các loại văn phong khác nhau đáp ứng yêu cầu từng công việc cụ thể (writing a reference, writing an opinion piece, writing a report, writing a review, writing a story, writing a letter of complaint, writing a speech...), cách lựa chọn ngôn ngữ viết phù hợp với các đối tượng khác nhau.	3	HK4	Tự luận
29.	Tiếng Anh Tổng hợp 1	Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2.1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở đầu trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	3	HK4	Trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp
30.	Tiếng Anh Tổng hợp 2	Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2.2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	3	HK5	Trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp
31.	Tiếng Anh Tổng hợp 3	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe - Nói - Đọc - Viết ở trình độ C1. Học phần trang bị các dạng bài đọc hiểu và kỹ năng đọc từng thể loại khác nhau; luyện cách viết các dạng bài luận, bài báo, báo cáo, bài tóm tắt hay viết thư và thư điện tử với phong cách và lối viết trang trọng, thông thường hay thân mật; luyện kỹ năng nghe với các thể loại khác nhau	3	HK6	Trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp

		và nhận ra thái độ, ý kiến và cảm xúc của người nói, làm quen với các giọng và tốc độ của các bài nghe, suy đoán nội dung của bài nghe, nắm bắt ý chính và một số thông tin cụ thể; hệ thống lại các chủ điểm ngữ pháp và các cấu trúc câu, luyện kỹ năng nói qua các hoạt động trình bày những chủ đề phức tạp một cách chính xác và khoa học.			
32.	Tiếng Anh Tổng hợp 4	Học phần tiếp tục cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển đồng đều bốn kỹ năng ngôn ngữ: Nghe – Nói – Đọc – Viết đạt trình độ C1 Học phần tiếp tục trang bị các thể loại bài đọc hiểu dài, khó hơn; Viết các chủ đề phức tạp với nhiều dạng tổ chức văn bản, sử dụng đa dạng loại hình ngôn ngữ; Nghe và diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả về các lĩnh vực xã hội, học thuật và chuyên môn. SV có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày logic. Có thể diễn đạt trôi chảy và chính xác, phân biệt, nhận định nghĩa hàm ý trong các tình huống phức tạp.	3	HK6	Trắc nghiệm + Tự luận
33.	Tiếng Anh Tổng hợp 5	Học phần Tiếng Anh Tổng hợp C1.3 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh ở cuối trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cuối học phần này, sinh viên có thể: - Hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. - Diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ. - Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. - Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nói câu và các công cụ liên kết. - Tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh Bậc 5.	3	HK7	Trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp
34.	Tiếng Anh Tổng hợp 6	Học phần Ôn tập IELTS luyện tập cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết chuẩn bị cho kỳ thi lấy chứng chỉ IELTS; Cuối học phần này, sinh viên có đủ năng lực tham gia thi lấy chứng chỉ IELTS hoặc các kỳ thi lấy chứng chỉ trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 5.	3	HK8	Trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp
35.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ	2	HK2	Tự luận

		sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.			
36.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Tâm lý học lứa tuổi học sinh; Tâm lý học dạy học; Tâm lý học giáo dục học sinh; Tâm lý học nhân cách người giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.	2	HK3	Tự luận
37.	Giáo dục học đại cương	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như : Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK3	Tự luận
38.	Giáo dục phổ thông	Học phần gồm hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như : Khái niệm, bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục...; người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK4	Tự luận
39.	Giao tiếp sư phạm	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường	2	HK4	Tự luận

		<p>sư phạm; hiểu được 2 và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.</p>			
40.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	<p>Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản.</p>	1	HK3	Thực hành
41.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	<p>Học phần trang bị kiến thức sự phân bổ chương trình, kế hoạch dạy học môn Tiếng Anh ở các cấp học tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; tìm hiểu nội dung, hình thức sách giáo khoa và các tài liệu học tập môn Tiếng Anh dành cho các khối lớp. Học phần trang bị kỹ thuật vận hành một số hoạt động Warm-up cho các bài học về hệ thống ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ.</p>	1	HK4	Thực hành
42.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	<p>Học phần nêu sự cần thiết của việc sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ học Tiếng Anh ở các cấp học tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; nêu rõ các kỹ thuật sử dụng Tiếng Anh trên lớp để học sinh dễ hiểu; trang bị các kỹ thuật duy trì và thúc đẩy động cơ học tập thông qua các hoạt động tương tác giữa thầy và trò; học phần cho sinh viên cơ hội giảng tập minh họa các bài học về hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm. Học phần rèn luyện các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả</p>	1	HK5	Thực hành
43.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	<p>Học phần minh họa các kỹ thuật, thao tác vận dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trên lớp; minh họa các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả; cho sinh viên cơ hội thiết kế giáo án và giảng tập các thể loại bài dạy kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh; củng cố các kỹ thuật feedback, qui trình feedback hiệu quả. Học phần tiếp tục rèn luyện các kỹ thuật quản lý lớp học ở các cấp học tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông hiệu quả.</p>	1	HK6	Thực hành
44.	Phát triển chương trình môn học Tiếng Anh ở trường phổ thông	<p>- Vai trò của học phần: cung cấp các kiến thức về lý luận và phát triển chương trình và tài liệu dạy học tiếng Anh ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, vận dụng, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học bộ môn Tiếng Anh ở các trường phổ thông. - Vị trí học phần: là một học phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh, góp phần rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình dạy học và tài liệu giảng dạy, nhằm trang bị tốt nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên khi ra trường.</p>	2	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận

45.	Đánh giá trong giáo dục	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phần này bao gồm những nội dung chính: Lập kế hoạch đánh giá và tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá; Thiết kế, cải tiến, hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá và Cải tiến chất lượng dạy và học dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá.</p> <p>Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường phổ thông.</p>	3	HK7	Tự luận
46.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh Tiểu học	<p>Học phần cung cấp một số lý luận dạy học Tiếng Anh về các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết cho học sinh tiểu học; trang bị một số phương pháp dạy học và kỹ thuật phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng nghe và nói thông qua các thể loại bài học như: bài hội thoại, bài đọc hiểu, kể chuyện; giới thiệu qui trình các bước cơ bản để soạn và trình bày một giáo án cho các thể loại bài học phát triển các kỹ năng ngôn ngữ; kiến thức và kỹ thuật quản lý một tiết dạy-học thành công; trang bị các kỹ thuật sử dụng hiệu quả Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ dạy học Tiếng Anh.</p>	3	HK5	Tự luận
47.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh THCS	<p>Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm; giới thiệu các mẫu giáo án cho các thể loại bài dạy từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm.</p>	3	HK6	Trắc nghiệm + Tự luận
48.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh THPT	<p>- Vai trò của học phần: cung cấp các kiến thức, kỹ thuật, phương pháp và kỹ năng cần thiết để phục vụ cho các hoạt động giảng dạy tiếng Anh và quản lý lớp học ở bậc THPT.</p> <p>- Vị trí học phần: là một học phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh, góp phần rèn luyện kỹ năng dạy học tiếng Anh và quản lý lớp học, nhằm trang bị tốt nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên khi ra trường.</p>	3	HK7	Trắc nghiệm + Tự luận

49.	Dạy học Kỹ năng ngôn ngữ & Quản lý lớp học	Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học các kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy chuyên sâu các kỹ năng và tích hợp các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; giới thiệu các mẫu giáo án thể loại bài dạy kỹ năng ngôn ngữ; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.	3	HK5	Trắc nghiệm + Tự luận
50.	Tham quan thực tế	<p>a. Tại Việt Nam</p> <p>Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: Gặp gỡ và giao lưu với giảng viên và sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học lớn, các cơ sở, trung tâm giảng dạy Tiếng Anh uy tín khác nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử, những danh lam, thắng cảnh, văn hóa vùng miền để mở rộng thêm kiến thức về lịch sử, đời sống văn hóa các địa phương. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho việc giảng dạy Tiếng Anh khi ra trường.</p> <p>b. Tại một trường đại học ở nước ngoài</p> <p>Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài (có ký kết hợp tác đào tạo với Trường Đại học Phú Yên) với các nội dung: học tập và trao đổi các chuyên đề về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và sinh hoạt giao lưu văn hóa với sinh viên các nước nhằm trao đổi văn hóa, kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.</p> <p>Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc khi ra trường.</p> <p>Kinh phí: Theo quy định của Trường Đại học Phú Yên</p>	1	HK6	Bài thu hoạch
51.	Ngữ dụng học	Học phần Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa trong giao tiếp tiếng Anh, nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn, tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt.	3	HK8	Trắc nghiệm + Tự luận

52.	Kỹ năng Biên phiên dịch	Học phần trang bị cơ sở lý thuyết và một số kỹ thuật về biên phiên dịch, một kỹ năng quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ, góp phần rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng. Ngoài ra, học phần giúp người học làm quen với phương pháp phê bình và đánh giá bản dịch nhằm giúp nâng cao chất lượng bản dịch và trau dồi kỹ năng dịch của người học, nhằm giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng làm tiền đề hoặc hỗ trợ cho nghề nghiệp sau khi ra trường.	3	HK8	Trắc nghiệm + Tự luận
53.	Kiểm tra & đánh giá trong dạy học Tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của học phần: Học phần giúp sinh viên nắm vững những cơ sở lý thuyết cũng như thực tiễn về kiểm tra và đánh giá trong dạy học ngoại ngữ, trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc thiết kế các bài kiểm tra để sử dụng vào dạy học ở phổ thông. - Vị trí học phần: là một học phần hết sức cần thiết trong quá trình đào tạo sinh viên sư phạm tiếng Anh, góp phần rèn luyện kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên; đặc biệt là công tác ra đề thi và chấm thi. 	2	HK8	Trắc nghiệm + Tự luận
54.	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy Tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác ứng dụng điện toán đám mây: khai thác các ứng dụng lưu trữ dữ liệu trên đám mây, sử dụng dịch vụ Google Apps, xây dựng và xuất bản website với Google Sites. - Một số phần mềm hỗ trợ xây dựng bài giảng: biết cách sử dụng kết hợp các phần mềm (MS PowerPoint, Adobe Presenter, Violet, V-iSpring Suite) để thiết kế bài giảng với đầy đủ các nội dung đa phương tiện; sử dụng thành thạo các công cụ chụp màn hình, quay phim thao tác trên màn hình (TinyTake, Screencast - O - Matic), công cụ cắt/ghép audio/video, chuyển đổi định dạng audio/video (FormatFactory, Free Video Cutter Joiner), công cụ tạo, chỉnh sửa video (Proshow Producer) để tạo tư liệu dạy học. - Xử lý đề thi: biết cách chuyển text sang audio, cắt/ghép audio để làm đề thi nghe; sử dụng phần mềm để tạo bộ đề thi trắc nghiệm (Young mix); thành thạo trong việc sửa bài luận môn Tiếng Anh (track changes và comments trong Word). - Quản trị lớp học với dịch vụ trực tuyến: biết cách quản trị lớp học, phân phối tài liệu học tập, quản trị thảo luận online, tổ chức làm bài tập nhóm; dạy học trực tuyến với Zoom, Google Class Room; sử dụng một số công cụ hỗ trợ dạy và học tiếng Anh hiệu quả. 	2	HK8	Trắc nghiệm + Tự luận
55.	Thiết kế giáo án và phát triển	Học phần giới thiệu một số mẫu giáo án của các thể loại	2	HK8	Tự luận

	tài liệu giảng dạy	bài dạy về hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và kĩ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết; hướng dẫn sinh viên thiết kế được các loại giáo án thuộc bài học trên. Học phần giới thiệu một số sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng giảng dạy ở cấp học THPT, THCS và tiểu học trong và ngoài nước; qua đó trang bị cho sinh viên một số phương pháp cũng như các tiêu chí hướng dẫn để phân tích và đánh giá từng loại sách giáo khoa và giáo trình theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học; cung cấp một vài mô hình cơ bản để thiết kế và phát triển giáo trình sao cho hiệu quả, phù hợp với đối tượng người học và tình hình địa phương.			
56.	Kỹ năng thuyết trình	Học phần hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật cơ bản để chuẩn bị một bài thuyết trình trong các buổi họp, báo cáo và hội thảo. Nội dung bao gồm: - Chuẩn bị các slide, handout và các công cụ hỗ trợ khi thuyết trình; Trình bày một bài thuyết trình: cách trình bày các phần khác nhau của một bài thuyết trình, các thuật ngữ và cấu trúc câu thường dùng, sử dụng ngôn ngữ hình thể trong thuyết trình, điều chỉnh ngữ điệu, cách vượt qua căng thẳng thường gặp khi thuyết trình, cách đưa ra các chỉ dẫn cho phần đặt câu hỏi của khán giả, phương pháp thu thập và phản hồi các ý kiến/câu hỏi của khán giả.	2	HK8	Vấn đáp

9. Ngành Sư phạm Tin học (7140210)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường trung học phổ thông; Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học phổ thông	2	HK3	Tự luận
2.	Đại số tuyến tính	Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản	3	HK2	Tự luận

		nhất về: Định thức, cách tính định thức, ứng dụng định thức giải hệ phương trình Cramer; Không gian vectơ, không gian con, số chiều, cơ sở của không gian véc tơ, biểu diễn vectơ qua cơ sở; Ánh xạ tuyến tính, ma trận của ánh xạ tuyến tính; Hệ phương trình tuyến tính, phương pháp giải; Ma trận của ánh xạ tuyến tính và các phép toán ma trận, hạng của ma trận; Dạng tuyến tính và dạng toàn phương, phân loại đường và mặt bậc 2.			
3.	Giải tích	Cung cấp những kiến thức cơ bản giới hạn của dãy số và của hàm một biến; hàm liên tục một biến và các tính chất của chúng; phép tính vi phân của hàm một biến; phép tính tích phân của hàm một biến và các ứng dụng; chuỗi số và các dấu hiệu hội tụ của chuỗi số; dãy và chuỗi hàm, dấu hiệu hội tụ đều của dãy và chuỗi hàm; các tính chất của tổng chuỗi hàm.	3	HK1	Tự luận
4.	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số	Học phần giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng trong môi trường số; giới thiệu Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội; giới thiệu được sơ lược về một số tác hại và nguy cơ bị hại khi tham gia Internet; Các biện pháp phòng ngừa. Trình bày tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể. Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân trong môi trường số. Chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. Nhận diện được một số thông điệp (email, yêu cầu kết bạn, lời mời tham gia câu lạc bộ,...) lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.	2	HK6	Tự luận
5.	Giáo dục STEM	Học phần bao gồm các kiến thức về: Quan điểm giáo dục STEM, phương pháp, hình thức dạy học STEM, qui trình triển khai tổ chức các chủ đề dạy học STEM ở trường phổ thông. Thực hiện kết nối hoạt động giáo dục STEM với các hoạt động dạy học, giáo dục ở trường phổ thông.	2	HK6	Làm báo cáo
6.	Xác suất thống kê	Học phần gồm 7 chương. Chương 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết xác suất, giải tích tổ hợp. Chương 2 trình bày đại lượng ngẫu nhiên rời rạc, biến ngẫu nhiên liên tục. Chương 3 cung cấp cho sinh viên một số hàm phân phối xác suất thường gặp như phân phối Becnuli, phân phối nhị thức, phân phối siêu bội. Chương 4 gồm có các khái niệm về tổng thể, mẫu lý thuyết và mẫu thực nghiệm giúp sinh viên có kỹ năng sắp xếp các số liệu, vẽ biểu đồ biểu diễn các số liệu thống kê toán. Chương 5 giúp sinh viên biết ước lượng điểm cho trung bình, tỷ lệ, phương sai của tổng thể. Chương 6 trang bị cho sinh viên các kiến thức về kiểm định giả	3	HK1	Tự luận

		thiết thống kê, các bước kiểm định giả thiết đối với tỷ lệ. Chương 7 giúp sinh viên nắm được mối quan hệ giữa hai đại lượng ngẫu nhiên, khái niệm hệ số tương quan và xác định hồi quy.			
7.	Tin học đại cương	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học, bao gồm: Đại cương về tin học, thông tin và xử lý thông tin, biểu diễn thông tin trong máy tính; Các kiến thức cơ bản về Internet, thư điện tử, tìm kiếm thông tin trên Internet; Cách giải quyết bài toán bằng máy tính, kiến thức về thuật toán, sơ đồ khối; Kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình.	2	HK1	Thực hành
8.	Kỹ thuật lập trình	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, hệ thống số, hệ đếm với các phép toán số học – logic. Kỹ thuật lập trình cơ bản thông qua ngôn ngữ lập trình Python bao gồm: Các thành phần chung trong các ngôn ngữ lập trình; Kiểu dữ liệu và các biến đổi cơ bản; Hệ lệnh vào ra và lệnh điều khiển; Hàm, tham số của hàm và giá trị trả về; Tạo và xử lý một số kiểu dữ liệu như String, List.... Sau khi học xong, học phần này sinh viên có thể lập trình giải các bài toán bằng ngôn ngữ Python và có khả năng tự học các ngôn ngữ lập trình cấu trúc khác.	3	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận
9.	Toán rời rạc	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết tổ hợp, bài toán đếm, bài toán tồn tại, bài toán liệt kê và bài toán tối ưu tổ hợp. Lý thuyết đồ thị gồm các khái niệm cơ bản về của lý thuyết đồ thị, biểu diễn đồ thị trên máy tính, tìm kiếm trên đồ thị, đồ thị Euler và đồ thị Hamilton, cây và cây khung, các bài toán tối ưu trên đồ thị.	3	HK2	Tự luận/Tiểu luận
10.	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Học phần này được thiết kế sau khi sinh viên đã học Kỹ thuật lập trình. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kiểu dữ liệu phức tạp như kiểu struct; cách cấp phát và thu hồi bộ nhớ; xử lý danh sách liên kết; xử lý tập tin văn bản, tập tin nhị phân. Hệ thống các thao tác tổ chức lưu trữ, xử lý dữ liệu và quản lý bộ nhớ trong một chương trình.	3	HK2	Tự luận/Tiểu luận
11.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thuật toán, cấu trúc dữ liệu, mối liên hệ giữa thuật toán với cấu trúc dữ liệu, các kỹ thuật lập trình với các cấu trúc dữ liệu. Bên cạnh đó, một số thuật toán cơ bản cũng như áp dụng chúng trong các bài toán cũng được đề cập chi tiết để phát triển tư duy lập trình.	3	HK3	Tự luận
12.	Cơ sở dữ liệu	Học phần cung cấp các kiến thức chung về cơ sở dữ liệu, các mô hình dữ liệu; ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu (đại	3	HK2	Tự luận

		số quan hệ, SQL); lý thuyết về thiết kế cơ sở dữ liệu thông qua lý thuyết phụ thuộc hàm và các quy tắc chuẩn hóa, phân tách; hỗ trợ đi sâu về lập trình trên cơ sở dữ liệu.			
13.	Mạng máy tính	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về mạng máy tính: các yếu tố của mạng máy tính, phân loại mạng, hệ điều hành mạng và kết nối liên mạng; chức năng, cơ chế hoạt động và giao thức ở các tầng của mô hình OSI. Đồng thời, trang bị kiến thức về mạng cục bộ - LAN: đồ hình mạng và đường truyền vật lý, các phương pháp truy nhập đường truyền vật lý, hoạt động của các thiết bị mạng, các chuẩn LAN.</p> <p>Học phần còn giới thiệu về TCP/IP và Internet: nguyên tắc hoạt động của giao thức TCP, UDP của mạng Internet; bộ giao thức IP, thiết lập sơ đồ đánh địa chỉ IP cho mạng; chia mạng con (subnet); Một số dịch vụ mạng: Email, HTTP, DNS, FTP.</p>	3	HK5	Trắc nghiệm
14.	Kỹ thuật điện tử	<p>Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về điện tử nhằm hỗ trợ cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin trong quá trình học tập và làm việc sau khi ra trường. Học phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các thông số đặc trưng của các loại linh kiện điện tử thụ động, linh kiện bán dẫn điển hình như: điện trở, tụ điện, cuộn dây, diode, transistor và các loại IC số. - Giới thiệu một số ứng dụng cơ bản của những linh kiện điện tử trên. - Giới thiệu phần mềm mô phỏng mạch điện Electronics Workbench. Sử dụng phần mềm để mô phỏng hoạt động, đo đạc, kiểm chứng các thông số của những linh kiện trên. 	3	HK1	Tự luận
15.	Automat và Ngôn ngữ hình thức	<p>Giới thiệu về ngôn ngữ hình thức, ô tô-mát, và các vấn đề liên quan. Trong phần mở đầu bảng chữ, câu, ngôn ngữ; các phép toán trên ngôn ngữ, biểu thức chính quy, các ngôn ngữ phi chính quy vấn đề biểu diễn ngôn ngữ sẽ được trình bày. Tiếp theo, lớp ô tô-mát hữu hạn và lớp ngôn ngữ chính qui được giới thiệu. Sau đó, là sự giới thiệu về lớp ô tô-mát đẩy xuống và lớp ngôn ngữ phi ngữ cảnh cũng như mối quan hệ giữa chúng. Các khái niệm và phương pháp phân tích cú pháp cũng được trình bày cùng với lớp ngôn ngữ phi ngữ cảnh. Máy Turing, khả năng của nó và các khái niệm liên quan được trình bày ở chương cuối.</p>	2	HK6	Tự luận

16.	Nguyên lý Hệ điều hành	Học phần này cung cấp các kiến thức về cấu trúc và các dịch vụ trên hệ điều hành, cách quản lý tiến trình và định thời CPU, các phương pháp giải quyết deadlock, cơ chế quản lý bộ nhớ của hệ điều hành, quản lý file và I/O.	2	HK4	Trắc nghiệm
17.	Bảo trì hệ thống	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc, nguyên lý hoạt động và bảo trì hệ thống máy tính, qua đó có thể làm chủ được hệ thống máy tính. Học phần gồm những nội dung cơ bản sau: - Tổng quan về hệ thống máy tính. - Nguyên lý cấu tạo và hoạt động của các thành phần phần cứng trong máy tính. - Thực hành lắp ráp, cài đặt và bảo trì hệ thống máy tính. - Thực hành bảo trì hệ thống máy tính	2	HK4	Trắc nghiệm
18.	Lập trình trực quan trong trường phổ thông	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật lập trình trực quan (lập trình kéo thả) sáng tạo, dùng phổ biến trong bậc THCS và phân nào trong bậc THPT. Ngôn ngữ thực hành có thể là Scratch, Alice, Slang, AgentCubes,...	3	HK7	Thực hành
19.	Lập trình Robotics trong trường phổ thông	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến lập trình robot giáo dục. Sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng lập trình robotics đáp ứng việc dạy học ở trường phổ thông.	3	HK7	Tự luận
20.	Thiết kế Web	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thiết kế Website. Nội dung bao gồm: Giới thiệu về thiết kế web; Phát thảo giao diện Website; Thiết kế web bằng ngôn ngữ HTML và CSS; Cơ bản về Javascript; Quản trị Website. Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được cách phát thảo, thiết kế trang web bằng ngôn ngữ HTML và CSS, lập trình tương tác người bằng ngôn ngữ lập trình Javascript và biết cách quản trị web.	3	HK4	Thực hành
21.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các tiện ích và các tính năng của Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL Server. Nội dung bao gồm: Tổng quan về các Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu; Giới thiệu về HQT CSDL SQL Server; Sử dụng các công cụ để xây dựng cơ sở dữ liệu quan hệ trên HQT CSDL SQL Server; Xây dựng và thao tác CSDL với câu lệnh có cấu trúc T-SQL; Lập trình quản trị CSDL thông qua các công cụ Rule,	4	HK4	Thực hành

		Constrain, Trigger, Store Procedure trên SQL Server; Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Học phần này đóng vai trò quan trọng giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc trong các công ty, xí nghiệp với vị trí của người quản trị hệ thống dữ liệu.			
22.	Lập trình hướng đối tượng	Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm và kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng (OOP) thông qua ngôn ngữ lập trình Java. Nội dung bao gồm: khái quát về công nghệ Java; các thành phần cơ bản trong ngôn ngữ lập trình Java; cung cấp chi tiết từ khái niệm, kỹ thuật phân tích đến cách sử dụng các phương pháp trong OOP như classes, objects, inheritance, encapsulation và polymorphism để hiện thực các bài toán thành chương trình; các kỹ thuật xử lý lỗi và ngoại lệ, quản lý tập tin; lập trình giao diện đồ họa: viết các chương trình sử dụng các thành phần GUI và Event Handling Model. Sau khi học xong môn này, sinh viên biết cách phân tích bài toán thực tế dựa trên ý tưởng triển khai thành các đối tượng và viết chương trình thể hiện được bản chất của OOP trong Java.	3	HK6	Tự luận
23.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Giới thiệu các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin, kỹ thuật phân tích thiết kế hệ thống thông tin theo hướng cấu trúc và hướng đối tượng. Cung cấp các kiến thức về chu trình phát triển phần mềm, các bước trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng ngôn ngữ mô hình hóa UML (Unified Modeling Language) thực hiện trên công cụ làm tài liệu Rational Rose.	3	HK6	Tự luận
24.	Lập trình Web	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển ứng dụng web động thông qua ngôn ngữ lập trình web. Nội dung học phần bao gồm: giới thiệu về công nghệ web động; kỹ thuật lập trình; kỹ thuật lập trình ứng dụng web bằng các ngôn ngữ lập trình web. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có đủ kỹ năng thiết kế và xây dựng một website bằng ngôn ngữ lập trình web và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, sinh viên biết cách nghiên cứu, khai thác các framework để hỗ trợ xây dựng các ứng dụng web một cách dễ dàng và nhanh chóng.	3	HK5	Thực hành
25.	Kiến trúc máy tính	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về kiến trúc máy tính, các thiết bị trong máy tính, nắm được các chỉ số đo đạc và đánh giá hiệu suất máy tính. Học phần còn giới thiệu kiến trúc tập lệnh MIPS, các phép toán số học và	3	HK3	Trắc nghiệm + Tự luận

		luyện lý (ALU). Giới thiệu các thiết bị ngoại vi và cơ chế hoạt động, kiến trúc phân tầng trong quản lý bộ nhớ.			
26.	Đồ họa ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đồ họa nền vector và bitmap thông qua chương trình đồ họa CorelDraw (Photoshop). Từ đó sinh viên ứng dụng phần mềm này để phác thảo mẫu, vẽ thiết kế, lập bộ tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế và hiệu chỉnh màu sắc các mẫu thiết kế quảng cáo, logo.	3	HK6	Thực hành
27.	Trí tuệ nhân tạo	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong đời sống. Nội dung chính bao gồm: các kỹ thuật tìm kiếm, phương pháp biểu diễn tri thức và suy diễn tự động, lập luận xấp xỉ và suy diễn xác suất, các phương pháp học máy, lập trình logic, học máy.	3	HK8	Tự luận
28.	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	Học phần này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, thuật ngữ và các cấu trúc ngữ pháp sử dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT). Nội dung bao gồm các chủ đề về phần cứng máy tính, mạng máy tính, ngôn ngữ lập trình và nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT. Hướng dẫn phương pháp đọc hiểu tài liệu, giao tiếp và viết các văn bản liên quan đến nghề IT.	3	HK5	Tự luận
29.	Lập trình IoT	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Internet of Things (IoT), kiến trúc và các thành phần của một hệ thống IoT. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan IoT; Các thành phần của hệ thống IoT; Giới thiệu về Node-RED; Lập trình Arduino với iNut; Phát triển ứng dụng IoT.	3	HK7	Tiểu luận
30.	Lập trình di động	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, quy trình và kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng di động trên nền tảng hệ điều hành Android. Nội dung bao gồm: tổng quan về nền tảng di động, giới thiệu về lập trình Android, xây dựng ứng dụng Android đầu tiên với Android Studio, thiết kế giao diện ứng dụng Android, View và xử lý sự kiện trên View, Activity và quản lý dữ liệu.	3	HK7	Tiểu luận
31.	Lập trình mạng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thư viện Socket API trên Windows, về các lớp đối tượng trong thư viện java.net để có thể xây dựng các loại ứng dụng truyền dữ liệu ở tầng Network với giao thức UDP, TCP; lập trình xây dựng ứng dụng phân tán bằng RMI. Kiến thức của môn học có thể ứng dụng trong lập trình quản lý mạng, giám sát mạng, điều khiển qua mạng.	3	HK7	Thực hành

32.	Phân tích và thiết kế thuật toán	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật phân tích, thiết kế thuật toán và đánh giá độ phức tạp thuật toán nói chung; Và một số thuật toán cụ thể, gồm các thuật toán tìm kiếm và sắp xếp dữ liệu, các chiến lược thiết kế thuật toán chia để trị, quay lui, tham lam, quy hoạch động. Môn học giúp sinh viên nắm được bản chất của bài toán, biết cách đánh giá, lựa chọn thuật toán phù hợp.	2	HK6	Tự luận
33.	Công nghệ phần mềm	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm như qui trình phát triển phần mềm, công cụ và môi trường phát triển phần mềm... Học phần này giúp sinh viên có thể xây dựng phần mềm một cách có hệ thống và có phương pháp.	2	HK6	Thực hành
34.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
35.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Tâm lý học lứa tuổi học sinh phổ thông; Tâm lý học dạy học học sinh phổ thông; Tâm lý học giáo dục học sinh phổ thông; Tâm lý học nhân cách người giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông.	2	HK3	Tự luận
36.	Giáo dục học đại cương	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển xã hội, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK3	Tự luận
37.	Giáo dục học phổ thông	Học phần gồm hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như : Khái niệm, bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục...; người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong trường PT, rèn luyện kỹ	2	HK4	Tự luận

		năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.			
38.	Giao tiếp sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (khái niệm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm và năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên), Thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.	2	HK4	Tự luận
39.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản. Học phần giúp sinh viên có được hệ thống kỹ năng cơ bản để tổ chức hiệu quả các hoạt động giảng dạy và giáo dục; phát triển năng lực nhận thức, hành động trong cuộc sống; yêu nghề, say mê lao động, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc	1	HK3	Thực hành
40.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Rèn luyện kỹ năng dạy học bộ môn, trang bị một số kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đặc biệt là kỹ năng soạn bài giảng trên máy tính. Sinh viên cũng được giới thiệu và hướng dẫn sử dụng một số phần mềm phục vụ cho việc giảng dạy, kiểm tra trực tuyến.	1	HK4	Thực hành
41.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	Rèn luyện kỹ năng tóm tắt các kiến thức cơ bản về các các vấn đề bộ môn một cách hệ thống theo từng cấp học để vận dụng vào việc giải các loại bài tập môn tin học ở chương trình phổ thông.	1	HK5	Thực hành
42.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	Rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế các phần mềm hỗ trợ cho việc dạy học tin học, thiết kế các bài giảng video clip, kỹ năng tìm hiểu các văn bản luật an toàn, an ninh mạng, kỹ năng hướng dẫn, hướng nghiệp học sinh tuân thủ các chuẩn mực đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.	1	HK6	Thực hành
43.	Đánh giá trong giáo dục	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phần này bao gồm những nội dung chính: Lập kế hoạch đánh giá và tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá; Thiết kế, cải tiến, hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá và Cải tiến chất lượng dạy và học dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá. Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với	3	HK7	Tự luận

		các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường phổ thông.			
44.	Phát triển chương trình Tin học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng, phát triển chương trình môn tin học và tổ chức quá trình đào tạo, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế.	2	HK7	Tự luận
45.	Lý luận dạy học tin học	Trên cơ sở các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành của ngành Tin học, kiến thức cơ sở nắm vững các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, học phần này tập trung trình bày lý luận việc dạy học nói chung, lý luận dạy học Tin học nói riêng, mục tiêu và đối tượng giảng dạy ở trường phổ thông giúp sinh viên nắm vững kiến thức, kỹ năng để chuẩn bị tốt trong quá trình thực tập sư phạm tại trường phổ thông và công việc giảng dạy sau khi tốt nghiệp.	2	HK4	Tự luận
46.	Phương pháp dạy học chuyên ngành 1	Trên cơ sở các kiến thức đại cương về phương pháp dạy học mà sinh viên đã được học ở học phần Lý luận dạy học tin học, học phần này tập trung trình bày phương pháp dạy học các nội dung Tin học cụ thể bao gồm: Dạy học những khái niệm mở đầu của Tin học, dạy học lựa chọn sử dụng phần mềm, dạy học kỹ thuật lập trình.	3	HK5	Báo cáo
47.	Phương pháp dạy học chuyên ngành 2	Trên cơ sở các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành của ngành Tin học, kiến thức đại cương về Lý luận dạy học và phương pháp giảng dạy Tin học chuyên ngành 1, trên cơ sở nắm vững các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, học phần này tập trung trình bày phương pháp dạy học trải nghiệm và dạy theo chuyên đề, dạy học về phân tích và tư duy thuật toán, dạy học kỹ thuật lập trình để giải quyết các bài toán.	3	HK7	Tự luận
48.	Chuyên đề chuyên ngành	Căn cứ thực tiễn phát triển và cập nhật bộ môn tin học trong trường phổ thông sẽ định hướng cho sinh viên chuyên đề về dạy học định hướng Khoa học máy tính/ dạy học định hướng tin học ứng dụng trong trường phổ thông...	2	HK8	Tự luận
49.	Ứng dụng ICT trong dạy học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông để xây dựng bài giảng đa phương tiện phù hợp với môn Tin học ở trường phổ thông. Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về điện toán đám mây và các công cụ hỗ trợ xây dựng bài giảng đa phương tiện; Xây dựng bài giảng điện tử phù hợp với môn Tin học ở trường phổ thông; xây dựng hệ thống quản lý	3	HK8	Seminar

		khóa học E-learning.			
50.	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về phần mềm mã nguồn mở; phương pháp luận lập trình và các kỹ thuật xây dựng phần mềm mã nguồn mở. Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm, lịch sử phát triển, giấy phép phần mềm tự do nguồn mở; quy trình từ phát triển đến phân phối phần mềm tự do nguồn mở; giới thiệu lập trình C trên nền tảng nguồn mở (Ubuntu); giới thiệu các công cụ phát triển phần mềm tự do nguồn mở: quốc tế hóa và bản địa hóa; hệ thống quản lý phiên bản (CVS – Control Version System).	2	HK8	Báo cáo
51.	Điện toán đám mây	Cung cấp các khái niệm cơ bản về Điện toán đám mây (ĐTĐM); các mô hình dịch vụ của ĐTĐM; các mô hình cung cấp dịch vụ đám mây; giới thiệu một số nền tảng phát triển ứng dụng tính toán đám mây. Nội dung học phần sẽ được minh họa thông qua nền tảng đám mây của IBM, bao gồm: thiết lập cấu hình và lập trình phát triển ứng dụng trên IBM Cloud; xây dựng ứng dụng Java RMI, MobiFirst.	2	HK8	Tiểu luận

10. Ngành Sư phạm Toán (7140209)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường trung học phổ thông; Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học phổ thông	2	HK3	Tự luận
2.	Toán rời rạc	Học phần Toán rời rạc cung cấp các kiến thức cơ bản về thuật toán; Các bài toán cơ bản của lý thuyết tổ hợp: bài toán đếm, bài toán tồn tại, bài toán liệt kê và bài toán tối ưu tổ hợp; Các kiến thức cơ bản về Đại số Boole.	3	HK2	Tự luận/Tiểu luận
3.	Vật lý đại cương	Học phần gồm hai nội dung lớn là cơ học và điện học. Phần cơ học gồm động học và động lực học. Trong đó có các kiến thức	3	HK2	Tự luận

		<p>ơ bản về chuyển động của chất điểm và của vật rắn, các định luật bảo toàn, các định luật Newton và nguyên lý tương đối, trường lực thế - trường hấp dẫn. Phần điện học gồm các khái niệm cơ bản về trường tĩnh điện, từ trường, và cảm ứng điện từ. Trong đó gồm có Định luật Coulomb, cường độ điện trường, định lí O-G, vật dẫn và điện môi, định lí O-G đối với từ trường, định lí về dòng điện toàn phần, tác dụng của từ trường lên dòng điện, hiện tượng cảm ứng điện từ.</p>			
4.	Logic học đại cương	<p>Học phần Logic học đại cương cung cấp kiến thức cơ bản về các quy luật và các hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận, các quy luật cơ bản của logic hình thức, chứng minh, bác bỏ, ngụy biện, góp phần hình thành phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ, khoa học, phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan.</p>	2	HK2	Tự luận
5.	Tiếng Việt thực hành	<p>Học phần hệ thống những yêu cầu chung về văn bản, đoạn văn, câu, từ, chính tả tiếng Việt và luyện kỹ năng chính tả, dùng từ, đặt câu và kỹ năng viết đoạn (trong văn bản nghị luận xã hội), văn bản tiếng Việt (văn bản hành chính thông thường).</p>	2	HK2	Tự luận
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>Học phần này được thiết kế cho sinh viên nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa; không gian và chủ thể văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.</p>	2	HK2	Tự luận
7.	Nhập môn toán cao cấp	<p>Nội dung học phần bao gồm: Sơ lược về logic toán; một số yếu tố về lý thuyết tập hợp: bao hàm, bằng nhau, các phép toán trên tập hợp; quan hệ hai ngôi, quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự; ánh xạ; Sơ lược về các cấu trúc đại số nhóm, vành, trường (nhằm phục vụ cho các học phần toán cơ sở, học phần đại số đại cương sẽ nghiên cứu kỹ hơn).</p>	3	HK1	Tự luận
8.	Hình học giải tích	<p>Nội dung học phần bao gồm: Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng: các phép đổi tọa độ trong mặt phẳng, đường bậc 2 và đường cong tham số; Phương pháp tọa độ trong không gian: mặt phẳng, đường thẳng, phép đổi tọa độ trong không gian, một số vấn đề về mặt bậc 2.</p>	2	HK1	Tự luận
9.	Đại số tuyến tính	<p>Nội dung học phần bao gồm: Ma trận, định thức, hạng ma trận, ma trận nghịch đảo. Hệ phương trình tuyến tính và cách giải. Những kiến thức cơ bản về không gian vectơ; Ánh</p>	3	HK1	Tự luận

		xạ tuyến tính và ma trận của ánh xạ tuyến tính. Công thức của phép biến đổi tuyến tính, ma trận đồng dạng. Không gian vectơ Euclide, các khái niệm về cơ sở trực chuẩn, phép đổi cơ sở trực chuẩn, ma trận trực giao. Phép chuẩn hoá Gram-smidth. Trị riêng và vectơ riêng của ma trận phép biến đổi tuyến tính. Chéo hoá ma trận của một phép biến đổi tuyến tính. Điều kiện để một ma trận có thể chéo hoá. Dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. Ma trận của dạng toàn phương. Bài toán chéo hoá ma trận của dạng toàn phương trong V^n và trong V_E^n . Áp dụng để đưa phương trình một mặt bậc 2 trong E^n về dạng chính tắc bằng những phép đổi mục tiêu trực chuẩn.			
10.	Hình học Afin và Hình học Euclide	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm của hình học affine: m - phẳng, các vấn đề liên quan đến mục tiêu và tọa độ Afin, phép biến hình afin, bất biến Afin và hình học Afin; Một số khái niệm của hình học Euclide, các phép biến hình đẳng cự. Bất biến Euclide và hình học Euclide, áp dụng tương đương affine để giải toán trong hình học Euclide; Một số vấn đề trong A^2 và E^2 liên quan đến tỉ số đơn và đường bậc 2.	3	HK5	Tự luận
11.	Đại số sơ cấp	Nội dung học phần bao gồm: Căn số và biến đổi vô tỉ; Hàm số và đồ thị; Các vấn đề về phương trình, phép biến đổi tương đương và hệ quả; Hệ phương trình và một số phương pháp giải hệ phương trình; Bất đẳng thức, các bất đẳng cơ bản và các phương pháp chứng minh bất đẳng thức; Phương trình và bất phương trình vô tỉ, mũ, logarit; Phương trình lượng giác.	3	HK6	Tự luận
12.	Đại số đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về một số cấu trúc Đại số như nhóm, vành, trường, vành đa thức một và nhiều ẩn, vành chính, vành Euclide và vành nhân tử hóa.	3	HK3	Tự luận
13.	Hình học sơ cấp	Nội dung học phần bao gồm: Một số hệ tiên đề của hình học Euclide. Các khái niệm về đa giác và diện tích, đa diện và thể tích. Phương tích và trục đẳng phương. Một số phép biến hình trong mặt phẳng, phép nghịch đảo. Bài toán dựng hình và bài toán quỹ tích. Một số bài toán về quan hệ song song, vuông góc trong không gian. Lòng ghép nội dung ứng dụng các phần mềm hỗ trợ học tập và nghiên cứu (phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể).	3	HK6	Tự luận
14.	Giải tích I	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về số thực, giới hạn của dãy số, của hàm một biến, vô cùng bé, vô	3	HK1	Tự luận

		cùng lớn, hàm liên tục một biến và các tính chất của chúng; phép tính vi phân của hàm một biến. Phép tính tích phân của hàm một biến và các ứng dụng vào hình học và vật lý; chuỗi số và các dấu hiệu hội tụ của chuỗi số; dãy và chuỗi hàm, dấu hiệu hội tụ đều của dãy và chuỗi hàm; các tính chất của tổng chuỗi hàm.			
15.	Giải tích 2	Nội dung học phần bao gồm: Hàm nhiều biến, giới hạn của hàm nhiều biến, giới hạn lặp, hàm liên tục nhiều biến; phép tính vi phân hàm nhiều biến: khái niệm khả vi của hàm nhiều biến, đạo hàm riêng, đạo hàm theo hướng, biểu diễn đạo hàm qua đạo hàm riêng, ma trận Jacobi, quy tắc lấy đạo hàm riêng của hàm hợp; các định lý hàm ngược, hàm ẩn và ứng dụng hình học của phép tính vi phân hàm nhiều biến.	3	HK2	Tự luận
16.	Giải tích 3	Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức về tích phân bội trên hình hộp và trên miền bị chặn bất kỳ; định lý Fubini, công thức đổi biến số trong tích phân bội, ứng dụng vào hình học và vật lý của tích phân bội, tích phân phụ thuộc tham số, tích phân đường, tích phân mặt và các công thức Green, Stokes, Divergence, Ostrogradski-Gauss.	3	HK3	Tự luận
17.	Không gian mêtric - Không gian tôpô	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức về không gian mêtric, không gian mêtric đầy. Nguyên lý Cantor; Định lý Baire; Nguyên lý ánh xạ Co và ứng dụng; Tập Compact và không gian Mêtric Compact; Định lý Hausdorff và định lý Heine - Banch. Ánh xạ liên tục trên tập Compact. Không gian Mêtric khả ly; Không gian tôpô; Tích và tổng trực tiếp các không gian tôpô; Không gian tôpô liên thông; Không gian tôpô T1, T2; Không gian chính quy và không gian chuẩn tắc; Định lý Tietra; Không gian tôpô Compact; Ánh xạ liên tục giữa các không gian tôpô; Định lý Arzela - Ascoli; Không gian Compact địa phương và Compact hóa Alexandrov.	2	HK4	Tự luận
18.	Xác suất và Thống kê toán học	Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố, xác suất của biến cố, các tính chất của xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc và đại lượng ngẫu nhiên liên tục; Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: Kỳ vọng, phương sai; Các loại phân phối cơ bản: Phân phối nhị thức, Poisson, mũ, chuẩn, đều,...; Vectơ ngẫu nhiên và phân phối của vectơ ngẫu nhiên; Luật số lớn và các định lý giới hạn; Lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết; Hồi quy và tương quan. Lồng ghép nội dung ứng dụng các phần mềm hỗ trợ học tập và	3	HK6	Tự luận

		nghiên cứu (phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể).			
19.	Độ đo - Tích phân	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức về đại số và σ -đại số tập hợp; Hàm tập hợp cộng tích và σ -cộng tích; Biến phân của hàm tập cộng tính; Độ đo trên đại số tập hợp; độ đo ngoài và độ đo cảm sinh bởi độ đo ngoài; Định lý Carathéodory; Độ đo trên và tiêu chuẩn đã được Lebesgue; Hàm đo được; Cấu trúc hàm đo được; Hội tụ theo độ đo và hội tụ hầu khắp nơi; Định nghĩa tích phân Lebesgue; Các tính chất của tích phân Lebesgue; Các định lý qua giới hạn dưới dấu tích phân; Bổ đề Fatou; Liên hệ giữa tích phân Riemann và tích phân Lebesgue; Tích phân không gian tích; Định lý Fubini.	2	HK5	Tự luận
20.	Phương trình vi phân	Nội dung học phần bao gồm: Cách giải các phương trình tách biến, phương trình thuần nhất, phương trình tuyến tính, phương trình Ricatti, phương trình vi phân cấp một chưa giải ra đạo hàm, phương trình vi phân tuyến tính và những dạng đặc biệt của nó, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai; Định thức Vronski, hệ nghiệm cơ bản, công thức Ostrogradski-Liouville, phương pháp biến thiên hằng số; Lý thuyết tổng quát về hệ phương trình tuyến tính.	2	HK5	Tự luận
21.	Lý luận dạy học toán	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức về bộ môn phương pháp giảng dạy Toán; Các phương pháp giảng dạy môn Toán; Dạy học những tình huống điển hình môn Toán: dạy học khái niệm toán học; dạy định lý toán học; dạy học quy tắc, phương pháp; dạy học giải bài tập toán học; Minh họa về một số phương pháp dạy học hiện đại, cách soạn giáo án. Giáo án điện tử, lợi ích và nhược điểm, cách soạn giáo án điện tử.	3	HK4	Tự luận
22.	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán ở trường THCS	Nội dung học phần bao gồm: Vận dụng lý luận dạy học Toán vào dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình Toán THCS: Số học và đại số; Hình học và đo lường; Thống kê và xác suất; Hoạt động thực hành và trải nghiệm.	3	HK5	Tự luận
23.	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán ở trường THPT	Nội dung học phần bao gồm: Vận dụng lý luận dạy học Toán vào dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình Toán THPT: Hệ thống số, chứng minh bất đẳng thức; Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình; Hàm số; Đạo hàm, tích phân; Thống kê, tổ hợp và xác suất; Hình học không gian; Vector và phương pháp tọa độ; Hoạt động thực hành và trải nghiệm.	3	HK5	Tự luận

24.	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học môn Toán	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề cơ bản về chương trình môn Toán, xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán ở trường THCS và THPT; Phân tích chương trình môn Toán cấp THCS và THPT; Xây dựng kế hoạch bài học, hoạt động trải nghiệm trong môn học hoặc chuyên đề học tập theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; Những vấn đề cơ bản về tổ chức dạy học trên lớp.	3	HK6	Tự luận
25.	Mở rộng trường và lý thuyết phương trình đại số	Nội dung học phần bao gồm: Trường con nguyên tố và trường nguyên tố, mở rộng đơn; Kết nối nghiệm; Bậc và mở rộng hữu hạn, mở rộng lặp; Trường nghiệm và mở rộng kín đại số; Tự đẳng cấu trường, nhóm Galois; Đa thức tách được, mở rộng tách được; Sự tương ứng giữa nhóm con và trường con; Trường hữu hạn; Giải phương trình đại số bằng căn thức; Phương trình bậc 3 bất khả quy; Tính không giải được của phương trình bậc 5.	3	HK7	Tự luận
26.	Đa thức và nhân tử hóa	Nội dung học phần bao gồm: Nhắc lại một số kiến thức về vành đa thức một biến và vành đa thức nhiều biến; Đa thức đối xứng. Sự tồn tại nhân tử hóa duy nhất; Vành nhân tử hóa; Các vành nhân tử hóa đặc biệt: Vành chính, vành Euclide, vành đa thức trên các trường số phức, thực, hữu tỉ.	3	HK5	Tự luận
27.	Ứng dụng ICT trong giảng dạy Toán học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp dạy học theo mô hình có ứng dụng ICT. Hướng dẫn sinh viên biết cách sử dụng và phối hợp thành thạo một số công cụ hỗ trợ giảng dạy Toán học ở trường phổ thông. Nội dung học phần sẽ được minh họa thông qua thực hành sử dụng các ứng dụng lưu trữ dữ liệu trên đám mây, Google Apps, xây dựng và xuất bản website với Google Sites; các công cụ hỗ trợ tổ chức dạy học trực tuyến như Moodle, Zoom, Google Class Room và một số phần mềm hỗ trợ dạy học Toán bao gồm iMindMap, LaTeX, Graph, Maple, Geogebra.	2	HK7	Thực hành
28.	Hàm biến phức	Nội dung học phần bao gồm: Số phức và các phép toán, Tôpô trên mặt phẳng phức: sự hội tụ của dãy và chuỗi số phức; hàm biến phức, giới hạn và tính liên tục của hàm biến phức; hàm chỉnh hình: điều kiện Cauchy - Riemann, ý nghĩa hình học của argument và môđun của đạo hàm; tích phân phức: các định lý Cauchy về tích phân của hàm chỉnh hình, công thức tích phân Cauchy, tích phân loại Cauchy, định lý Louville và một số định lý quan trọng của hàm chỉnh hình; lý thuyết chuỗi và thặng dư; định lý khai triển Taylor và Laurentz, thặng dư và	3	HK7	Tự luận

		cách tính, nguyên lý argument và định lý Rouché; hàm điều hòa và điều hòa dưới, bài toán Dirichlet.			
29.	Lý thuyết số	Nội dung học phần bao gồm: Số tự nhiên: Tập hợp tương đương, bản số, các phép toán trên các số tự nhiên; Vành số nguyên: Xây dựng vành số nguyên, tính chất của vành số nguyên, lý thuyết chia hết trong vành số nguyên, lý thuyết đồng dư; Trường số hữu tỉ; Liên phân số: Liên phân số và giản phân, biểu diễn một số thực thành liên phân số, ứng dụng của liên phân số để xác định nghiệm của phương trình Diophantine bậc nhất hai ẩn, biểu diễn xấp xỉ số thực bằng giản phân, xấp xỉ tốt; Các hệ thống ghi số và thực hiện các phép tính trên nó; Số nguyên tố: Định lý cơ bản và các hàm số học.	3	HK4	Tự luận
30.	Hình học xạ ảnh	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm về không gian xạ ảnh và một số mô hình của không gian xạ ảnh; Mục tiêu xạ ảnh, tọa độ xạ ảnh, công thức đối mục tiêu xạ ảnh; m-phẳng xạ ảnh; Ti số kép, hình bốn cạnh toàn phần; Ánh xạ xạ ảnh, phép biến đổi xạ ảnh và hình học xạ ảnh; Nguyên tắc đối ngẫu; Liên hệ giữa một mô hình xạ ảnh và một mô hình afin, áp dụng trong việc giải bài toán hình học Euclide; Các vấn đề về siêu mặt bậc 2 trong không gian xạ ảnh; Một số định lý quan trọng trong P^2 .	3	HK7	Tự luận
31.	Giải tích hàm	Nội dung học phần bao gồm: Lý thuyết tổng quát cùng các ví dụ về không gian tuyến tính, không gian định chuẩn và không gian Banach; không gian con và không gian thương; toán tử tuyến tính liên tục; các nguyên lý cơ bản của giải tích hàm; không gian liên hợp và tôpô yếu; một số toán tử trong không gian Banach; không gian Hilbert và toán tử tuyến tính liên tục trên đó.	3	HK8	Tự luận
32.	Quy hoạch tuyến tính	Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về giải tích lồi, các loại bài toán tối ưu; Cơ sở lý thuyết của thuật toán đơn hình và thuật toán đơn hình; Lý thuyết đơn hình đối ngẫu và giải bài toán quy hoạch tuyến tính; Bài toán vận tải; Thuật toán qui không cước phí ô chọn. Lòng ghép nội dung ứng dụng các phần mềm hỗ trợ học tập và nghiên cứu (phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể).	2	HK4	Tự luận
33.	Phương pháp tính	Nội dung học phần bao gồm: Các bài toán cơ bản của toán học tính toán; Các khái niệm sai số, số gần đúng, làm tròn số; Xấp xỉ hàm: đa thức nội suy Lagrange, Newton, Gauss; Tính gần đúng đạo hàm, tính gần đúng tích phân; Giải gần đúng nghiệm	2	HK4	Tự luận

		của phương trình đại số 1 ẩn, hệ phương trình tuyến tính, phương trình vi phân. Lòng ghép nội dung ứng dụng các phần mềm hỗ trợ học tập và nghiên cứu (phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể).			
34.	Phương trình đạo hàm riêng	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng, phân loại phương trình tuyến tính cấp 2, khái niệm về đặc trưng. Hàm điều hoà, phương trình Laplace và các bài toán Dirichlet và Neumann đối với hàm điều hoà. Phương trình truyền sóng, phương trình truyền nhiệt.	3	HK6	Tự luận
35.	Môđun và đại số	Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức về môđun, môđun tự do, môđun nội xạ, môđun xạ ảnh, bao nội xạ, phủ xạ ảnh; tích Tenxơ; dây khớp; Những kiến thức cơ bản về đại số.	3	HK6	Tự luận
36.	Hình học vi phân	Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm và tính chất liên quan đến phép tính vi phân trong \sim^n , hàm vectơ khả vi, trường vectơ, trường mục tiêu. Lý thuyết về đường trong mặt phẳng và không gian: đường tham số hóa, phép đổi tham số, trường vectơ dọc theo đường tham số hóa, vectơ tiếp xúc, trường mục tiêu Frénet và các công thức để tính độ cong, độ dài, độ xoắn của đường trong E^2 và E^3 . Lí thuyết mặt trong không gian: mặt tham số hóa, phép đổi tham số, trường vectơ trên mặt, trường chuẩn Gauss và trường mục tiêu Gauss, độ cong chính và độ cong Gauss cùng các công thức tính.	3	HK6	Tự luận
37.	Tiếng Anh chuyên ngành Toán học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên ngành Cử nhân Sư phạm Toán, giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. Sinh viên cũng được làm quen với việc trình bày một số bài toán sơ cấp bằng tiếng Anh và dịch thuật các đoạn đơn giản từ Anh sang Việt và ngược lại. Các nội dung chủ yếu của môn học là các kiến thức được thể hiện trong từng chương như: Số học, Đại số, Hình học, Trong từng bài có những phần chính như đọc hiểu, viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành, đồ vui toán học ... Do sinh viên bước đầu làm quen với các thuật ngữ chuyên ngành nên môn học không đặt nặng về kiến thức toán học mà chỉ giúp sinh viên làm quen dần thông qua những kiến thức toán học sinh viên đã biết và được trình bày lại bằng tiếng Anh.	3	HK6	Trắc nghiệm + Tự luận

38.	Tâm lý học đại cương	Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Trí nhớ; Tình cảm và ý chí; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Tự luận
39.	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh; Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học dạy học trung học phổ thông; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học phổ thông; Tâm lý học nhân cách người giáo viên trung học phổ thông.	2	HK3	Tự luận
40.	Giáo dục học đại cương	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển xã hội, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK3	Tự luận
41.	Giáo dục học phổ thông	Học phần gồm hệ thống những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như: Khái niệm, bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục...; người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong trường PT, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.	2	HK4	Tự luận
42.	Giao tiếp sư phạm	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (khái niệm, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm và năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên), Thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.	2	HK4	Tự luận
43.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	Học phần bao gồm hệ thống các hoạt động rèn luyện kỹ năng tâm lý – giáo dục và kỹ năng sư phạm cơ bản.	1	HK3	Thực hành
44.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	Nội dung học phần bao gồm: <i>Phần 1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng tâm lý giáo dục</i>	1	HK4	Thực hành

		<p>Phần này nhằm củng cố và rèn luyện các kỹ năng thực hành cơ bản về giáo dục học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, sách giáo khoa và tài liệu học tập ở trường trung học. - Xây dựng và quản lý tập thể học sinh THCS và THPT: học tập kinh nghiệm về quản lý và giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THCS và THPT. - Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường THCS và THPT. Rèn luyện kỹ năng nhận xét, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh THCS và THPT. - Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm. <p><i>Phần 2. Rèn luyện kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành Sư phạm Toán học</i></p> <p>Thực hành các kỹ năng dạy học toán ở trường THCS và THPT: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt nội dung môn toán; Kỹ năng vẽ hình, trình bày bảng, ...</p>			
45.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	<p>Nội dung học phần bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại Trường Đại học Phú Yên (15 tiết), sinh viên thực hành các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa môn toán ở trường THCS và THPT; - Thực hành soạn giáo án; - Tìm hiểu và thực hành các bước lên lớp của một tiết dạy; - Tìm hiểu các tiêu chí và thực hành nhận xét, đánh giá một tiết dạy; - Thực hành dạy học các tình huống điển hình và các nội dung môn toán phổ thông, chú ý sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. 2. Tại trường phổ thông (15 tiết), sinh viên tiếp xúc với giáo viên phổ thông để tìm hiểu các nội dung trên và quan sát giáo viên thực hiện các nội dung đó qua các tiết dạy. 	1	HK5	Thực hành
46.	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	<p>Nội dung học phần bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tại Trường Đại học Phú Yên (15 tiết), sinh viên thực hành các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành các kỹ năng tổ chức dạy học môn Toán cho học sinh THCS và THPT; 	1	HK6	Thực hành

		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng trên lớp học trong dạy học Toán ở trường THCS và THPT. - Thực hành kiểm tra, đánh giá người học. <p>2. Tại trường phổ thông (15 tiết), sinh viên tiếp xúc với giáo viên phổ thông để tìm hiểu các nội dung trên và quan sát giáo viên thực hiện các nội dung đó qua các tiết dạy.</p>			
47.	Phát triển chương trình môn Toán	Nội dung học phần: Các khái niệm cơ bản về chương trình, các dạng chương trình, chuẩn; nguyên tắc, yêu cầu khi xây dựng một chương trình toán phổ thông; phân tích chương trình toán phổ thông; thiết kế các nhiệm vụ học tập dựa trên các tiêu chí của chương trình; thiết kế nội dung học tập theo các chủ đề cụ thể; phân tích sách giáo khoa; đánh giá một chương trình dạy học toán phổ thông.	2	HK7	
48.	Đánh giá trong giáo dục	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về khoa học đo lường và đánh giá; năng lực và kỹ năng thực hành cơ bản về các hoạt động đánh giá hoạt động học tập của học sinh trên lớp và thực hiện kiểm tra đánh giá để cải tiến chất lượng dạy học. Học phần này bao gồm những nội dung chính: Lập kế hoạch đánh giá và tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá; Thiết kế, cải tiến, hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá và Cải tiến chất lượng dạy và học dựa trên kết quả kiểm tra đánh giá.</p> <p>Thông qua các nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá trong giáo dục; làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục để đo lường và đánh giá thành quả học tập và cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường phổ thông.</p>	2	HK7	Tự luận
49.	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường trung học	<p>Nội dung học phần bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề về dạy học môn Toán theo tiếp cận năng lực: Dạy học theo tiếp cận và phát triển năng lực; Đặc điểm và yêu cầu dạy học môn Toán theo cách tiếp cận và phát triển năng lực. - Phương pháp dạy học môn Toán theo cách tiếp cận phát triển năng lực: Một số vấn đề về phương pháp, phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán theo cách tiếp cận, phát triển năng lực; Hướng dẫn dạy học các dạng bài theo tiếp cận phát triển năng lực. - Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Toán theo tiếp cận 	2	HK8	Tự luận

		phát triển năng lực.			
50.	Thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp môn toán ở trường trung học	Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về tích hợp và dạy học tích hợp ở trường phổ thông; Quy trình thiết kế chủ đề tích hợp; Cách thức triển khai dạy học tích hợp; Áp dụng lí luận trên vào thực tiễn trong dạy học tích hợp môn toán ở trường trung học.	2	HK8	Tự luận
51.	Phát triển năng lực dạy học Toán ở trường trung học	học Toán: Năng lực giải toán phổ thông; Năng lực vận dụng lí luận và phương pháp dạy học môn Toán vào thực tiễn dạy học ở trường trung học; Năng lực tổ chức thực hiện, điều hành giờ dạy trên lớp.	2	HK8	Tự luận
52.	Bất đẳng thức và ứng dụng	Nội dung của học phần gồm các kiến thức cơ bản về bất đẳng thức, các bất đẳng thức cổ điển, bất đẳng thức hàm lồi (lỗm). Rèn luyện các phương pháp chứng minh bất đẳng thức: chứng minh trực tiếp, tổng hợp các bất đẳng thức phụ, dùng đạo hàm ... Áp dụng việc chứng minh bất đẳng thức vào các bài toán tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất. Áp dụng việc chứng minh bất đẳng thức vào các bài toán trong hình học phẳng.	2	HK8	Tự luận
53.	Lý thuyết đồng dư và ứng dụng	Nội dung học phần bao gồm: Lý thuyết đồng dư; Các định lý cơ bản về đồng dư: định lí Euler, định lí Fermat, định lí Wilson, định lí Thặng dư Trung Hoa; Phương trình và hệ phương trình đồng dư; Ứng dụng của đồng dư để tìm dấu hiệu chia hết, chứng minh tính chia hết và tìm số dư trong phép chia, tìm các chữ số tận cùng của một số tự nhiên.	2	HK8	Tự luận
54.	Đa thức không âm và ứng dụng	Nội dung học phần bao gồm: Không gian véctor và nón trong không gian véctor; Đa thức không âm là tổng bình phương; Đa thức không âm không là tổng bình phương; Ứng dụng của đa thức không âm.	2	HK8	Tự luận
55.	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier	Nội dung học phần bao gồm: Biến đổi Laplace và phép tính vi phân và tích phân, biến đổi Laplace và phép chuyển dịch, nghịch ảnh của tích hai hàm, biến đổi Laplace của hàm tuần hoàn và một số ứng dụng của phép biến đổi Laplace. Dạng phức của chuỗi Fourier, xấp xỉ bằng đa thức lượng giác, giải phương trình vi phân bằng chuỗi Fourier, tích phân Fourier, biến đổi Fourier sin và cosin, biến đổi Fourier.	3	HK8	Tự luận
56.	Phương trình hàm	Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức về hàm số: chẵn lẻ, tuần hoàn và phản tuần hoàn, tuần hoàn và phản tuần hoàn nhân tính, mối quan hệ giữa hàm tuần hoàn cộng tính và nhân tính, đặc trưng hàm của một số hàm số sơ cấp. Phương trình hàm với cặp biến tự do: hàm số chuyển đổi các phép tính số	3	HK8	Tự luận

		<p>học, hàm số chuyển đổi các đại lượng trung bình, hàm số sinh bởi các đặc trưng hàm của các hàm lượng giác, hyperbolic và hàm lượng giác ngược, phương trình với nhiều ẩn hàm. Phương trình hàm với phép biến đổi đối số: tịnh tiến và đồng dạng, biến đổi phân tuyến tính, hàm số xác định bởi phép biến đổi đại số, phương trình trong lớp các hàm tuần hoàn.</p>			
--	--	---	--	--	--

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng

Biểu mẫu 19**UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Đại học Phú Yên
Năm học 2022-2023****A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	269.244	x		
a	Trụ sở chính				
b	Cơ sở 1 tại 18 Trần phú, Phường 7, Thành phố Tuy hòa, Phú Yên	53.926	x		
c	Cơ sở 2 tại đường Nguyễn Văn Huyền, Phường 9, Thành phố Tuy hòa, Phú Yên	215.318	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	36.811	x		
a	Trụ sở chính				
b	Cơ sở 1 tại 18 Trần phú, Phường 7, Thành phố Tuy hòa, Phú Yên	14.311	x		
c	Cơ sở 2 tại đường Nguyễn Văn Huyền, Phường 9, Thành phố Tuy hòa, Phú Yên	22.500	x		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	20	Thí nghiệm	Sinh viên	1.200	x		
2	Phòng thực hành...	11	Thực hành	Sinh viên	900	x		
3	Xưởng thực tập...	01	Thực tập	Sinh viên	300	x		
4	Nhà tập đa năng	01	TD-TT	Sinh viên	915	x		

5	Hội trường	08	Họp	CBVC,SV	1369	x		
6	Phòng học...	74	Giảng dạy	Sinh viên	16.647	x		
7	Phòng học đa phương tiện...	x						
8	Thư viện...	02	N/cứu	CBVC,SV	1.268	x		
9	Trung tâm học liệu...	x						
10	Các phòng chức năng khác	66	Làm việc	CBVC	9.209	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính của thư viện	30
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	110.094 bản. 16.116 đầu sách
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	192.3m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	26m ² /SV

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng

Biểu mẫu 20

**UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Phú Yên
Năm học 2022 - 2023

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I	53		01	11	46				38	19	02
	Ngành ĐH GDMN	07			01	06				05	02	
	Ngành ĐH GDTH	09			03	06				04	05	
	Ngành ĐH SP Toán	07			01	06				05	02	
	Ngành ĐH SP Tin học	06			01	05				04	02	
	Ngành ĐH SP Hóa học	04			01	02				03		
	Ngành ĐH SP Sinh học	04			01	03				03	01	
	Ngành ĐH SP Văn học	04			01	03				03	01	01
	Ngành ĐH SP Lịch sử	07		01	02	04				03	02	01
	Ngành ĐH SP Tiếng anh	05				05				03	02	
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											

d	Khối ngành IV										
	Ngành ĐH Hóa học	04			01	03				04	
	Ngành ĐH Sinh học	04			03	01				03	01
	Ngành ĐH Vật lý học	06			02	04				05	01
đ	Khối ngành V										
	Ngành ĐH CNTT	06			01	05				05	01
e	Khối ngành VI										
	Ngành...										
	Khối ngành VII										
	Ngành ĐH Ngôn ngữ Anh	07			01	06				03	04
	Ngành ĐH Văn học	04				04				03	01
	Ngành ĐH Việt nam học	05			02	03				03	02
2	Giảng viên cơ hữu môn chung										
	Đại học	14			03	07	04			11	03

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
1.	Trần Văn Chương	1957	Nam	CVCC	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
2.	Lê Thị Hoàng Điệp	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
3.	Châu Thị Hồng Nhựt	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
4.	Nguyễn Hoài Uyên	1981	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
5.	Phan Thị Lan	1970(TL) 1971(NT)	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
6.	Phan Thị Thanh Thúy	1983	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)
7.	Nguyễn Huy Vũ	1985	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non (Đại học)

8.	Trần Văn Tàu	1975	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
9.	Nguyễn Thùy Vân	1974	Nữ	Hạng II	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
10.	Mai Thị Lê Hải	1983	Nữ	Hạng II	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
11.	Lê Dinh Dinh	1977	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
12.	Huỳnh Thị Như Huyền	1975	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
13.	Trần Thị Phượng Nga	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
14.	Lê Đức Hiếu	1979	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
15.	Lê Bạt Sơn	1969	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
16.	Nguyễn Xuân Thành	1978	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học (Đại học)
17.	Lê Đức Thoang	1971	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Sư phạm Toán học (Đại học)
18.	Trần Thị Gia Lâm	1983	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ (NCS)	Sư phạm Toán học (Đại học)
19.	Đào Thị Hải Yến	198	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ (NCS)	Sư phạm Toán học (Đại học)
20.	Đào Thị Kim Chi	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học (Đại học)
21.	Lê Hào	1964	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học (Đại học)
22.	Phùng Xuân Lễ	1983	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học (Đại học)
23.	Nguyễn Hoàng Minh	1995	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Toán học (Đại học)
24.	Lê Thị Kim Loan	1967	Nữ	Hạng II	Tiến sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
25.	Nguyễn Quốc Dũng	1987	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
26.	Huỳnh Minh Giảng	1969	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
27.	Lê Thị Thu Oanh	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
28.	Phan Thị Thanh Thủy	1975	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
29.	Phạm Ngọc Thịnh	1983	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tin học (Đại học)
30.	Phan Quỳnh Trâm	1985	Nữ	Hạng III	Tiến sĩ	Sư phạm Hóa học (Đại học)
31.	Huỳnh Thị Ngọc Ni	1987	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học (Đại học)

32.	Nguyễn Thị Mai Trúc	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học (Đại học)
33.	Đỗ Trọng Đăng	1984	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Sư phạm Sinh học (Đại học)
34.	Nguyễn Thị Kim Triển	1984	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học (Đại học)
35.	Dương Thị Oanh	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học (Đại học)
36.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1983	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học (Đại học)
37.	Võ Thị Ngọc Hoa	1976	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ (NCS)	Sư phạm Văn học (Đại học)
38.	Nguyễn Thị Ái Thoa	1981	Nữ	Hạng II	Tiến sĩ	Sư phạm Văn học (Đại học)
39.	Nguyễn Thị Lê Nin	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Văn học (Đại học)
40.	Huỳnh Thị Diệu Duyên	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Văn học (Đại học)
41.	Nguyễn Văn Thuởng	1971	Nam	PGS, Hạng I	Tiến sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
42.	Đào Nhật Kim	1970	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
43.	Nguyễn Huy Phương	1976	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
44.	Đỗ Thị Minh Trang	1987	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
45.	Ngô Thị Kim Phượng	1968	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
46.	Võ Thị Minh Duyên	1972	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử (Đại học)
47.	Võ Thị Kim Thoa	1968	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)
48.	Hồ Thị Việt Luận	1970	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)
49.	Hoàng Lưu Bảo	1971	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)
50.	Phạm Như Quỳnh	1988	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)
51.	Mai Thị Thùy Linh	1996	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)
2	Khối ngành IV					
1.	Lê Thanh Sơn	1981	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Hóa học (Đại học)
2.	Nguyễn Thị Nguyên Thảo	1984	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ (NCS)	Hóa học (Đại học)
3.	Bùi Thị Bích Ngọc	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Hóa học (Đại học)
4.	Trần Thị Kim Thảo	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Hóa học (Đại học)
5.	Văn Thị Phương Như	1972	Nữ	Hạng II	Tiến sĩ	Sinh học (Đại học)

6.	Võ Thị Thu Em	1983	Nữ	Hạng III	Tiến sĩ	Sinh học (Đại học)
7.	Lương Thị Ánh Tuyết	1984	Nữ	Hạng III	Tiến sĩ	Sinh học (Đại học)
8.	Đào Lê Tuyên	1983	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Sinh học (Đại học)
9.	Lê Đức Toàn	1985	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Vật lý học (Đại học)
10.	Trần Xuân Hồi	1978	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Vật lý học (Đại học)
11.	Nguyễn Đình Sỹ	1965	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Vật lý học (Đại học)
12.	Nguyễn Thị Quỳnh Uyên	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Vật lý học (Đại học)
13.	Trịnh Minh Thiên	1976	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Vật lý học (Đại học)
14.	Nguyễn Minh Thúc	1986	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Vật lý học (Đại học)
3	Khối ngành V					
1.	Võ Thị Hồng Loan	1975	Nữ	Hạng III	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
2.	Lê Thị Kim Anh	1987	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
3.	Trần Trọng Bắc	1975	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
4.	Trần Minh Cảnh	1968	Nam	Hạng II	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
5.	Hồ Thị Duyên	1987	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
6.	Trần Xuân Hiệp	1979	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Đại học)
4	Khối ngành VII					
1.	Châu Văn Đôn	1967	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
2.	Hồng Ái Nga	1970	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
3.	Lê Hạnh Duyên	1996	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
4.	Lê Thị Băng Tâm	1973	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
5.	Nguyễn Như Ý	1988	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
6.	Nguyễn Thị Hạnh	1970	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
7.	Hoàng Liên Hương	1990	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh (Đại học)
8.	Nguyễn Thị Liên	1974	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ (NCS)	Văn học (Đại học)

9.	Võ Nguyễn Bích Duyên	1986	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Văn học (Đại học)
10.	Phan Ánh Nguyễn	1988	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Văn học (Đại học)
11.	Nguyễn Thị Hiền	1991	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Văn học (Đại học)
12.	Nguyễn Định	1961	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Việt Nam học (Đại học)
13.	Đoàn Thị Như Hoa	1980	Nữ	Hạng III	Tiến sĩ	Việt Nam học (Đại học)
14.	Đoàn Thị Mỹ Dung	1979	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Việt Nam học (Đại học)
15.	Nguyễn Thị Ngạn	1980	Nữ	Hạng II	Thạc sĩ	Việt Nam học (Đại học)
16.	Phan Thị Thùy Linh	1985	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Việt Nam học (Đại học)
5	Các môn chung					
1.	Trần Lăng	1968	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Các môn chung (Đại học)
2.	Đào Văn Phụng	1978	Nam	Hạng II	Tiến sĩ	Các môn chung (Đại học)
3.	Nguyễn Minh Cường	1985	Nam	Hạng III	Tiến sĩ	Các môn chung (Đại học)
4.	Nguyễn Quốc Trầm	1983	Nam	Hạng II	Thạc sĩ (NCS)	Các môn chung (Đại học)
5.	Phạm Minh Quang	1989	Nam	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
6.	Nguyễn Thị Phương Vi	1995	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
7.	Võ Thị Tem	1980	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
8.	Nguyễn Thị Trang	1974	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
9.	Tôn Nữ Cẩm Hường	1989	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
10.	Huỳnh Thị Xuân Hòa	1975	Nữ	Hạng III	Thạc sĩ	Các môn chung (Đại học)
11.	Phan Thị Tuyết Trân	1977	Nữ	Hạng III	Cử nhân	Các môn chung (Đại học)
12.	Trần Đắc Ân	1966	Nam	Hạng III	Cử nhân	Các môn chung (Đại học)
13.	Nguyễn Văn Hoàng	1967	Nam	Hạng III	Cử nhân	Các môn chung (Đại học)
14.	Nguyễn Ngọc Sách	1968	Nam	Hạng III	Cử nhân	Các môn chung (Đại học)

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng

Biểu mẫu 21**UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN****THÔNG BÁO****Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành Khoa học xã hội; kinh tế; nông; lâm; thủy sản	Triệu đồng/năm	8,82	35,28
	Khối ngành Khoa học Tự nhiên; kỹ thuật; công nghệ; tdt; nghệ thuật; khách sạn; du lịch	Triệu đồng/năm	1,053	42,12
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		

	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	6,5	13
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	18,031	
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hoạt động sự nghiệp	Tỷ đồng	14,939	

Phú Yên, ngày 26 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Lăng